

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH

LÊ THANH THỦY

**“Hoàn thiện tổ chức và quản trị công tác kiểm tra,
xác định trị giá tính thuế tại Cục Hải quan
thành phố Hồ Chí Minh”**

Chuyên ngành: Quản Trị Ngoại Thương

Mã số: 60.34.05.

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS BÙI LÊ HÀ

TP.HỒ CHÍ MINH - NĂM 2009

LỜI CẢM ƠN

Kính thưa các Thầy Cô Khoa Thương mại - Du lịch, Khoa Sau đại học - Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Qua 3 năm học tập, được sự truyền đạt hết sức tận tình, chu đáo của quý Thầy Cô, đến nay tôi đã tiếp thu được nhiều kiến thức hết sức bổ ích. Những kiến thức này có giá trị thực tiễn rất lớn, góp phần nâng cao khả năng công tác đối với bản thân tôi, một công chức Hải quan. Nhân dịp này, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe đến các Thầy Cô và xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó của Quý Thầy Cô.

Đến nay, tôi đã kết thúc chương trình học tập của lớp Cao học 15 - Chuyên ngành Quản trị ngoại thương và được bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

Trong quá trình thực hiện bài luận văn này, tôi đã tìm hiểu các qui định của nhà trường về nội dung, hình thức, trình tự thực hiện, thu thập tài liệu...

Nay Luận văn đã hoàn thành, dưới sự hướng dẫn hết sức tận tình, chu đáo của Thầy giáo PGS.TS Bùi Lê Hà. Phải nói rằng, bài luận văn sẽ không thực hiện được một cách thuận lợi nếu không có sự hướng dẫn khoa học của Thầy. Qua đây, cho phép tôi bày tỏ sự biết ơn chân thành và kính chúc Thầy luôn luôn tràn đầy sức khỏe, ngày càng thành công trên con đường nghiên cứu khoa học của mình.

Xin chân thành cảm ơn Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện, hỗ trợ tôi trong thời gian theo học tại trường, cũng như cung cấp số liệu, tài liệu để hoàn thành bài Luận văn này.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2009
Người thực hiện.

Lê Thanh Thủy

MỤC LỤC

Danh mục Phụ lục	
Phụ lục	
Danh mục hình vẽ, biểu đồ	
Danh mục các chữ viết tắt	
Tài liệu tham khảo	
LỜI MỞ ĐẦU	
Lý do chọn đề tài	
Mục đích nghiên cứu	
Nhiệm vụ:	
Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	
Bố cục của luận văn	
CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	01
1.1 Lý thuyết về Quản trị học	
1.1.1 Khái niệm về quản trị - quản trị học	
1.1.1.1 Khái niệm về quản trị	
1.1.1.2 Khái niệm về quản trị học	02
1.1.2 Chức năng của quản trị học	
1.1.3 Vai trò của quản trị học	
1.2 Cơ sở thực tiễn của đề tài	03
1.3 Tổng quan về trị giá Hải quan theo Hiệp định trị giá GATT/WTO	04
1.3.1. Vài nét về sự ra đời của Hiệp định GATT và Tổ chức thương mại thế giới WTO	
1.3.2 Cấu trúc và nội dung của Hiệp định Trị giá hải quan GATT/WTO	08
1.3.2.1 Cấu trúc của Hiệp định	
1.3.2.2 Nội dung các phương pháp xác định trị giá tính thuế theo GATT	09
a) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu (transaction value method) - Phương pháp 1	
b) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt (identical goods method) - Phương pháp 2	
c) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự (similar goods method) - Phương pháp 3	
d) Phương pháp trị giá khấu trừ (deductive value method) - Phương pháp 4	
e) Phương pháp trị giá tính toán (computed value method) - Phương pháp 5	
f) Phương pháp dự phòng (Fallback method) - Phương pháp 6	
1.3.2.3 Một số lựa chọn tùy ý cho các nước khi tham gia Hiệp định	10

1.4 Kinh nghiệm thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO ở một số nước trong khu vực ASEAN	13
1.4.1 Kinh nghiệm của Thái Lan	
1.4.2. Kinh nghiệm của Indonesia	15
1.4.3. Một số kinh nghiệm của Tổ chức Hải quan ASEAN với việc thực hiện trị giá GATT/WTO	16
1.4.4 Hải quan Việt Nam đã áp dụng kinh nghiệm của các nước trong công tác kiểm tra xác định trị giá tính thuế như thế nào	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG I	19
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH	20
2.1 Giới thiệu về Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	21
2.1.1 Bộ máy tổ chức Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	
2.1.2 Kết quả đạt được trong các năm qua	22
2.2 Phân tích thực trạng hệ thống tổ chức và quản trị công tác tác nghiệp kiểm tra, xác định trị giá tính thuế tại Cục Hải Quan TP.Hồ Chí Minh	
2.2.1 Cơ sở pháp lý	
2.2.2 So sánh quy định về xác định trị giá tính thuế của Việt Nam với các điều khoản quy định tại Hiệp định trị giá GATT/WTO	26
2.3 Mô hình tổ chức Phòng trị giá tính thuế Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và thực trạng công tác kiểm tra xác định trị giá tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	33
2.3.1 Mô hình tổ chức Phòng Trị giá tính thuế Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh	
2.3.2 Nguyên tắc và hoạt động kiểm tra, xác định trị giá hải quan tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.	35
2.3.2.1 Tại Phòng Trị giá tính thuế	
2.3.2.2 Tại các chi cục Hải quan cửa khẩu	36
2.3.3 Hướng dẫn khai báo tờ khai trị giá tính thuế hàng nhập khẩu	37
2.3.3.1 Quy định về khai báo tờ khai trị giá	38
2.3.3.2 Tính pháp lý của tờ khai trị giá	39
2.3.3.3 Hướng dẫn khai báo	
2.4 Những kết quả đạt được do công tác tham vấn giá tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	45
2.5 Đánh giá chung về thực trạng công tác xác định giá tính thuế, kiểm tra giá tính thuế tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	46
2.5.1 Những mặt thuận lợi	
2.5.2 Những khó khăn, bất cập	47
2.5.2.1 Cơ chế chính sách, luật pháp	48

2.5.2.2 Công tác xác định giá tính thuế, kiểm tra giá tính thuế	
2.5.2.2.1 Thực trạng	
2.5.2.2.2 Đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá	49
2.5.2.3 Công tác tổ chức, đào tạo	52
2.5.2.4 Công tác tham vấn	53
2.5.2.5. Nguồn thông tin	54
2.5.2.6 Về phương tiện máy móc thiết bị phục vụ cho công tác quản lý xác định trị giá tính thuế	58
2.5.3 Những khó khăn từ bên ngoài	59
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	63

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

3.1 Xây dựng quy trình tham vấn trị giá hải quan theo hướng hiện đại	
3.1.1 Xây dựng chuyên đề về tham vấn	
3.1.2 Tổ chức tốt công tác tham vấn tập trung	
3.2 Tổ chức công tác Kiểm soát, Điều tra chống buôn lậu	68
3.3 Công tác tổ chức nhân sự	70
3.4 Tổ chức kiểm tra sau thông quan tại Chi cục Kiểm tra sau thông quan	71
3.5 Công tác đào tạo, tuyên truyền	73
3.6 Các giải pháp khác	74
3.6.1. Về hệ thống máy móc thiết bị	
3.6.2. Tăng cường tuyên truyền, cảnh báo... nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp trong khai báo trị giá	75
3.6.3 Xây dựng cơ chế mua tin	76
3.6.4 Khen thưởng, kỷ luật kết hợp với công tác chống tham nhũng	
3.7 Kiến nghị với Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan	77
3.7.1 Minh bạch hóa các văn bản pháp quy về xác định trị giá hải quan	
3.7.2 Xây dựng Danh mục trị giá chuẩn	80
3.7.3 Chương trình quản lý thông tin giá tính thuế GTT22	81
KẾT LUẬN	83

DANH MỤC PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 1_**: Nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá tính thuế theo Hiệp Định trị giá GATT/WTO
2. **Phụ lục 2** : Một số khuyến cáo của hải quan Asean
3. **Phụ lục 3**: Số liệu chi tiết kết quả hoạt động của Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh
4. **Phụ lục 4**: Bảng kê hệ thống văn bản quy định việc xác định trị giá tính thuế
5. **Phụ lục 5**: Danh sách các nước thuộc đối tượng áp dụng GATT tại Việt Nam
6. **Phụ lục 6**: Kết quả tham vấn giá tại Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh qua các năm 2004 đến 2008.

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

1. Sơ đồ 2.1.1 : Sơ đồ bộ máy tổ chức Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh (Tr.21)
2. Biểu đồ 2.1.2.1: Số liệu Kim ngạch xuất nhập khẩu & Số liệu thu thuế xuất nhập khẩu Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh từ năm 1986 đến năm 2008 (Tr.22)
3. Sơ đồ tổng quát quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại ban hành kèm theo quyết định 874/QĐ/TCHQ (Tr 30)
4. Sơ đồ tổng quát quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại, ban hành kèm Quyết định 1171/QĐ/TCHQ ngày 15/6/2009 (Tr 32)
5. Sơ đồ 2.3.1 – Sơ đồ tổ chức bộ máy Phòng trị giá tính thuế - Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh (Tr.34)
6. Sơ đồ nguyên tắc hoạt động xác định trị giá theo QĐ1636/2008/QĐ/TCHQ (Tr 35)
7. Biểu đồ mô tả số thuế tăng sau khi điều chỉnh giá - Năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 (Tr 45)
8. Sơ đồ “ Đề xuất bộ máy tổ chức tham vấn giá tại cục Hải quan TP.Hồ chí Minh” (Tr 67).

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GATT: General Agreement on Tariffs and Trade - Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại

WTO: World Trade Organization - Tổ chức Thương mại Thế giới

ASEAN: Association of Southeast Asian Nations - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

ITO: International Trade Organization - Tổ chức Thương mại Quốc tế

BDV: Brussels Definition of Value - Định nghĩa trị giá Brussels

CDV: Current Domestic Value - Trị giá hàng hóa nội địa hiện hành

TCCV: (WTO) Technical Committee on Customs Valuation - Ủy ban Kỹ thuật về xác định trị giá hải quan

CIF: Cost, Insurance and Freight - Giá thành, bảo hiểm và cước phí

FOB: Free on Board - Miễn trách nhiệm trên boong tàu nơi đi (Giao lên tàu)

PIWP: ASEAN Customs Policy and Work Programme - Chương trình hành động và thực hiện chính sách hải quan của ASEAN

ACVG: ASEAN Customs Value guidance Tài liệu hướng dẫn trị giá hải quan của ASEAN

AFTA: ASEAN Free Trade Area - Khu vực mậu dịch tự do ASEAN

CEPT: Common effective Preferential Tariffs - Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung

C/O: Certificate of Origin - Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa

JICA: Japan International Cooperation Agency - Văn phòng hợp tác quốc tế Nhật Bản

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cẩm nang Xác định Trị giá Hải quan của Tổ chức Hải quan Thế giới, 2004, Tổ chức Hải quan Thế giới WCO
2. Giáo trình Xác định Trị giá Hải quan của Tổ chức Hải quan Thế giới, 1998, Tổ chức Hải quan Thế giới
3. Giáo trình Trị giá Hải quan của APEC, 1999, Tiểu ban Thủ tục hải quan, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương APEC
4. Hỏi đáp về WTO, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002
5. Kỹ thuật nghiệp vụ Hải quan và Xuất nhập khẩu, 2008, Nhà xuất bản Tài chính.
6. Phương Linh (2001), “Kinh nghiệm Hải quan Thái Lan khi thực hiện trị giá theo Hiệp định trị giá GATT/WTO”, Hải quan, 4 (108), trang 10
7. Sổ tay Kiểm tra Xác định Trị giá Hải quan của Tổ chức Hải quan Thế giới WCO - tháng 4/2007
8. Tập bài giảng Trị giá hải quan Việt Nam, 2006, Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng công chức hải quan, Tổng cục Hải quan
9. Tài liệu hướng dẫn trị giá hải quan ASEAN (ACVG – ASEAN Customs Value Guide), 2004, bản dịch của Tổng cục Hải quan
10. Website của Tổng Cục Hải quan (www.customs.gov.vn)
11. Website của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh (www.hochiminh.city.gov.vn)
12. Các bài viết trên các website www.xaluan.com, www.vietbao.com

Tiếng Anh:

1. AGREEMENT ON IMPLEMENTATION OF ARTICLE VII OF THE GENERAL AGREEMENT ON TARIFFS AND TRADE, WTO, 1994
2. ASEAN Customs Valuation Guide, ASEAN

LỜI MỞ ĐẦU

Lý do chọn đề tài

Sự kiện Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào ngày 11 tháng 01 năm 2007 đã mở ra những cơ hội đầu tư mới, triển vọng phát triển cho một nền kinh tế tăng trưởng và bền vững, đây là thời khắc lịch sử mà cả dân tộc Việt Nam cùng chung tay góp sức phát triển nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa. Là thành viên của WTO, để hòa nhập với nền kinh tế năng động toàn cầu, trong bối cảnh phải nhanh chóng thực hiện các hiệp định thương mại quốc tế và trong khu vực khiến các chính sách thương mại phải thực thi trở nên phức tạp hơn, trong đó các mục tiêu đặt ra cho ngành Hải quan thì vô cùng đa dạng và thay đổi liên tục nên nhiệm vụ đối với ngành Hải quan ngày càng trở nên khó khăn hơn.

Việc thực hiện hệ thống xác định trị giá tính thuế theo Hiệp định trị giá GATT là một trong những việc mang tính chất bắt buộc khi là thành viên của WTO. Đây là vấn đề đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của nước ta, trong đó ngành Hải quan, là một trong những lực lượng đầu tiên phải có những thay đổi để thích ứng với yêu cầu thực hiện đầy đủ những cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO. Công tác xác định trị giá tính thuế và kiểm tra giá theo Hiệp định GATT trong thời gian qua cũng còn gặp nhiều những khó khăn trở ngại do nhiều nguyên nhân: Trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển; hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, minh bạch, thống nhất; Hệ thống thông tin còn hạn chế; hoạt động thanh toán, các quy định về kế toán chưa được kiểm soát chặt chẽ, thanh toán bằng tiền mặt còn phổ biến; Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận doanh nghiệp còn thấp; Gian lận thương mại quá giá tính thuế diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi hơn. Trong khi đó, lực lượng cán bộ công chức hải quan tuyển dụng mới hàng năm tăng không đáng kể, trình độ cán bộ công chức còn chưa đồng đều, tu duy theo kiểu xưa cũ, không thích thay đổi. Điều đó đã đặt ra nhiều khó khăn và thách thức rất lớn đối với cơ quan Hải quan.

Để góp phần giúp ngành Hải quan nói chung và Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh nói riêng vừa đảm bảo tuân thủ chuẩn mực quốc tế về xác định trị giá hải quan vừa thực hiện vai trò quản lý của hải quan, tôi đã chọn đề tài:

“Hoàn thiện tổ chức và quản trị công tác kiểm tra, xác định trị giá tính thuế tại Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh”

Đó cũng là một trong các nội dung yêu cầu bức xúc có ý nghĩa mặt về lý luận và thực tiễn của ngành Hải quan hiện nay.

Mục đích nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng hệ thống tổ chức và quản trị tác nghiệp công tác kiểm tra, xác định trị giá tính thuế hải quan tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức và quản trị công tác quản lý xác định trị giá hải quan theo Hiệp định trị giá GATT tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.

Nhiệm vụ:

Đề cập, phân tích một số khó khăn vướng mắc và đề xuất một số giải pháp khắc phục trong công tác quản trị việc xác định trị giá hải quan tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Công tác quản lý trị giá tính thuế tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp định tính điển hình gồm :

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu và khảo sát thực tế;
- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp , thống kê

Bố cục của luận văn

Luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương I – Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đề tài.

Chương này nêu lên những vấn đề tổng quát, mang tính lý thuyết về quản trị học – Hiệp định trị giá GATT/WTO và thực tiễn phổ biến về các phương pháp xác định trị giá hải quan trong bối cảnh một cơ quan hải quan hiện đại, có cơ sở hạ tầng vững chắc, hệ thống pháp quy minh bạch và đội ngũ cán bộ, công chức hải quan có trình độ tiêu chuẩn.

Chương II - Thực trạng hệ thống tổ chức và quản trị tác nghiệp kiểm tra, xác định trị giá hải quan tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

Chương này phân tích toàn cảnh công tác tổ chức, cơ cấu vận hành của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và đánh giá toàn bộ công tác quản trị tác nghiệp xác định trị giá hải quan của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh trong thời gian qua. Từ đó, nêu lên những khó khăn, bất cập của hệ thống hiện hành đối với tiềm năng của công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.

Chương III - Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức và quản trị tác nghiệp kiểm tra, xác định trị giá Hải quan tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.

Chương này đề ra một số giải pháp trước mắt và lâu dài nhằm từng bước hoàn thiện tổ chức và quản trị tác nghiệp công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1 Lý thuyết về Quản trị học

1.1.1 Khái niệm về quản trị - quản trị học

1.1.1.1 Khái niệm về quản trị

Về nội dung, thuật ngữ “Quản trị” là hoạt động cần thiết phải được thực hiện khi con người kết hợp với nhau trong các tổ chức nhằm đạt được những mục tiêu chung. Mục tiêu đó có thể là kinh tế, giáo dục, y tế hay xã hội và các tập thể đó có thể là một cơ sở sản xuất, một công ty kinh doanh xuất nhập khẩu, hoặc một cơ quan hành chính Nhà nước. Các hoạt động quản trị là cần thiết vì sẽ giúp gia tăng hiệu quả. Có thể nói rằng lý do tồn tại của các hoạt động quản trị chính là hiệu quả và chỉ khi người nào quan tâm đến hiệu quả công việc thì người ta mới thực sự quan tâm đến hoạt động quản trị.

“Có lẽ không có lĩnh vực hoạt động nào của con người quan trọng hơn là công việc quản lý, bởi vì mọi nhà quản trị ở mọi cấp độ và trong mọi cơ sở đều có một nhiệm vụ cơ bản là thiết kế và duy trì một môi trường mà trong đó các cá nhân làm việc với nhau trong các nhóm có thể hoàn thành các nhiệm vụ và các mục tiêu đã định” trích trong “Koontz và O’Donnell” Nhà xuất bản Khoa Học & Kỹ Thuật – Hà Nội 1992 trang 19.

Có nhiều cách để hiểu khác nhau về quản trị, nhưng nhìn chung có thể hiểu: “Quản trị” là sự tác động của chủ thể quản trị, lên đối tượng quản trị nhằm đạt được mục tiêu nhất định trong điều kiện biến động của môi trường.

1.1.1.2 Khái niệm về quản trị học

Khác với công việc quản trị cụ thể, Quản trị học là khoa học nghiên cứu, phân tích về công việc quản trị trong tổ chức, tức là tìm ra và sử dụng các quy luật trong các hoạt động quản trị để duy trì và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức hoạt động có hiệu

quả. Mặt khác, chúng ta biết rằng trong quá trình quản trị con người hoạt động trong những mối liên hệ nhất định với nhau.

Nói cách khác, Quản trị học là khoa học nghiên cứu, phân tích về công việc quản trị trong tổ chức, tổng kết hóa các kinh nghiệm tốt thành nguyên tắc và lý thuyết có thể áp dụng cho các tình huống quản trị tương tự. Mục tiêu của quản trị học là nhằm giúp chúng ta có những kiến thức và kỹ năng cần thiết để gia tăng hiệu quả trong các hoạt động tập thể, kinh doanh hoặc không kinh doanh.

"Quản trị tổ chức là gì?". Đó là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra các nguồn lực và hoạt động của tổ chức nhằm đạt được mục đích của tổ chức với kết quả và hiệu quả cao trong điều kiện môi trường luôn biến động.

1.1.2 Chức năng của quản trị học

- a) Hoạch định (Planning)
- b) Tổ chức (Organizing)
- c) Quản trị nhân sự (Personnel management)
- d) Lãnh đạo (Leading)
- e) Kiểm tra (Reviewing)

1.1.3 Vai trò của quản trị học

Từ hàng ngàn năm trước, đã có những nỗ lực có tổ chức dưới sự trông coi của những người chịu trách nhiệm hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát để nhân loại có được những công trình vĩ đại tồn tại đến ngày nay như Vạn lý trường thành (Trung Quốc), Kim tự tháp (Ai cập)... Chỉ kể đến Vạn Lý Trường Thành , công trình được bắt đầu xây dựng từ hàng ngàn năm trước đây với chiều dài công trình là hàng ngàn cây số trải dài trên một vùng đất rộng lớn bao la và là công trình duy nhất trên hành tinh chúng ta , mà theo ý kiến của một số người là có thể nhìn thấy từ trên mặt trăng bằng mắt thường. Điều đó chứng tỏ công trình này vĩ đại đến chừng nào, khi biết được rằng có hơn một triệu người đã làm việc tại đây suốt nhiều năm trời ròng rã. Ai

sẽ chỉ dẫn cho mỗi người phu sẽ phải làm gì? Ai là người cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu tại nơi xây dựng?...Chỉ có sự quản trị mới trả lời được những câu hỏi như vậy.

Từ những năm 1960 đến nay, vai trò của quản trị ngày càng có xu hướng xã hội hóa, chú trọng đến chất lượng, không chỉ chất lượng sản phẩm mà là chất lượng của cuộc sống mọi người trong toàn xã hội. Đây là giai đoạn quản trị chất lượng sinh hoạt (quality-of-life management).

Từ những dẫn chứng trên cho thấy rằng Quản trị học có vai trò cực kỳ to lớn trong những thay đổi và phát triển cực kỳ nhanh chóng của thế giới, sự hưng thịnh và suy vong của mỗi quốc gia đều có liên quan chặt chẽ tới hoạt động của quản trị. Perter F. Drucker, một trong những nhà khoa học nổi tiếng về quản trị của Mỹ, đã từng cảnh báo: “Quản trị, năng lực quản trị, tính nhất quán của quản trị và việc thực hiện quản trị sẽ có ý nghĩa đối với cả Mỹ lẫn các nước khác trong những thập kỷ mới”.

Trong phạm vi đề tài này, dưới góc độ quản lý nhà nước về mặt hải quan, thì việc áp dụng khoa học quản trị là cần thiết, tất yếu và mang tính quyết định. Nó giải quyết vấn đề “ Hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy kiểm tra xác định giá tính thuế tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh” góp phần giúp Cục Hải quan Thành Phố Hồ Chí Minh nói riêng và ngành Hải quan nói chung đảm bảo tuân thủ các Hiệp định thương mại quốc tế mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết với WTO; Đảm bảo thực hiện được vai trò quản lý nhà nước về hải quan và tạo môi trường thông thoáng cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Nam phát triển. Đây cũng là cơ sở lý luận của đề tài này.

1.2 Cơ sở thực tiễn của đề tài:

Là thành viên chính thức của tổ chức Thương mại Thế giới WTO ngày 11/01/2007 đã mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội cũng như thách thức. Trong bối cảnh phải hòa nhập với nền kinh tế năng động toàn cầu, đòi hỏi Chính phủ Việt Nam phải có quá trình thay đổi chính sách, đường lối thương mại cho phù hợp với các thông lệ tập quán kinh doanh quốc tế.

Ngành Hải quan là một trong những ngành chịu tác động tác động rõ nét nhất của quá trình thay đổi đó. Như chúng ta biết, chính sách thương mại ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thu thuế xuất nhập khẩu, mà thu thuế xuất nhập khẩu là một trong những nhiệm vụ chính của Ngành Hải quan. Đối với Việt Nam, việc chuyển sang áp dụng hệ thống xác định trị giá hải quan theo Tổ chức Thương mại thế giới vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ khi tham gia vào tổ chức thương mại toàn cầu này. Thực hiện Hiệp định xác định trị giá hải quan là một trong những điều kiện tiên quyết để các nước thành viên WTO xem xét và phê chuẩn cho Việt Nam gia nhập. Đồng thời, áp dụng Hiệp định xác định trị giá hải quan tại Việt Nam, hàng hóa Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường đối tác sẽ được đối xử bình đẳng với các nước xuất khẩu cạnh tranh khác, đưa kinh tế Việt Nam phát triển một bước tiến gần hơn với nền kinh tế thế giới.

Trong công tác thu thuế, việc xác định trị giá tính thuế là một khâu nghiệp vụ rất quan trọng. Từ khi Việt Nam từng bước áp dụng xác định trị giá tính thuế theo GATT/WTO tháng 06/2004 tới nay đã gặp rất nhiều khó khăn trực tiếp và gián tiếp, những khó khăn nội tại và khách quan. Bao trùm lên tất cả, đó là do cơ chế chính sách, hệ thống tổ chức bộ máy còn nhiều bất cập; hệ thống quản lý điều hành công tác xác định trị giá tính thuế chưa phù hợp; công tác quản lý nhà nước về mặt hải quan hiệu quả chưa cao... Đó chính là cơ sở thực tiễn để tác giả chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan hàng nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh”**.

1.3 Tổng quan về trị giá Hải quan theo Hiệp định trị giá GATT/WTO

1.3.1. Vài nét về sự ra đời của Hiệp định GATT và Tổ chức thương mại thế giới WTO

Ngay từ khi chiến tranh thế giới thứ 2 chưa kết thúc, các nước đã nghĩ đến việc thiết lập các định chế chung về kinh tế để hỗ trợ công cuộc tái thiết sau chiến tranh. Hội nghị Bretton Woods triệu tập ở bang New Hampshire (Hoa Kỳ) năm 1944 nhằm mục đích này. Kết quả của Hội nghị Bretton Woods là sự ra đời của hai tổ chức tài chính: Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (nay là Ngân hàng thế giới - World Bank) và Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund - IMF). Một tổ chức

chung về thương mại cũng được đề xuất thành lập với tên gọi Tổ chức thương mại quốc tế (International Trade Organization - ITO). Phạm vi đề ra cho ITO là khá lớn, bao trùm lên cả vấn đề việc làm, đầu tư, cạnh tranh, dịch vụ, vì thế việc đàm phán hiến chương của ITO diễn ra khá lâu. Trong khi đó vì muốn cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh công cuộc tái thiết sau chiến tranh, năm 1946, nhóm 23 nước đã đàm phán riêng rẽ và đạt được một số ưu đãi thuế quan nhất định. Để ràng buộc những ưu đãi đạt được, nhóm 23 nước này quyết định lấy một phần về chính sách thương mại trong dự thảo hiến chương ITO, biến nó thành Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT). GATT có hiệu lực từ tháng 1/1948 như một thỏa thuận tạm thời chờ ITO được thành lập. Nhưng ITO không ra đời mặc dù Hiến chương ITO đã được thông qua tại Havana (Cuba) vào tháng 3/1948, việc Quốc hội Hoa Kỳ trì hoãn không phê chuẩn Hiến chương làm cho các nước khác cũng không phê chuẩn, dẫn đến ITO không trở thành hiện thực. Do vậy, GATT trở thành cơ cấu đa phương duy nhất điều chỉnh thương mại quốc tế cho đến khi Tổ chức Thương mại Thế giới ra đời.

GATT là tên viết tắt của tổ chức các quốc gia tham gia ký kết và thực hiện Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (General Agreement on Tariffs and Trade), được hình thành sau khi chiến tranh thế giới lần II (1939 - 1945) kết thúc, trong bối cảnh thế giới bước vào thời kỳ phục hồi kinh tế và thương mại hàng hóa chiếm lĩnh thế giới. Hiệp định GATT bắt đầu có hiệu lực từ năm 1948, trong đó đưa ra hàng loạt các quy định liên quan đến thương mại quốc tế đòi hỏi các nước ký kết phải tuân thủ. Đó là văn bản có tính pháp quy đầu tiên đặt ra các tiêu chuẩn chung về thương mại mang tính toàn cầu. Trong điều kiện thương mại quốc tế ngày càng tăng nhanh, một số nước phát triển đã liên kết với nhau để tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hóa các quy định của GATT nhằm làm tăng năng lực áp dụng và tính hiệu quả của văn bản này. Kết quả là hàng loạt hiệp định cụ thể đã ra đời và giải thích, cụ thể hóa hơn nữa những điều khoản quy định của GATT, là những nội dung vẫn được coi là quá trừu tượng, khó hiểu và rất khó áp dụng cho các nước thành viên.

Cho đến năm 1994, trước áp lực của xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế và thương mại thế giới, các nước chủ chốt của GATT đã đi đến quyết định nhất thể hóa

toàn bộ các hiệp định, hiệp ước, công ước liên quan đến thương mại và dịch vụ thành một hệ thống thống nhất, có một cơ quan chính thức quản lý và điều hành. Do đó, năm 1995, Tổ chức thương mại thế giới WTO đã ra đời và thay thế GATT. WTO không chỉ đơn giản là sự kế thừa của GATT, mà còn có phạm vi hoạt động lớn hơn rất nhiều. Nó vừa là cơ quan quản lý, vừa là cơ quan trọng tài đứng ra phán xử các tranh chấp quốc tế về các hoạt động thương mại quốc tế. Cùng với sự ra đời của Tổ chức thương mại thế giới WTO, Hiệp định về thực hiện điều VII của Hiệp định chung về thuế và thương mại hay còn được biết đến với cái tên Hiệp định trị giá hải quan GATT đã được sửa đổi và có tên là Hiệp định về thực hiện điều VII của Hiệp định chung về thuế và thương mại 1994.

Trước thời điểm 1994, khi hệ thống xác định trị giá hải quan theo WTO được thừa nhận và trở thành hệ thống chuẩn mực cho hải quan quốc tế, các cơ quan hải quan trên toàn thế giới đã sử dụng nhiều phương pháp xác định trị giá hải quan khác nhau để xác định trị giá phục vụ cho việc tính thuế hải quan. Phần lớn các phương pháp xác định trị giá được xây dựng nhằm thu được càng nhiều cho ngân sách càng tốt và không quan tâm đến tính công bằng, thống nhất và minh bạch. Một số phương pháp xác định trị giá Hải quan mang tính áp đặt nên trị giá tính thuế có thể là hư cấu, không có thật. Một số hệ thống xác định trị giá cho phép cơ quan hải quan có quyền can thiệp vào các hoạt động thương mại. Do vậy, nhằm tránh phải nộp thuế cao, các nhà nhập khẩu đã tìm cách nhập lậu hàng hóa. Mặt khác, với những hệ thống xác định trị giá hải quan không minh bạch, có tính áp đặt cao, các nhà xuất khẩu hàng hóa không có khả năng tiên đoán số thuế phải nộp khi xây dựng giá bán hàng xuất khẩu nhằm đảm bảo tính cạnh tranh của sản phẩm của mình trên thị trường nội địa của nước nhập sản phẩm.

Dưới đây là một số ví dụ về các hệ thống xác định trị giá Hải quan đã được sử dụng ở các nước. Tuy nhiên đến nay, hầu hết các hệ thống này đều đã bị hủy bỏ và chuyển sang áp dụng Hiệp định Trị giá Hải quan GATT/WTO:

- Định nghĩa trị giá Brussels (BDV): trị giá hải quan là giá bán thông thường.
- Trị giá nội địa hiện hành (CDV): trị giá hải quan là giá bán hàng cùng loại sản xuất trong nội địa nước xuất khẩu.

- Hệ thống giá bán của Mỹ: trị giá hải quan là giá bán hàng cùng loại sản xuất tại Mỹ.

- Phương pháp xác định trị giá hải quan theo “trị giá thực”.

- Phương pháp trị giá tối thiểu.

Về phương pháp trị giá tối thiểu, cơ quan hải quan đặt ra một trị giá tối thiểu cho tất cả các hàng hóa nhập khẩu. Trị giá tối thiểu này không hề phản ánh đúng giá trị thực tế thực của các loại hàng hóa. Phương pháp trị giá tối thiểu đã rất phổ biến tại các nước đang phát triển vì dễ quản lý và tăng thu cho ngân sách. Người ta thường không thể biết được cơ sở xây dựng trị giá tối thiểu. Và hệ thống này cũng dẫn đến tình trạng tham nhũng trong cơ quan hải quan và gian lận của những nhà nhập khẩu.

Từ tháng 1 năm 1995, Hiệp định trị giá hải quan thường được cộng đồng quốc tế biết đến là Hiệp định Trị giá hải quan của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) hoặc đơn giản hơn là Hiệp định Trị giá hải quan GATT/WTO.

Tại sao phải thành lập một hệ thống xác định trị giá Hải quan theo tiêu chuẩn quốc tế? Các mức thuế suất được thiết lập chủ yếu dựa trên cơ sở tính giá – ví dụ thuế 10% trị giá hàng hóa. Do vậy, cần thiết phải xác định trị giá hàng hóa để tính được số thuế phải nộp. Một số loại hàng hóa thiết lập được giá trị thương mại chắc chắn ở một số thị trường cụ thể nhưng thường thì giá cả hay giá trị của hàng hóa đều không ổn định. Trên thực tế, giá cả thay đổi thường xuyên theo từng thời gian, từng thị trường và theo từng loại hàng hóa. Mặt khác, nó còn phụ thuộc vào số lượng bán, cấp độ thương mại (bán đại lý hoặc bán lẻ), và một số nhân tố khác, bao gồm cả những yếu tố như khoảng thời gian các bên đã kinh doanh với nhau.

Về phía cơ quan hải quan, hệ thống này là một hệ thống hoàn toàn mới, có nguyên lý vận hành hoàn toàn khác với những gì Hải quan Việt Nam đã áp dụng từ trước đến nay. Điều đó đòi hỏi những nỗ lực lớn lao từ phía các nhà quản lý và đội ngũ cán bộ thừa hành tại các đơn vị hải quan cửa khẩu. Trong khi thực hiện các nguyên tắc của Hiệp định, cần ghi nhớ một điều là Hiệp định hết sức quan tâm đến quyền của các nhà xuất nhập khẩu mà các chính phủ - đặc biệt là chính phủ của nước nhập khẩu -

phải tôn trọng. Nếu các quyền này bị từ chối, các chính phủ khác có thể đệ đơn kiện lên Ủy ban Xác định trị giá hải quan WTO. Như vậy, có thể nói rằng không chỉ có luật và toà án nước nhập khẩu kiểm soát việc xác định trị giá hải quan của quốc gia đó mà còn có Tổ chức Thương mại thế giới giám sát các nước thành viên trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu đang diễn ra trên thế giới.

1.3.2 Cấu trúc và nội dung của Hiệp định Trị giá hải quan GATT/WTO

1.3.2.1 Cấu trúc của Hiệp định

Hiệp định gồm 24 điều và 3 phụ lục và Nghị định thư, được chia làm 4 phần gồm có:

Phần 1: từ Điều 1 đến Điều 17 quy định về 6 phương pháp xác định trị giá hải quan;

Phần 2: điều 18 đến điều 19 quy định về các quy tắc quản lý, tư vấn và giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên và Ban Thư ký;

Phần 3: Điều 20 quy định việc đối xử đặc biệt và khác biệt đối với các nước đang phát triển nhằm thực hiện Hiệp định Xác định trị giá một cách thuận lợi;

Phần 4: Điều 21 đến Điều 24 quy định vấn đề bảo lưu, xây dựng quy định pháp luật quốc gia, rà soát hiệp định và Ban Thư ký, các điều khoản cuối cùng qui định.

Phụ lục I : Giải thích các thuật ngữ của Hiệp định Xác định trị giá hải quan WTO, phần này thường được gọi là “chú giải”;

Phụ lục II : Quy định việc thành lập và hoạt động Ủy ban Kỹ thuật về xác định trị giá hải quan (TCCV). TCCV trực thuộc Tổ chức Thương mại thế giới. Trách nhiệm chính của TCCV là xác định các vấn đề kỹ thuật và đưa ra các ý kiến tư vấn, chú giải, chú thích cho các nước thành viên;

Phụ lục III : Quy định về quyền bảo lưu.

Nghị định thư: qui định một số vấn đề và yêu cầu đặc biệt cho các nước đang phát triển có thể tiếp cận Hiệp Định.(như mở rộng 5 năm bảo lưu áp dụng Hiệp định).

1.3.2.2 Nội dung các phương pháp xác định trị giá tính thuế theo GATT

Nguyên tắc của Hiệp định (theo Điều 7 của Hiệp định) : Đó là việc thiết lập một hệ thống các phương pháp xác định trị giá đối với hàng hóa một cách hợp lý, thống nhất, tuân thủ các điều kiện thực tế về các quan hệ thương mại quốc tế và loại bỏ việc xác định trị giá hải quan một cách tùy tiện hoặc giả tạo. Cơ sở để xác định trị giá hải quan trước hết phải là trị giá giao dịch. Trị giá hải quan không được sử dụng làm hàng rào phi thuế quan đối với thương mại, không sử dụng làm biện pháp chống phá giá và không được từ chối chấp nhận trị giá giao dịch chỉ vì lý do trị giá đó quá thấp. Trên cơ sở của các nguyên tắc này Hiệp định đã xây dựng chi tiết 6 phương pháp xác định trị giá hải quan bao gồm:

- a) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu (**transaction value method**) - Phương pháp 1
- b) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt (**identical goods method**) - Phương pháp 2
- c) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự (**similar goods method**) - Phương pháp 3
- d) Phương pháp trị giá khấu trừ (**deductive value method**) - Phương pháp 4
- e) Phương pháp trị giá tính toán (**computed value method**) - Phương pháp 5
- f) Phương pháp dự phòng (**Fallback method**) - Phương pháp 6

(Chi tiết xem Phụ lục 1)

1.3.2.3 Một số lựa chọn tùy ý cho các nước khi tham gia Hiệp định

Hiệp định đưa ra một linh hoạt trong việc tính cộng vào và hoặc trừ ra khỏi trị giá hải quan những khoản chi phí nhất định có liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa. Cụ thể:

- a) Chuyển đổi tiền tệ :

- Về công bố tỷ giá hối đoái (Điều 9 khoản 1 - Hiệp định trị giá GATT): tỷ giá hối đoái được sử dụng theo mục đích xác định trị giá hải quan do một cơ quan có thẩm quyền của người nhập khẩu ban hành. Tỷ giá này được ban hành trước một thời gian

để người nhập khẩu có thể chuẩn bị trước tờ khai nhập khẩu. Nếu có thể thì được áp dụng tỷ giá này cho một khoảng thời gian nhất định để tạo thuận lợi cho thương mại, khoảng thời gian có thể là một tuần hay một tháng.

- Về thời điểm chuyển đổi tiền tệ (Điều 9 khoản 2 - Hiệp định trị giá GATT) : Cơ quan Hải quan cần quy đổi các khoản thanh toán đối với hàng nhập khẩu sang một số lượng tương đương bằng đồng tiền của nhập khẩu (nội tệ) thông qua việc sử dụng tỷ giá hối đoái. Tỷ giá hối đoái sử dụng sẽ là tỷ giá có hiệu lực và thời điểm xuất khẩu hay thời điểm nhập khẩu hàng hóa tùy theo quyết định của mỗi nước thành viên.

Như vậy, nếu lựa chọn thời điểm chuyển đổi tiền tệ sử dụng thời điểm xuất khẩu thì có thể không có sự thay đổi về số thuế mà người nhập khẩu ước tính do việc chuyển đổi tiền tệ gây ra. Ngược lại nếu lựa chọn thời điểm chuyển đổi tiền tệ sử dụng thời điểm nhập khẩu thì tỷ giá hối đoái tại thời điểm nhập khẩu có thể sẽ ảnh hưởng đến số thuế dự kiến phải nộp, tác động này bắt nguồn từ yếu tố thời gian trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

Tuy nhiên theo khuyến nghị tại Hiệp định về các vấn đề hải quan ASEAN thì thực hiện chuyển đổi tại thời điểm nhập khẩu.

b) Về chi phí vận tải và bốc xếp

Điều 8 khoản 2 cho phép các thành viên tính gộp vào hay loại trừ một phần hay toàn bộ chi phí vận tải, chi phí bốc xếp, xếp dỡ có liên quan đến vận chuyển hàng hóa tới cảng hoặc địa điểm nhập khẩu và chi phí bảo hiểm.

Tất cả các chi phí này đều là những chi phí dịch vụ phát sinh ngoài nước nhập khẩu, vì vậy nếu trị giá hải quan bao gồm cả những chi phí này thì coi như là đã đánh thuế trên các dịch vụ nhập khẩu, đối với nhà nước thì việc này sẽ tăng thu cho ngân sách, đối với người kinh doanh, tạo sự công bằng giữa các ngành nghề kinh doanh. Đối với Việt Nam, việc cộng thêm các chi phí này trong trị giá giao dịch cũng phù hợp với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành quy định trị giá tính thuế cho hàng nhập khẩu được tính theo giá CIF (giá hàng bao gồm chi phí vận chuyển và phí bảo hiểm hàng hóa).

Với điều khoản này các nước thành viên ASEAN đều lựa chọn việc xác định trị giá hải quan theo giá CIF của hàng nhập khẩu.

c) Các điều khoản bảo lưu khi tham gia Hiệp định

Để thực hiện Hiệp định được thuận lợi, các bên tham gia WTO cần phải chuẩn bị toàn diện. Để giúp các thành viên là các nước đang phát triển trong công tác chuẩn bị này, Hiệp định cho phép các nước thành viên được phép bảo lưu khi áp dụng một số điều (phụ lục III Hiệp định trị giá GATT/WTO) và phải báo cáo Tổng Giám đốc Tổ chức Thương mại thế giới.

- Các nước đang phát triển được áp dụng chậm 5 năm các quy định của Hiệp định (điều 20 khoản 1) kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực đối với nước đó. Trong nhiều trường hợp thời hạn này có thể là quá ngắn đối với một số nước, các nước có thể yêu cầu gia hạn thời kỳ áp dụng chậm này trước khi chấm dứt thời gian được bảo lưu và phải có nguyên do xác đáng.

- Phương pháp trị giá tính toán được áp dụng chậm 4 năm (điều 20 khoản 2). Vì áp dụng phương pháp này đòi hỏi phải thu thập thông tin về chi phí nguyên vận liệu, chi phí sản xuất từ người sản xuất ở nước ngoài. Việc thu thập thông tin từ nước xuất khẩu có thể sẽ bị ràng buộc bởi luật pháp của nước xuất khẩu hoặc của bản thân người xuất khẩu muốn giữ bí mật các thông tin này và do đó các nước đang phát triển có thể sẽ gặp khó khăn trong việc thu thập thông tin.

- Cho phép các nước đang phát triển tiếp tục được áp dụng bảng giá tối thiểu trong thời gian quá độ và có thời hạn (đoạn 2 Phụ lục III Hiệp định).

- Bảo lưu việc áp dụng Điều 4 (đảo lộn trình tự áp dụng trị giá khấu trừ và trị giá tính toán theo yêu cầu của người nhập khẩu – đoạn 3 phụ lục III Hiệp định).

- Bảo lưu việc áp dụng khoản 2 Điều 5 (sử dụng giá bán của hàng nhập khẩu tại nước nhập khẩu sau khi đã thực hiện gia công, chế biến thêm đối với hàng nhập khẩu khi áp dụng trị giá khấu trừ - đoạn 4 phụ lục III Hiệp định).

d) Giải phóng hàng theo bảo lãnh

Một trong các ví dụ cơ bản cho việc tạo thuận lợi cho thương mại của Hiệp định Trị giá là quyết định tại Điều 13 của Hiệp định cho phép người nhập khẩu có thể rút hàng ra khỏi phạm vi quản lý của hải quan ngay cả khi quá trình xác định trị giá hải quan chưa hoàn tất. Điều này cho thấy hàng nhập khẩu không thể bị cơ quan hải quan giữ đơn giản chỉ vì chưa xác định xong trị giá mà phải giải phóng hàng ngay sau khi người nhập khẩu đã nộp đủ tiền bảo lãnh hoặc cam kết nộp đủ mọi loại thuế khi trị giá chính thức của lô hàng được xác định xong.

- Có thể có nhiều hình thức bảo lãnh như: bảo lãnh bằng trái phiếu Ngân hàng hoặc của các tổ chức tài chính tương tự khác, cũng có thể bảo lãnh bằng cách nộp tiền mặt. Đương nhiên số tiền bảo lãnh phải đủ nộp thuế cho Hải quan và các loại thuế khác mà lô hàng đó phải nộp theo luật định.

- Vấn đề là ở chỗ xác định số tiền bảo lãnh, vì trị giá tính thuế vẫn chưa được xác định. Hiệp định chỉ quy định rằng số tiền đó phải đủ để nộp các khoản thuế và Hiệp định không đưa ra hướng dẫn nào thêm.

- Số tiền bảo lãnh cần căn cứ vào số tiền ước tính phải nộp thuế. Để ước tính được số tiền đó, cần ước tính được trị giá hải quan của hàng hóa. Thông thường sẽ có những thông tin có thể sử dụng để ước tính trị giá hải quan. Ví dụ trong trường hợp tiền bán quyền cần cộng thêm vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán, nhưng tại thời điểm nhập khẩu, số tiền bán quyền chính xác chưa thể xác định được. Như vậy để tạm tính số tiền này có thể căn cứ vào thoả thuận bán quyền, hợp đồng tương tự hoặc chứng từ khác có những thông tin liên quan.

- Yêu cầu được giải phóng hàng ngay là một trong những tiện ích thương mại chủ yếu làm cho hệ thống xác định trị giá WTO khác với các hệ thống xác định trị giá khác. Thông thường, cơ quan hải quan luôn luôn coi việc giữ hàng hóa như là biện pháp phòng ngừa trong khi chờ giải quyết các vướng mắc về xác định trị giá. Ý nghĩa của quyết định bảo lãnh là rất lớn. Mọi nội dung có liên quan từ sự cần thiết phải tạo ra khả năng xác định trị giá sau nhập khẩu, thiết kế các mẫu Tờ khai hải quan mới, đến khả năng đăng ký và nhận biết về người nhập khẩu, giải quyết với ngân hàng và các tổ chức tài chính khác về tiền bảo lãnh... đều xuất phát từ quyết định này. Hơn nữa, mọi

chức năng hải quan được đề cập ở trên đều nằm trong quy trình được thiết lập để xác định trị giá. Đây là một thủ tục rất có lợi đối với những nước áp dụng để đảm bảo môi trường hoạt động tốt nhất có thể được đối với cộng đồng doanh nghiệp.

1.4 Kinh nghiệm thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO ở một số nước trong khu vực ASEAN

1.4.1 Kinh nghiệm của Thái Lan

Khi bước vào thực hiện những cam kết của Thái Lan trong triển khai Hiệp định về xác định trị giá hải quan theo GATT/WTO, các chuyên gia Thái Lan đã tiến hành những điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở 2 nguyên tắc: tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của Hiệp định và bảo vệ nguồn thu thuế hải quan.

Để làm được việc này, Hải quan Thái Lan đã tiến hành một loạt công việc như: nội luật hóa các quy định tại Hiệp định trị giá GATT/WTO, quy tắc, điều kiện áp dụng và thủ tục xây dựng trị giá theo 6 phương pháp xây dựng trị giá của Hiệp định; hướng dẫn các cách tính toán trong những trường hợp cụ thể như quy định cụ thể cho phí bảo hiểm được tính 1% theo giá FOB và cước vận chuyển tính 10% giá FOB (trường hợp trị giá hàng hóa chưa bao gồm phí bảo hiểm và vận chuyển); Tổng cục Hải quan có quyền hạn trong việc xác định trị giá đối với loại hình trao đổi thương mại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định như hàng của cư dân biên giới, hàng của hành khách xuất nhập cảnh; quy định việc xác định lại trị giá hàng hóa khi trị giá khai báo quá thấp. Trên cơ sở đó Hải quan Thái Lan đề ra các biện pháp hỗ trợ phục vụ xác định đúng trị giá mà không vi phạm tinh thần của Hiệp định, ví dụ sử dụng giá giao dịch của lô hàng tương tự được nhập khẩu trong thời hạn 30 ngày hoặc 90 ngày trước ngày xuất khẩu của lô hàng đang cần xác định trị giá. Ngoài ra, Hải quan Thái Lan quy định quyền kiểm tra sau giải phóng hàng và quyền hạn của nhân viên hải quan trong trường hợp yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thêm thông tin liên quan đến lô hàng, xây dựng văn bản quy định về nghĩa vụ lưu trữ và bảo quản tài liệu có liên quan đến xác định trị giá hải quan trong thời hạn 5 năm.

Việc thực hiện Hiệp định không những liên quan đến toàn bộ công việc của hải quan mà còn tác động lên những ngành khác như hệ thống kế toán, kiểm toán,... Hải quan Thái Lan đã chủ động xây dựng trình Chính phủ và các cơ quan chức năng ban hành các văn bản quy định về cơ sở chứng minh tính chính xác về giá trị, yêu cầu lưu trữ và bảo quản tài liệu sau giải phóng hàng...

Song song với việc triển khai Hiệp định, Hải quan Thái Lan áp dụng các biện pháp quản lý hải quan hiện đại như quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan, phối hợp với công tác điều tra chống buôn lậu để xác định trọng điểm nhằm tiến hành kiểm tra sâu rộng. Cơ quan Hải quan được quyền yêu cầu doanh nghiệp cung cấp toàn bộ chứng từ liên quan đến hàng hóa và sổ sách, giấy tờ, chứng từ kế toán để kiểm tra xem xét.

Hệ thống thông tin dữ liệu phục vụ xác định trị giá hải quan Thái Lan gồm các nguồn hình thành từ giá khai báo trên hóa đơn, trên tờ khai trị giá, nguồn internet, sách báo, ấn phẩm quảng cáo, bảng giá chào hàng... nguồn thông tin cung cấp từ các văn phòng tình báo hải quan đặt tại nước ngoài.

1.4.2. Kinh nghiệm của Indonesia

Về mặt tổ chức: Tại cơ quan Tổng cục, Hải quan Indonesia bố trí Cục Nghiệp vụ với nhiệm vụ chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ việc thực hiện Hiệp định, đơn vị này còn là đầu mối điều hành cơ sở dữ liệu về giá được sử dụng như một tham số để so sánh giá cả. Để hỗ trợ hoạt động cho Cục Nghiệp vụ còn có Cục ngăn chặn và Điều tra là đơn vị chịu trách nhiệm toàn bộ thông tin tình báo và tiến hành điều tra những vụ việc ở mức độ quốc gia; Cục kiểm tra sau thông quan là đơn vị quản lý công tác kiểm tra sau thông quan toàn ngành. Ba đơn vị này đều phối hợp chia sẻ thông tin với nhau và cùng hướng dẫn Cục Hải quan địa phương thực hiện các biện pháp chống việc khai báo dưới trị giá.

Tại các đơn vị Hải quan vùng có những bộ phận quản lý thông tin tình báo, tiến hành điều tra và kiểm tra sau thông quan. Các đơn vị này sẽ nhận thông tin tình báo từ Tổng cục và đồng thời xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động để đấu tranh chống

các hành vi gian lận trong khu vực quản lý của Hải quan vùng và thực hiện kiểm tra sau thông quan. Tại các đơn vị hải quan cửa khẩu, các bộ phận quản lý giá là những chuyên gia về nhập khẩu, điều tra hoặc tình báo. Trong giai đoạn làm thủ tục hải quan, cán bộ hải quan cửa khẩu thực hiện kiểm tra giấy tờ liên quan đến xác định trị giá về mặt hành chính, như việc khai báo giá đã đầy đủ chưa, các chứng từ có xuất trình đầy đủ không, việc khai báo có phù hợp với chứng từ xuất trình không, có phù hợp với thông lệ thương mại và tập quán quốc tế không. Sau đó là so sánh trị giá khai báo với giá của hàng hóa cùng loại hoặc tương tự có trong cơ sở dữ liệu và kết hợp với thông tin tình báo khác có được để quyết định có yêu cầu doanh nghiệp có cần khai bổ sung tờ khai trị giá hay không. Hải quan Indonesia đưa ra mức nếu giá khai báo thấp hơn 20% giá kiểm tra thì sẽ tập trung kiểm tra hơn về khai báo giá của lô hàng. Giai đoạn này Hải quan có thể yêu cầu doanh nghiệp giải trình các mức giá và xem xét việc giải trình để quyết định có chấp nhận mức giá khai báo hay không hoặc sẽ đề nghị thực hiện kiểm tra sau thông quan. Giai đoạn sau thông quan, đơn vị làm nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan trên cơ sở các thông tin có sẵn để quyết định thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với các tờ khai có mức độ tình nghi cao.

1.4.3. Một số kinh nghiệm của Tổ chức Hải quan ASEAN với việc thực hiện trị giá GATT/WTO

Theo chương trình hành động và thực hiện chính sách Hải quan của ASEAN (PIWP – ASEAN Customs Policy and Work Programme), Hải quan các nước ASEAN đã nhất trí đưa Hiệp định trị giá GATT/WTO vào luật pháp quốc gia về hải quan của nước mình. Hiện nay, mức độ thực hiện, áp dụng Hiệp định này ở các nước thành viên ASEAN là rất khác nhau. Các nước thành viên ASEAN đã thực hiện một số bước đi và chiến lược để tiêu chuẩn hóa việc áp dụng Hiệp định trong khi vực phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Trong khu vực đã tiến hành nhiều khóa đào tạo và hội thảo về trị giá GATT/WTO cho cơ quan hải quan và cộng đồng doanh nghiệp. Các thành viên ASEAN đã tổ chức lại cơ quan hải quan và áp dụng các biện pháp quản lý hải quan hiện đại để triển khai thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO được hiệu quả, như việc

hình thành bộ phận kiểm tra sau thông quan, áp dụng nghiệp vụ quản lý rủi ro, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu giá có đầy đủ thông tin giá của hầu hết tất cả mặt hàng...

(xem chi tiết phụ lục 2)

1.4.4 Hải quan Việt Nam đã áp dụng kinh nghiệm của các nước trong công tác kiểm tra xác định trị giá tính thuế như thế nào ?

Theo kinh nghiệm của hải quan Thái Lan thì một trong những vấn đề đáng quan tâm là việc thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách và những gian lận trong quá trình làm thủ tục hải quan. Trước đây, ta vẫn áp dụng bảng giá tối thiểu theo quyết định 149/QĐ-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2003 để áp thuế do Chính phủ ban hành, và mức thuế suất do Chính phủ qui định theo từng thời kỳ. Từ đó, đảm bảo cho Nhà nước có khả năng quản lý tốt nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ thuế. Số thu ngân sách sẽ giảm xuống vì những lý do: do thay đổi thuế suất theo hàng rào thuế quan chung; do thay đổi khối lượng nhập khẩu tăng nhanh sẽ kéo theo các trường hợp vi phạm hải quan cũng gia tăng lên; do cán bộ hải quan chưa nắm vững chuyên môn về xác định trị giá nên doanh nghiệp lợi dụng chỗ sơ hở để khai thấp giá thực tế mua hàng.

Trước đây, cơ quan hải quan Việt Nam kiểm tra cụ thể về giá tính thuế đối với tất cả hàng hóa xuất nhập khẩu. Sau đó, theo qui trình được ban hành theo Quyết định 874/QĐ-TCHQ ngày 15/5/2006 của Tổng cục Hải quan (Quy trình 874) và gần đây nhất là qui trình theo Quyết định 1171/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2009 của Tổng cục Hải quan (Quy trình 1171) ban hành qui định về quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại, trong đó qui định nội một số dung sau:

Cơ quan hải quan chỉ kiểm tra xác định trị giá tính thuế với hàng hóa: thuộc luồng vàng (lô hàng phải kiểm tra hồ sơ, miễn kiểm tra hàng hóa); hàng hóa thuộc luồng đỏ (lô hàng phải kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa); hàng hóa thuộc danh mục quản lý rủi ro, mặt hàng trọng điểm (ví dụ như như xe ô tô, xe máy, mỹ phẩm, hàng tiêu dùng...). Đối với hàng hóa thuộc luồng xanh và hàng hóa thuộc luồng

vàng, luồng đỏ nhưng không nằm trong danh mục hàng trọng điểm thì thực hiện kiểm tra giá tính thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan.

Nếu như trước đây, cơ quan hải quan thực hiện tham vấn giá đối với trường hợp nghi ngờ về hồ sơ và nghi ngờ về mức giá, thì theo Quy trình 874 và mới gần đây nhất là Quy trình 1171, cơ quan hải quan chỉ tham vấn tại khâu thông quan đối với các trường hợp có nghi vấn về mức giá, các trường hợp nghi vấn về hồ sơ thì chuyển hồ sơ sang bộ phận nghiệp vụ Kiểm tra sau thông quan. Bên cạnh đó, cơ quan hải quan luôn tạo điều kiện cho doanh nghiệp chứng minh, giải thích về mức giá khai báo bằng văn bản, tham vấn trực tuyến qua điện thoại và công khai minh bạch các căn cứ nghi vấn. Theo đó, trên cơ sở các căn cứ thông tin về giá đã công khai, nếu doanh nghiệp chấp nhận nộp thuế theo mức giá cơ quan hải quan xác định thì được thông quan ngay, không phải chờ 30 ngày theo qui định để tiến hành thủ tục tham vấn giá. Trường hợp yêu cầu tham vấn nếu doanh nghiệp chấp nhận nộp số tiền bảo đảm đối với số tiền thuế chênh lệch giữa mức kê khai và mức giá do cơ quan hải quan nghi ngờ thì được thông quan hàng (đối với hàng hóa không được ân hạn thuế, phải đóng thuế ngay).

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Hiệp định GATT có tính điều chỉnh bắt buộc đối với các thành viên thuộc Tổ chức Thương mại quốc tế nên việc xác định trị giá GATT/WTO đến nay đã trở thành xu hướng chung, được sử dụng phần lớn các nước trên thế giới. Chính vì vậy trong Chương này đã dành một phần khá lớn để giới thiệu về Hiệp định trị giá GATT/WTO cũng như những bài học kinh nghiệm trên thế giới để vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.

Trị giá tính thuế nhập khẩu là một trong những yếu tố tạo thành thuế nhập khẩu, vì vậy nó giữ một vai trò nhất định trong thương mại quốc tế và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với từng quốc gia. Việc quy định về trị giá tính thuế hàng nhập khẩu như thế nào không những phản ánh quan điểm phát triển kinh tế xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu ngân sách Nhà nước mà còn thể hiện sự mở cửa và hội nhập kinh tế thế giới của mỗi quốc gia. Trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế thế giới diễn ra ngày càng mạnh mẽ, trị giá tính thuế hàng nhập khẩu đã được coi là yếu tố cần được chuẩn mực hóa hàng đầu, chính vì vậy mỗi quốc gia khi muốn hội nhập khi không thể tự ý quy định trị giá tính thuế nhập khẩu riêng cho quốc gia mình mà đều phải hướng tới chuẩn mực chung nhất. Có thể nói, việc thực hiện trị giá GATT/WTO mang tính kỹ thuật cao và đòi hỏi nỗ lực từ nhiều phía, từ cả cơ quan quản lý nói chung và cơ quan hải quan nói riêng lẫn chủ thể hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

2.1 Giới thiệu về Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

2.1.1 Bộ máy tổ chức Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

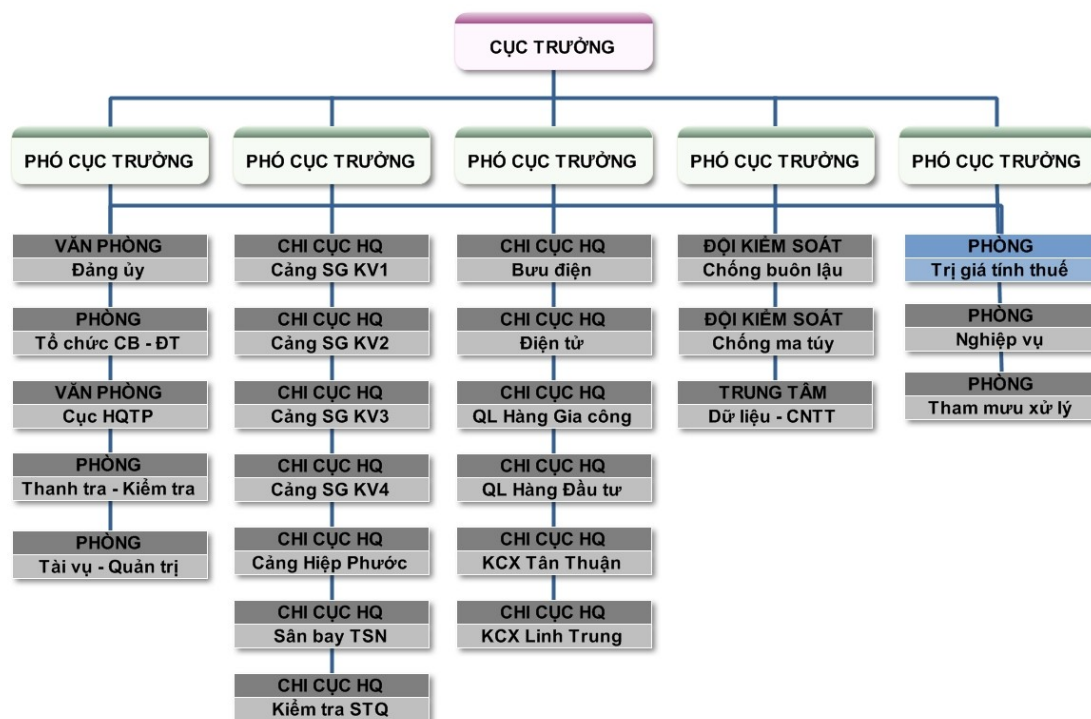
Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh (tiền thân là Cục Hải quan Miền Nam Việt Nam, thuộc Tổng nha Ngoại Thương) được thành lập theo Nghị định số: 09/QĐ do Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam Huỳnh Tấn Phát ký ngày 11 tháng 7 năm 1975, với các chức năng, nhiệm vụ: *“giám sát, quản lý mọi hàng hóa, hành lý và phương tiện vận tải xuất nhập cảng, nhằm đảm bảo thực hiện đúng chính sách ngoại thương, chính sách ngoại hối, góp phần thực hiện đường lối ngoại giao và bảo vệ chính trị an ninh của Cộng hòa Miền Nam Việt Nam”*. Nghị định còn quy định: *“Cục Hải quan Miền Nam là cơ quan sự nghiệp đặc biệt, nửa vũ trang.”*

Từ ngày thành lập tới nay Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh có các tên gọi như sau:

- Cục Hải quan Miền Nam Việt Nam, thuộc Tổng nha Ngoại thương theo Nghị định số 09/NĐ, ngày 11 tháng 7 năm 1975 của Chủ tịch Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- Phân cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Cục Hải quan Trung ương theo Quyết định số 65/BNgTh.QĐ, ngày 13 tháng 01 năm 1977 của Bộ Ngoại thương.
- Hải quan thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng cục Hải quan theo Quyết định số 387/TCHQ-TCCB, ngày 11 tháng 06 năm 1985 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.
- Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng cục Hải quan theo Quyết định số 91/TCHQ-TCCB, ngày 01 tháng 06 năm 1994 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

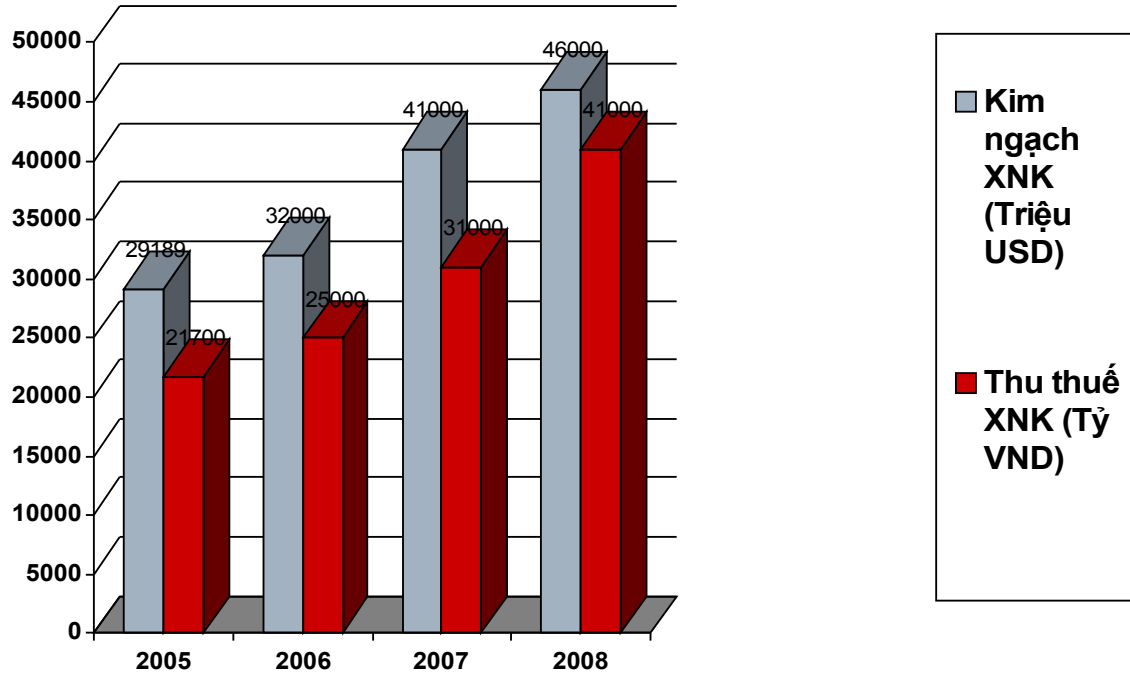
Trước đây, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Cục Hải quan là cơ quan ngang Bộ trực thuộc Chính phủ. Hiện nay, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh vẫn trực thuộc Tổng Cục Hải quan nhưng do Bộ Tài chính quản lý. Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh là một đơn vị lớn, có vị trí quan trọng không những đối với ngành Hải quan, mà còn đối với cả nước. Hiện tại, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh có 13 đơn vị Hải quan cửa khẩu, 11 Phòng ban trực thuộc với số lượng biên chế 1.940 người (xấp xỉ 25% biên chế toàn ngành Hải quan).

Sơ đồ 2.1.1 : Sơ đồ bộ máy tổ chức Cục HQ TP.Hồ Chí Minh



2.1.2 Kết quả đạt được trong các năm qua:

Biểu đồ số liệu Kim ngạch, số thu thuế xuất nhập khẩu:



(Xem số liệu chi tiết tại Phụ lục 3)

Nhìn vào biểu đồ trên, ta nhận thấy tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và số thu thuế của Cục ngày càng tăng. Số thu thuế của Cục chiếm tỷ lệ từ 35% đến 45% số thu của toàn Ngành Hải Quan. Cục hải quan thành phố Hồ Chí Minh có vai trò rất to lớn trong việc hoàn thành chỉ tiêu thu của Ngành Hải Quan.

2.2 Phân tích thực trạng hệ thống tổ chức và quản trị công tác tác nghiệp kiểm tra, xác định trị giá tính thuế tại Cục Hải Quan TP.Hồ Chí Minh

2.2.1 Cơ sở pháp lý

Nhằm chuẩn bị cho việc hội nhập và tham gia vào các tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới như AFTA, WTO, ngay từ những năm cuối của thập niên 90, Việt Nam đã tiến hành các bước đầu tiên để thực hiện GATT. Có thể nói việc triển khai hiệp định GATT/WTO tại Việt Nam không chỉ là nhiệm vụ của ngành Hải quan và cộng đồng các doanh nghiệp mà nó còn là nghĩa vụ của nhà nước Việt Nam trong hội

nhập kinh tế quốc tế. Chính phủ Việt Nam đã khẳng định quyết tâm thực hiện Hiệp định chung về thuế quan và thương mại nhằm thúc đẩy giao lưu thương mại thế giới và hiện đại hóa, lành mạnh hóa chính sách thuế quan. Từ nhiều năm qua, Chính phủ Việt Nam đã đầu tư nghiên cứu Hiệp định trị giá hải quan và coi đó là nội dung cải cách quan trọng trong công tác cải cách thủ tục hành chính và công tác tổ chức thu thuế của ngành Hải quan. Cụ thể, với sự giúp đỡ của các chuyên gia nước ngoài, Hải quan Việt Nam đã tổ chức nhiều lớp tập huấn về thực hiện GATT trên quy mô toàn quốc, đồng thời cử các đoàn chuyên gia sang một số nước để học tập, nghiên cứu về GATT. Sau đó, tiến hành xây dựng các chương trình quản lý, xây dựng hệ thống pháp lý như nghị định, thông tư hướng dẫn, quy trình thực hiện để áp dụng GATT theo đúng lộ trình đề ra (lấy mốc thời gian từ năm 2001)

(Xem chi tiết Phụ lục 4)

Chúng ta thấy, trong giai đoạn đầu, việc áp dụng GATT chỉ giới hạn cho một số đối đối tượng. Cụ thể các đối tượng đó bao gồm:

- Hàng hóa nhập khẩu của các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoạt động theo Luật đầu tư .

- Hàng hóa có xuất xứ từ Hoa Kỳ .

- Hàng hóa có xuất xứ từ các nước ASEAN thực hiện theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT).

Đồng thời bảo lưu thực hiện các cam kết để thực hiện Hiệp định được thuận lợi, Việt Nam bảo lưu khi áp dụng một số điều khoản như sau:

- Bảo lưu áp dụng phương pháp trị giá tính toán được.

- Bảo lưu việc áp dụng Điều 4 (đảo lộn trình tự áp dụng trị giá khấu trừ và trị giá tính toán theo yêu cầu của người nhập khẩu - đoạn 3 phụ lục III Hiệp định).

- Bảo lưu việc áp dụng khoản 2 Điều 5 (sử dụng giá bán của hàng nhập khẩu tại nước nhập khẩu sau khi đã thực hiện gia công, chế biến thêm đối với hàng nhập khẩu khi áp dụng trị giá khấu trừ - đoạn 4 phụ lục III Hiệp định).

Bên cạnh việc áp dụng Hiệp định trị giá GATT cho một số đối tượng nêu trên, từ 01/01/2003 đến tháng 12/2003 Việt Nam vẫn duy trì các nguyên tắc xác định trị giá theo Bảng giá tối thiểu đối với hàng nhập khẩu không thuộc danh mục Nhà nước quản lý giá tính thuế và không đủ điều kiện áp giá theo giá ghi trên hợp đồng bắt đầu có hiệu lực .

Mục đích của việc làm này là:

- Từng bước đề cán bộ hải quan và cộng đồng các doanh nghiệp quen dần với nghiệp vụ xác định trị giá tính thuế theo hệ thống mới; kiểm tra tính thực tiễn, khoa học của các văn bản pháp quy, rút ra những nhược điểm của hệ thống nhằm sửa đổi hoặc bổ sung; nghiên cứu tác động của việc thực thi Nghị định, đưa ra những giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực tới nguồn thu ngân sách.

- Tiến hành tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để áp dụng GATT hoàn toàn trong những năm tiếp theo.

Từ tháng 03/2007 đến nay, danh sách các nước thuộc đối tượng áp dụng GATT được mở rộng hơn. Hiện tại, Việt Nam đã áp dụng GATT cho 164 nước có quan hệ tối huệ quốc với Việt Nam. *(Xem chi tiết Phụ lục 5)*

Riêng đối với hàng hóa nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoạt động theo Luật Đầu tư thì được áp dụng GATT hoàn toàn không phân biệt xuất xứ.

Để được áp dụng GATT, các doanh nghiệp phải xuất trình Giấy chứng nhận Xuất xứ hàng hóa (CO) (riêng hàng nhập thuộc CEPT phải có CO mẫu D), phải khai báo Tờ khai trị giá theo quy định (trừ những đối tượng được miễn khai báo tờ khai trị giá)

Các đối tượng thuộc đối tượng áp dụng GATT không phải khai báo tờ khai trị giá theo công văn 191/TCHQ-KTTT ngày 13/01/2004 của Tổng cục Hải quan gồm có:

- Hàng hóa nhập khẩu của khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất

- Hàng hóa nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu. Riêng đối với phần tiêu thụ nội địa thì phải khai báo theo tờ khai trị giá

- Hàng hóa nhập khẩu có thuế suất thuế nhập khẩu 0%, nhập khẩu theo điều kiện CIF, C&F và giá trị ghi trên hóa đơn đã phản ánh toàn bộ tổng số tiền người mua phải trả

- Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế

- Hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định của các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài

Từ ngày 30/09/2004 (ngày hiệu lực của thông tư số 87/2004/TT-BTC ngày 31/08/2004 của Bộ Tài chính), Việt Nam đã bãi bỏ việc xác định giá tối thiểu theo Quyết định 149/QĐ-BTC đối với hàng hóa nhập khẩu và chính thức áp dụng các nguyên tắc xác định giá theo GATT đối với tất cả các hàng hóa nhập khẩu bao gồm hàng nhập khẩu thuộc đối tượng GATT và hàng nhập khẩu không thuộc đối tượng GATT. Đây là một bước tiến lớn của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế khi gia nhập và trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO.

Giai đoạn từ 2002 đến 31/12/2005 là thời kỳ Việt Nam thực hiện cam kết trong quá trình đàm phán song phương gia nhập Tổ chức thương mại thế giới. Việt Nam cam kết tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc của Hiệp định trị giá GATT/WTO đồng thời nội luật hóa các cam kết đó bằng các Nghị định (chi tiết theo bảng trên). Từ khi gia nhập WTO năm 2007, Việt Nam chính thức thực hiện xác định trị giá tính thuế theo Nghị định số 40/2007/CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 40/2008/TT-BTC ngày 21/5/2008 của Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, trị giá hải quan dùng để tính thuế đối với hàng nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên và được xác định bằng cách áp dụng tuần tự sáu phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định tại Thông tư này và dừng ngay ở phương pháp xác định được trị giá tính thuế.

Thời điểm xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là ngày người khai hải quan đăng ký Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu. Về thời hạn nộp thuế, đối với khoản chênh lệch giữa số tiền thuế do cơ quan hải quan ấn định với số tiền thuế do người nộp thuế tự khai, tự tính trong trường hợp hàng hóa đã được thông quan là 10 (mười) ngày, kể từ ngày cơ quan hải quan ký quyết định ấn định thuế. Với trường hợp khác, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 42 của Luật Quản lý thuế.

Trị giá hải quan phục vụ mục đích thống kê được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, trị giá thống kê được xác định dựa trên trị giá tính thuế đã được xác định theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại điểm b khoản 1 mục II của Thông tư.

- Đối với hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, hàng hóa được miễn thuế, xét miễn thuế hoặc không xác định được trị giá tính thuế theo quy định trên thì trị giá thống kê là trị giá do người khai hải quan khai báo theo nguyên tắc sau:

- + Đối với hàng hóa nhập khẩu, trị giá thống kê là giá bán tại cửa khẩu nhập đầu tiên (giá CIF);

Ngoài ra, thông tư số 40/2008/TT-BTC cũng quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan cũng như trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan hải quan.

2.2.2 So sánh quy định về xác định trị giá tính thuế của Việt Nam với các điều khoản quy định tại Hiệp định trị giá GATT/WTO

Áp dụng xác định trị giá hải quan theo Hiệp định trị giá GATT là một đòi hỏi tất yếu trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới và cũng là một điều kiện bắt buộc khi Việt Nam là thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới. Tuy nhiên để áp dụng có hiệu quả Hiệp định trị giá GATT có hiệu quả hiện nay vẫn còn là một thách thức lớn, đòi hỏi nhiều trách nhiệm từ cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Trong đó, đòi hỏi tiên quyết đối với doanh nghiệp là sự tự nguyện tuân thủ pháp luật, đối với cơ quan quản lý nhà nước là yêu cầu phải có đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ

cao, nhạy bén với công việc, thông hiểu kiến thức ở diện rộng, đặc biệt chuyên sâu trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính.

Về cơ bản các quy định của Việt nam về xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo GATT/WTO đã tuân thủ hoàn toàn Hiệp định, cụ thể là 6 phương pháp xác định trị giá hải quan và việc áp dụng của từng phương pháp được cụ thể hóa vào văn bản pháp luật của Việt Nam như sau :

Hiệp định Xác định trị giá Hải quan GATT/WTO		Nghị định 40
Điều 1	Phương pháp trị giá giao dịch của hàng NK	Chương II, điều 7
Điều 2	Phương pháp trị giá giao dịch của hàng giống hệt	Chương II, điều 8
Điều 3	Phương pháp trị giá giao dịch của hàng tương tự	Chương II, điều 9
Điều 4	Đảo ngược trật tự thực hiện các phương pháp	Chương I, điều 4
Điều 5	Phương pháp trị giá khấu trừ	Chương II, điều 10
Điều 6	Phương pháp trị giá tính toán	Chương II, điều 11
Điều 7	Phương pháp dự phòng	Chương II, điều 12
Điều 8	Các khoản điều chỉnh trị giá giao dịch	Chương II, điều 13
Điều 15	Phần giải thích	Chương I, điều 2

Bên cạnh đó còn có các điểm quy định đặc biệt mà Hiệp định trị giá GATT/WTO cho phép các nước thành viên tự ý lựa chọn hoặc quy định cho luật pháp quốc gia như là :

- Đối với vấn đề chuyển đổi tiền tệ (khoản 1 mục VI phần A - Hướng dẫn chung Thông tư 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu): Giá tính thuế được tính bằng đồng Việt Nam, tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế, được đăng trên Báo Nhân dân, đưa tin trên trang điện tử hàng

ngày của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp vào các ngày không phát hành Báo Nhân dân, không đưa tin lên trang điện tử hoặc có phát hành, có đưa tin lên trang điện tử nhưng không thông báo tỷ giá hoặc thông tin chưa cập nhật đến cửa khẩu trong ngày thì tỷ giá tính thuế của ngày hôm đó được áp dụng theo tỷ giá tính thuế của ngày liền kề trước đó.

Trường hợp người nộp thuế kê khai trước ngày đăng ký Tờ khai hải quan thì tỷ giá tính thuế được áp dụng theo tỷ giá tại ngày người nộp thuế đã kê khai, nhưng không quá 3 ngày liền kề trước ngày đăng ký Tờ khai hải quan.

Đối với các đồng ngoại tệ chưa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng thì xác định theo nguyên tắc tỷ giá tính chéo giữa tỷ giá đồng đô la Mỹ (USD) với đồng Việt Nam và tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ với các ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế.

- Quy định cụ thể về thời gian để lựa chọn các lô hàng nhập khẩu giống hết, tương tự: Hiệp định trị giá GATT/WTO (điều 2 và điều 3) không quy định cụ thể khoảng thời gian mà chỉ đề cập lô hàng được bán để xuất khẩu đến nước nhập khẩu vào cùng thời điểm hay cùng kỳ với lô hàng đang được xác định giá, luật pháp Việt Nam quy định cụ thể: Lô hàng nhập khẩu giống hết hoặc tương tự phải được xuất khẩu đến Việt Nam vào cùng ngày hoặc trong khoảng thời gian 60 ngày trước và 60 ngày sau ngày xuất khẩu với hàng hóa nhập khẩu đang được xác định trị giá tính thuế.

- Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, chi phí nhân công bốc xếp, xếp dỡ liên quan đến vận chuyển hàng hóa đến cảng hoặc địa điểm nhập khẩu: Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối với hàng nhập khẩu thì trị giá tính thuế là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, đó là cảng đích ghi trên vận đơn (giá đã bao gồm cước vận chuyển quốc tế), riêng về phí bảo hiểm, nếu doanh nghiệp không mua bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu thì không tính khoản chi phí này vào giá tính thuế.

- Tuy nhiên trong quá trình vận dụng xác định trị giá tính thuế, Việt Nam có qui định khoản tiền bảo đảm của doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan hải quan khi có

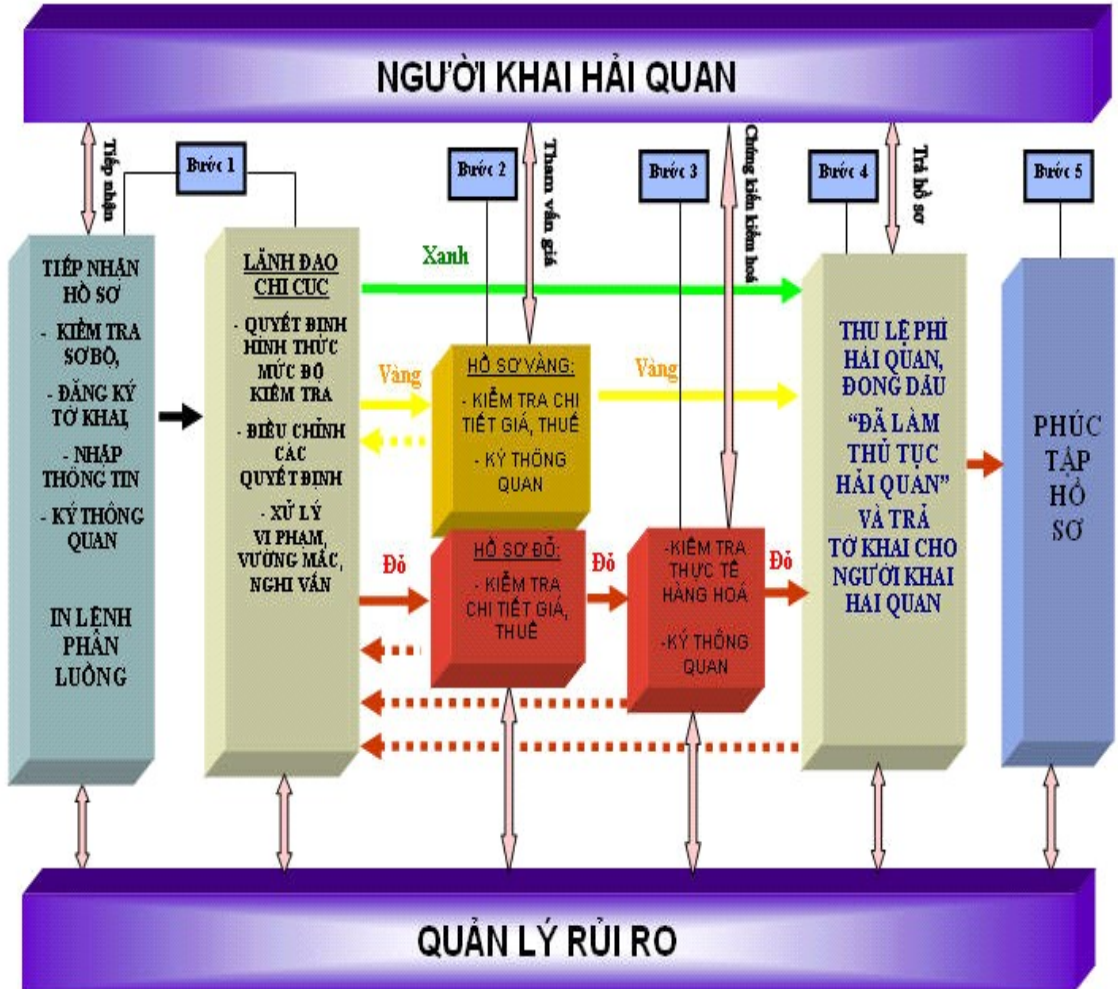
nghi ngờ về mức giá doanh nghiệp khai báo không trung thực, quy định cụ thể tại tiết c 3 điểm C, mục 4 phần III của Thông tư 40/2008/BTC. Khoản tiền bảo đảm này về tính chất tương tự với của khoản bảo lãnh qui định tại điều 13 Hiệp Định trị giá GATT/WTO, nhưng có một số khác biệt về phương thức áp dụng.

2.2.3 Khái quát về quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 79/2009/TT-BCT ngày 20/04/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Tổng Cục Hải quan ban hành Quyết định 1171/QĐ-TCHQ ngày 15/06/2009 thay thế toàn bộ Quyết định 874/QĐ-TCHQ ngày 15/5/2006 của TCHQ và có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2009.

2.2.3.1) Sơ đồ qui trình thủ tục hải quan theo Quyết định 874/QĐ-TCHQ (xem chi tiết trang sau)

QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XNK THƯƠNG MẠI
 (Kèm theo Quyết định số 874/QĐ-TCHQ ngày 15/05/2006)

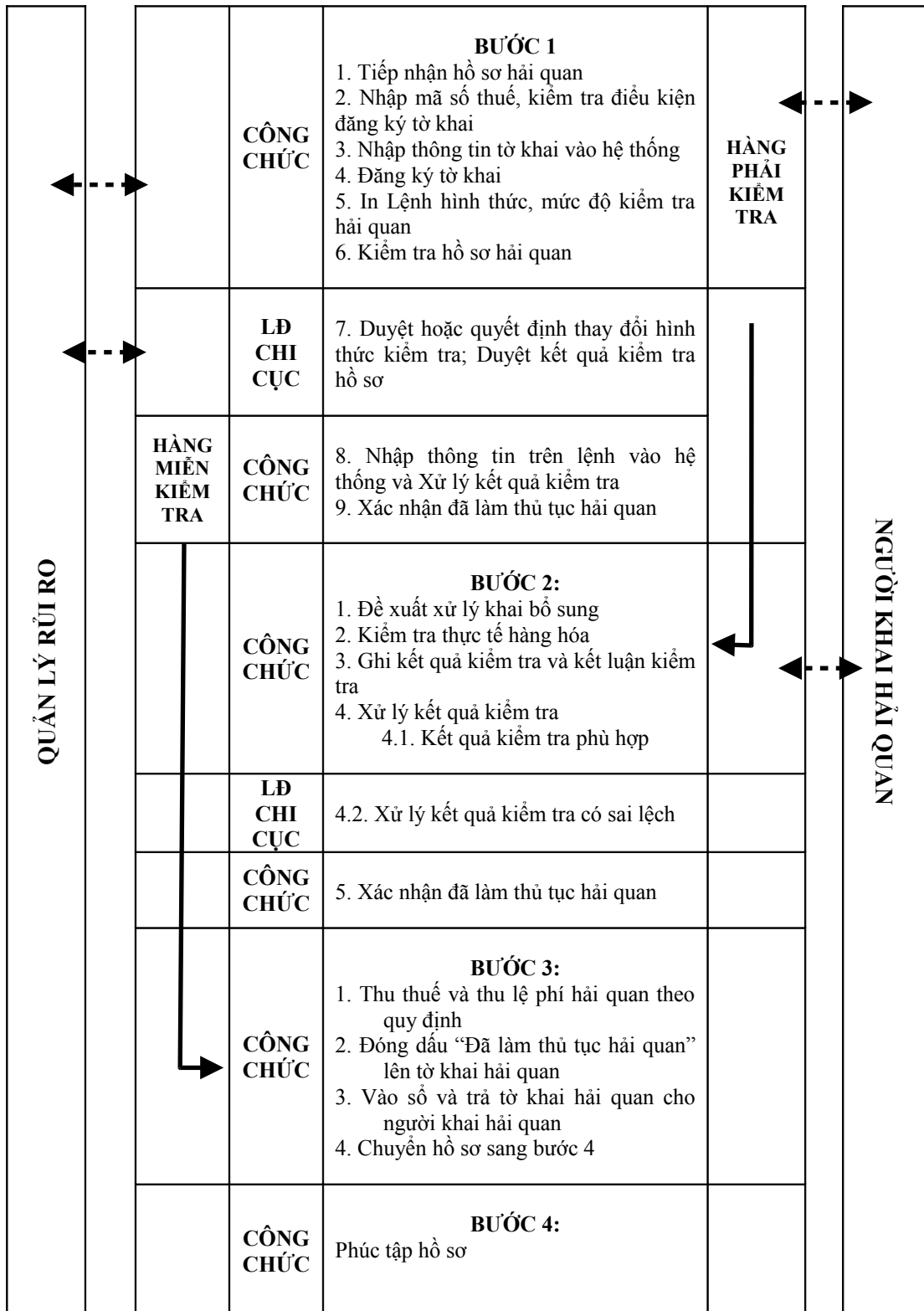


Chú ý: - Mọi lần có đường dẫn đứt quãng ở các bước 2,3,4 quay lại Lãnh đạo Chi cục khi có vướng mắc, điều chỉnh, phát hiện có vi phạm, nghi vấn, sai lệch, ...
 - Lãnh đạo Chi cục cho ý kiến giải quyết xong thủ tục từng việc mà hồ sơ được chuyển đi các bước để xử lý tiếp.

2.2.3.2) Sơ đồ qui trình thủ tục hải quan ban hành kèm Quyết định 1171/QĐ/TCHQ ngày 15/06/2009

Theo các sơ đồ 2.2.3.2, khâu xác định trị giá tính thuế là một khâu nghiệp vụ rất quan trọng, xác định trị giá hải quan để phục vụ tính thuế, đảm bảo chống thất thu cho ngân sách Nhà nước, góp phần tạo thuận lợi trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, đồng thời là khâu có nhiều vướng mắc hàng đầu trong thủ tục hải quan. Tiếp tục phân tích công tác xác định trị giá tại Phòng Trị giá tính thuế Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh để hiểu thêm những vấn đề liên quan tới việc xác định trị giá tính thuế GATT/WTO tại Việt Nam.

(Xem chi tiết sơ đồ trang sau)



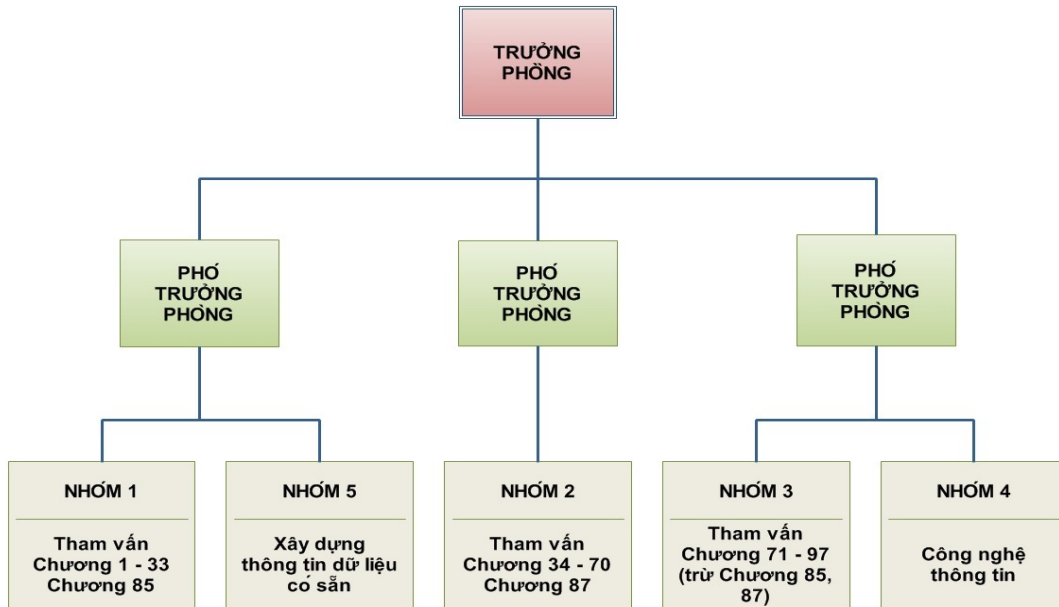
2.3 Mô hình tổ chức Phòng Trị giá tính thuế Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và thực trạng công tác kiểm tra xác định trị giá tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

2.3.1 Mô hình tổ chức Phòng Trị giá tính thuế Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

Phòng Trị giá tính thuế Cục hải quan TP. Hồ Chí Minh là đơn vị tham mưu thuộc Cục, tham mưu cho Lãnh đạo Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo, điều hành và triển khai quản lý về trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu qua các cửa khẩu trực thuộc Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh. Phòng được thành lập theo Quyết định số 36/2003/QĐ-BTC ngày 17/3/2003 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1251/HQTP-TCCB ngày 03/6/2003 của Cục trưởng Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh. Phòng bao gồm 27 CBCC, trong đó có 4 lãnh đạo Phòng và 23 công chức chuyên trách, được phân thành 5 nhóm công tác, mỗi nhóm công tác phụ trách kiểm tra các mặt thuộc các chương nhóm theo biểu thuế suất thuế nhập khẩu khác nhau.

Từ khi thực hiện xác định trị giá theo Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT/WTO ngày 29/12/2003, số tờ khai được tham vấn kết quả bác bỏ được trị giá giao dịch là trên 1.200 tờ khai, chiếm khoảng 1% trên tổng số tờ khai đăng ký làm thủ tục hải quan. Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã ra quyết định truy thu sau khi tham vấn số tờ khai trên đạt được gần 40 tỷ đồng tiền thuế (năm 2003). Với công tác xác định trị giá tính thuế là hoàn toàn mới mẻ, dữ liệu trên thông tin quá ít ỏi, kỹ năng tham vấn của hải quan còn yếu, thì đó là một kết quả đáng khích lệ với cán bộ công chức Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.

Sơ đồ 2.3.1 – Sơ đồ tổ chức bộ máy Phòng trị giá tính thuế



Nhóm 1: Tham vấn chương 1 – 33 và chương 85

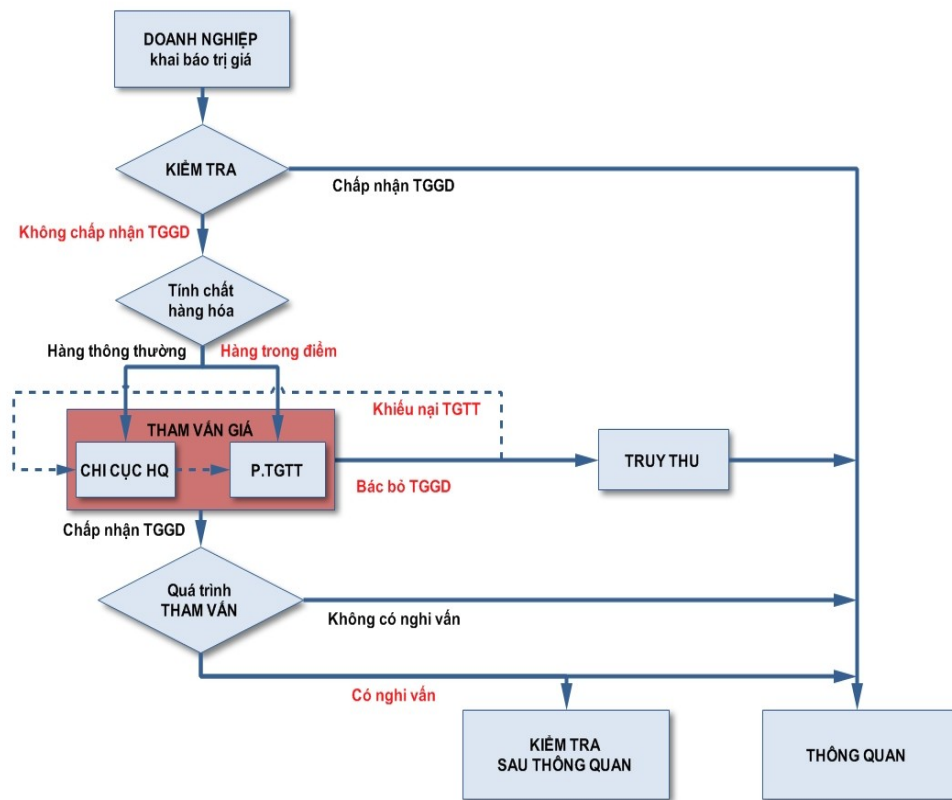
Nhóm 2: Tham vấn chương 34 – 70 và chương 87

Nhóm 3: Tham vấn chương 71 – 97 (trừ chương 85 và 87)

Nhóm 4: Công nghệ thông tin

Nhóm 5: xây dựng thông tin dữ liệu có sẵn

2.3.2 Nguyên tắc và hoạt động kiểm tra, xác định trị giá hải quan tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh.



2.3.2 Sơ đồ nguyên tắc hoạt động kiểm tra xác định trị giá tính thuế

Đối với hàng hóa kinh doanh nhập khẩu thuộc đối tượng GATT, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh áp dụng quy trình xác định giá tính thuế được ban hành bằng Quyết định số 1636/QĐ/TCHQ ngày 04/08/2008 như sau:

2.3.2.1 Tại Phòng Trị giá tính thuế

- Tiếp nhận các hồ sơ do các Chi cục chuyển về đề nghị tham vấn giá tính thuế.
- Tiến hành tham vấn các trường hợp có nghi vấn. Sau khi tham vấn xong, ra thông báo kết quả xác định giá tính thuế, chuyển hồ sơ về Chi cục để Chi cục ban hành thông báo trị giá tính thuế cho doanh nghiệp. Những trường hợp không tham vấn Phòng Trị giá tính thuế cũng thực hiện các bước như sau khi tham vấn.
- Những trường hợp nghi vấn mà việc tham vấn không có kết quả thì tiến hành chuyển bộ hồ sơ sang Chi cục Kiểm tra sau thông quan để kiểm tra.

Nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận tại Chi cục và Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cũng như nội dung của từng công việc được quy định tại Quyết định 1636/QĐ-TCHQ ngày 04/8/2008 (thay thế Quyết định 640/TCHQ/QĐ-KTTT ngày 03/04/2006).

2.3.2.2 Tại các chi cục Hải quan cửa khẩu

- Doanh nghiệp có hàng hóa kinh doanh nhập khẩu thuộc đối tượng GATT, phải khai báo tờ khai trị giá và xuất trình cho Bộ phận đăng ký tờ khai thuộc Đội thủ tục hàng hóa nhập khẩu tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu.

- Bộ phận đăng ký tờ khai thuộc Đội thủ tục hàng hóa nhập khẩu tiếp nhận, kiểm tra việc khai báo và nhập các dữ liệu thuộc phạm vi đăng ký vào chương trình Quản lý thông tin giá tính thuế GTT22. Sau đó, chuyển bộ hồ sơ cho Bộ phận kiểm hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa.

- Bộ phận kiểm hóa tiếp nhận bộ hồ sơ, tiến hành kiểm tra hàng hóa và nhập các dữ liệu thuộc phạm vi kiểm hóa vào chương trình Quản lý thông tin giá tính thuế GTT22. Sau đó, chuyển bộ hồ sơ cho Bộ phận giá - tính thuế.

- Bộ phận giá - tính thuế tiếp nhận bộ hồ sơ, tiến hành kiểm tra giá, tính thuế và nhập các dữ liệu thuộc phạm vi giá, tính thuế vào chương trình Quản lý thông tin giá tính thuế GTT22.

- Đối với những trường hợp hàng hóa khai báo có giá thấp so với mức giá kiểm tra của cơ quan Hải quan hoặc giá trong cơ sở dữ liệu chương trình quản lý giá tính thuế GTT22 thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu chịu trách nhiệm tổ chức tham vấn theo Quyết định 1636/QĐ-TCHQ ngày 04/8/2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quy trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tuy nhiên qua quá trình tổ chức kiểm tra nghiệp vụ tại các Chi cục thì việc tổ chức tham vấn tại Chi cục không đảm bảo do nhiều nguyên nhân. Do đó, Tổng cục Hải quan có công văn số 2417/TCHQ-KTTT ngày 02/6/2006 của Tổng cục Hải quan về việc phân cấp tham vấn một số nhóm mặt hàng trọng điểm như xe ô tô du lịch, xe ô tô tải, xe ô tô khách, xe gắn máy, tivi, máy lạnh, điện gia dụng, rượu, bia, mỹ phẩm, thực phẩm, vải và các sản phẩm vải sợi, sắt thép và các sản phẩm sắt thép... và một số mặt hàng có thuế suất cao, kim ngạch nhập khẩu lớn và có khả năng gian lận thương mại qua giá sẽ do Phòng Trị giá tính thuế thuộc Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá tính thuế. Như vậy, từ ngày 02/6/2006, những trường hợp có mức giá khai báo thấp hơn mức giá kiểm tra nếu thuộc danh mục

các mặt hàng trên, Chi cục phải chuyển hồ sơ về Phòng Trị giá tính thuế để tổ chức kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá tính thuế.

- Cán bộ phụ trách Đội thủ tục hàng hóa nhập khẩu duyệt thông quan hàng hóa, chuyên tờ khai cho công chức trả tờ khai cho doanh nghiệp. Nếu hàng hóa nhập khẩu là hàng tiêu dùng thuộc diện nộp thuế ngay, thì doanh nghiệp phải nộp đủ thuế hoặc xuất trình bảo lãnh của ngân hàng trước khi nhận hàng.

- Doanh nghiệp nhận tờ khai và xuất trình cho công chức Đội giám sát hải quan trước khi mang hàng ra khỏi khu vực quản lý của Hải quan.

2.3.3 Hướng dẫn khai báo trên tờ khai trị giá tính thuế hàng nhập khẩu

Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng xác định trị giá tính thuế theo quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP (ban hành ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá tính thuế hoặc mẫu khai báo trị giá tính thuế (gọi chung là Tờ khai trị giá tính thuế).

Ngày 21/05/2008, Bộ Tài chính ban hành quyết định số 30/2008/BTC về việc ban hành tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và hướng dẫn khai báo. Tờ khai trị giá tính thuế bao gồm các loại sau đây:

* Tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu ký hiệu HQ/2008-TGTT và Phụ lục tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu ký hiệu HQ/2008-PLTG, áp dụng cho phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu.

* Các mẫu khai báo trị giá tính thuế.

- Mẫu PP2 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt.

- Mẫu PP3 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự.

- Mẫu PP4 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ.

- Mẫu PP5 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá tính toán.

- Mẫu PP6 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp suy luận.

Theo Quy định về khai báo, trị giá tính thuế khai báo trên tờ khai trị giá tính thuế là trị giá tính thuế của một đơn vị hàng hóa nhập khẩu.

Người khai hải quan có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung trong tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và chịu trách nhiệm pháp lý về các nội dung đã kê khai.

Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu, người khai hải quan phải khai báo trên Tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu HQ/2008-TGTT và Phụ lục tờ khai trị giá HQ/2008-PLTG.

Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp khác, người khai hải quan sử dụng mẫu khai báo trị giá tính thuế phù hợp theo từng phương pháp để khai báo. Người khai hải quan có thể tự thiết kế mẫu khai báo trị giá tính thuế cho phù hợp với hồ sơ nhập khẩu nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu khai báo trị giá tính thuế đó.

Để đảm bảo tính thống nhất giữa tờ khai trị giá với tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK), các mặt hàng khai báo trên tờ khai HQ/2002-NK phải được đánh số liên tục.

Ví dụ: Phụ lục 1 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự các mặt hàng: 1 - 9; Phụ lục 2 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự phải đánh tiếp theo là 10

2.3.3.1 Quy định về khai báo.

a) Trị giá tính thuế khai báo trên tờ khai trị giá tính thuế là trị giá tính thuế của một đơn vị hàng hóa nhập khẩu.

b) Người khai hải quan có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung trong tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và chịu trách nhiệm pháp lý về các nội dung đã kê khai.

c) Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu, người khai hải quan phải khai báo trên Tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu HQ/2008-TGTT và Phụ lục tờ khai trị giá HQ/2008-PLTG.

d) Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp khác, người khai hải quan sử dụng mẫu khai báo trị giá tính thuế phù hợp theo từng phương pháp để khai báo. Người khai hải quan có thể tự thiết kế mẫu khai báo trị giá tính thuế cho phù hợp với hồ sơ nhập khẩu nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu khai báo trị giá tính thuế đó.

đ) Để đảm bảo tính thống nhất giữa tờ khai trị giá với tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK), các mặt hàng khai báo trên tờ khai HQ/2002-NK phải được đánh số liên tục.

Ví dụ: Phụ lục 1 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự các mặt hàng: 1 - 9; Phụ lục 2 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự phải đánh tiếp theo là 10.

2.3.3.2 Tính pháp lý của tờ khai trị giá

a) Tờ khai trị giá là bộ phận không tách rời của tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK) và được nộp kèm theo tờ khai HQ/2002-NK khi làm thủ tục hải quan.

b) Tờ khai trị giá phải lập thành 02 bản, một bản lưu cơ quan hải quan, một bản lưu chủ hàng.

c) Tờ khai trị giá được lưu trữ cùng với tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

2.3.3.3 Hướng dẫn khai báo trên tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu HQ/2008-TGTT và phụ lục tờ khai trị giá HQ/2008-PLTG

2.3.3.3.1 Hình thức, kích thước tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

a) Tờ khai trị giá được in trên 2 mặt giấy khổ A4, chữ đen, nền màu vàng có biểu tượng hải quan in chìm.

b) Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Việt.

2.3.3.3.2 Kết cấu tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

a) Mặt trước của tờ khai:

Phần tiêu đề của tờ khai trị giá (Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu HQ/2002-NK số...../NK/...../.....ngày...../...../200..), dành riêng cho công chức hải quan ghi chép.

Tiêu thức 1 đến tiêu thức 24 là phần khai báo của người khai hải quan.

b) Mặt sau của tờ khai:

- Từ tiêu thức 6 đến tiêu thức 25 là phần khai báo của người khai hải quan.

- Tiêu thức 26, tiêu thức 27 dành riêng cho công chức hải quan ghi chép.

2.3.3.3.3 Hướng dẫn khai báo tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu.

- Tờ khai trị giá được sử dụng để khai báo cho tối đa 8 mặt hàng. Các mặt hàng có các tiêu thức từ tiêu thức 1 đến tiêu thức 5 giống nhau được khai báo trên cùng một tờ khai trị giá. Nếu trong lô hàng nhập khẩu có nhiều mặt hàng có các tiêu thức từ tiêu thức 1 đến tiêu thức 5 không giống nhau thì phải khai báo trên nhiều tờ khai trị giá.

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có trên 8 mặt hàng:

+ Người khai hải quan tự lập phụ lục tờ khai trị giá, đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại mẫu HQ/2008-PLTG.

+ Trên tờ khai trị giá HQ/2008-TGTT: người khai hải quan không khai báo các tiêu thức từ tiêu thức 6 đến tiêu thức 24, các tiêu thức còn lại khai báo như hướng dẫn.

- Nguyên tắc phân bổ để kê khai:

Trường hợp có các chi phí liên quan đến nhiều mặt hàng khác nhau nhưng các chứng từ liên quan không quy định cụ thể chi phí cho từng mặt hàng thì người khai hải quan phân bổ các chi phí đó theo tỷ lệ trị giá của từng mặt hàng trên tổng trị giá của lô hàng, trừ các khoản chi phí vận tải, bảo hiểm đã được quy định cách phân bổ tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Phần khai báo trên tờ khai:

Phần khai báo của người khai hải quan

<p>Tờ số ... /...tờ (Phụ lục số.../...tờ)</p>	<p>Ghi số thứ tự từng tờ khai trị giá (phụ lục tờ khai trị giá)/ tổng số tờ khai trị giá (phụ lục tờ khai trị giá). Ví dụ: Lô hàng nhập khẩu có 13 mặt hàng và khai báo trên 03 tờ khai trị giá: Tờ số ..1../...3..tờ; Tờ số ..2../...3..tờ; Tờ số ..3../...3..tờ.</p>
--	--

Số lượng phụ lục tờ khai trị giá	Ghi số lượng phụ lục tờ khai trị giá đi kèm mỗi tờ khai trị giá.
Tiêu thức 1	Ghi ngày phát hành vận đơn.
ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG TRỊ GIÁ GIAO DỊCH	
Tiêu thức 2	<p>Khai báo CÓ nếu người mua có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu.</p> <p>Khai báo KHÔNG nếu người mua không có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu.</p>
Tiêu thức 3	<p>Khai báo CÓ nếu việc bán hàng hay giá cả hàng hóa có phụ thuộc vào một số điều kiện dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế.</p> <p><u>Ví dụ:</u> Vở và bút được đóng gói chung để bán lẻ. Người mua và người bán thoả thuận đơn giá cho từng gói hàng để bán lẻ, vì vậy không thể xác định được đơn giá của từng mặt hàng bút, vở.</p> <p>Khai báo KHÔNG nếu việc bán hàng hay giá cả của hàng hóa không phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào.</p>
Tiêu thức 4	<p>Khai báo CÓ nếu sau khi bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hóa người mua phải trả thêm khoản tiền từ số tiền thu được do việc định đoạt hàng hóa nhập khẩu mang lại.</p> <p>Nếu trên đây đã khai báo CÓ thì khai báo tiếp khoản tiền đó có phải là khoản tiền nêu tại tiêu thức 15 hay không:</p> <p>Khai báo KHÔNG, người khai hải quan sử dụng phương pháp khác để xác định trị giá tính thuế.</p> <p>Khai báo CÓ, người khai hải quan tiếp tục khai báo trên tờ khai này.</p>
Tiêu thức 5	<p>Khai báo CÓ nếu mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định 40/2007/NĐ-CP.</p> <p>Khai báo mối quan hệ đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch hay không.</p> <p>Khai báo KHÔNG nếu mối quan hệ giữa người mua và người bán không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định 40/2007/NĐ-CP.</p> <p>Trường hợp mối quan hệ đặc biệt ảnh hưởng đến giá cả, người khai hải quan sử dụng phương pháp tiếp theo để xác định trị giá tính thuế.</p>
PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	

Tiêu thức 6	Không khai báo chi tiết tên hàng mà chỉ ghi số thứ tự của từng mặt hàng theo số thứ tự đã khai báo tại tiêu thức 17 tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK) hoặc phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu.
I. TRỊ GIÁ GIAO DỊCH	
Tiêu thức 7	<p>Khai báo đơn giá nguyên tệ.</p> <p>Ví dụ 1: Hóa đơn thương mại thể hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá hóa đơn: 1000 USD/bộ CIF Hà nội, khai báo tại tiêu thức 7. - Phí giấy phép: 20 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 14. <p>Ví dụ 2: Hóa đơn thương mại thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá hóa đơn: 1000 USD/ bộ FOB Hà nội, khai báo tại tiêu thức 7 - Chi phí vận chuyển (F) 100 USD/ bộ, khai báo tại tiêu thức 16. - Chi phí bảo hiểm (I) 7 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 17. <p>* Trong ví dụ 1 giá ghi trên hóa đơn thương mại bao gồm cả phí vận chuyển, phí bảo hiểm thì không cần tách riêng các chi phí này ra để khai báo vào các tiêu thức 16 và tiêu thức 17.</p>
Tiêu thức 8	<ul style="list-style-type: none"> - Khai báo các khoản thanh toán gián tiếp quy định tại điểm c khoản 2 Mục I Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nếu như chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn thương mại (tiêu thức 7). - Trường hợp việc mua bán hàng hóa hay giá cả của hàng hóa phụ thuộc vào một hay một số điều kiện đã khai báo tại tiêu thức 3, nhưng người mua có tài liệu khách quan, hợp lệ để xác định mức ảnh hưởng bằng tiền của sự phụ thuộc đó, thì người khai hải quan khai báo khoản tiền được giảm do sự ảnh hưởng đó tại tiêu thức này.
	<p><u>Ví dụ:</u> Người xuất khẩu thoả thuận bán cho người nhập khẩu hàng hóa A với mức giá giảm 1.000 USD/tổng trị giá lô hàng nếu người nhập khẩu chấp nhận mua kèm hàng hóa B, 1000 USD sẽ phải khai báo tại tiêu thức 8 tương ứng với hàng hóa A, sau khi đã phân bổ đều cho lượng hàng hóa nhập khẩu A.</p>
Tiêu thức 9	Khai báo các khoản trả trước, ứng trước, đặt cọc liên quan đến việc mua hàng hóa nhập khẩu, nếu chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn thương mại (tiêu thức 7).
II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG	
Tiêu thức 10 đến tiêu thức 17	<p>Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục VII Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để kê khai.</p> <p>Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh cộng do người mua phải trả, liên quan đến hàng hóa nhập khẩu và chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn (tiêu thức 7).</p>

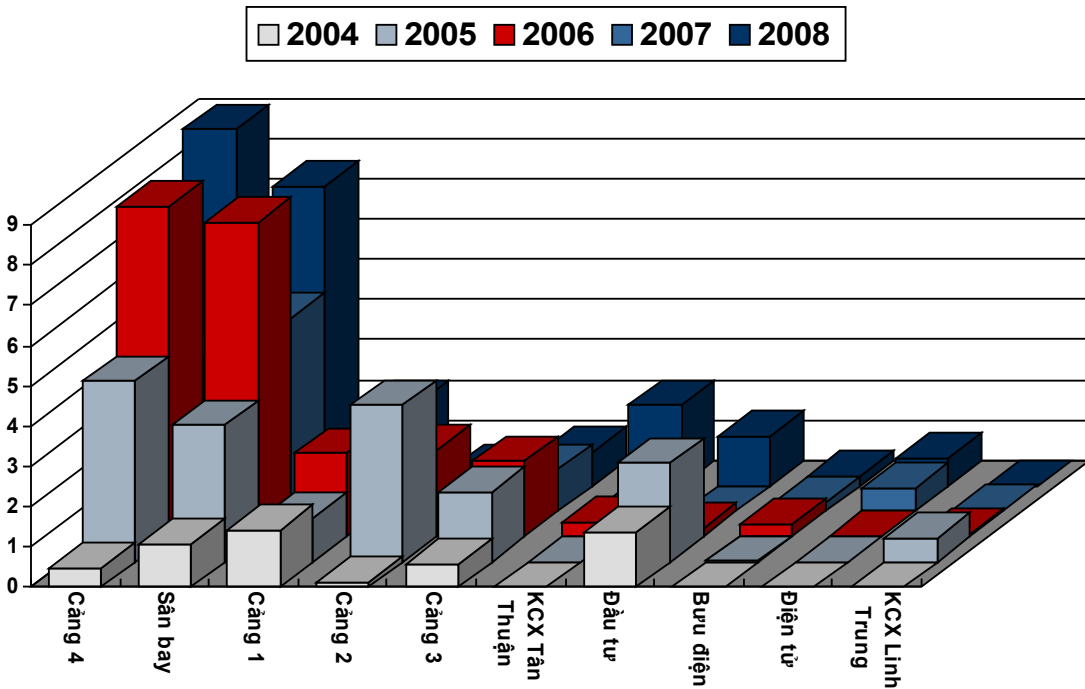
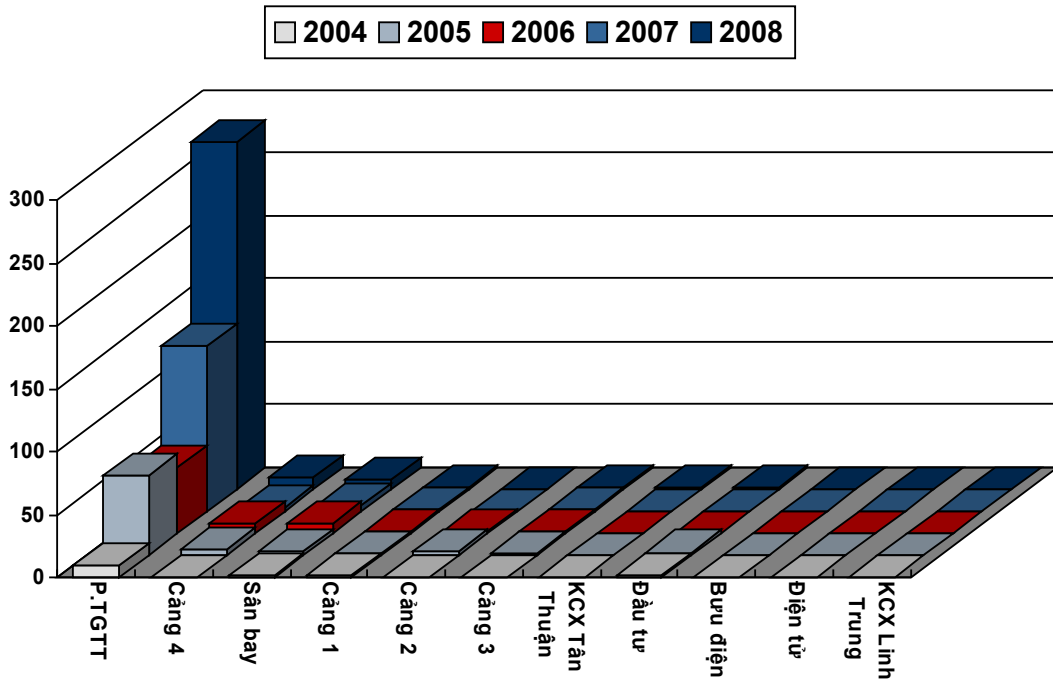
Tiêu thức 14	Trường hợp tại thời điểm kê khai hải quan không xác định được tiền bản quyền, phí giấy phép để kê khai thì ghi vào ô tương ứng " <i>Khai báo sau</i> ".
III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ	
Tiêu thức 18 đến tiêu thức 22	Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 3 Mục VII Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để kê khai. Chi khai báo các khoản điều chỉnh trừ nếu chúng đã bao gồm trong trị giá giao dịch (tiêu thức 7, tiêu thức 8, tiêu thức 9).
Tiêu thức 22	Khoản giảm giá được phép khấu trừ phải được thực hiện trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển ở nước xuất khẩu hàng hóa và được lập thành văn bản nộp cùng với tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu. Người khai hải quan có trách nhiệm khai báo khoản giảm giá trên tờ khai trị giá.
Tiêu thức 23	Được xác định bằng tổng các tiêu thức từ 7 đến 17 và trừ đi các tiêu thức từ 18 đến 22.
Tiêu thức 24	Trị giá tính thuế của một đơn vị hàng hóa bằng đơn vị tiền Việt Nam được xác định bằng phép nhân giữa tiêu thức 23 trên tờ khai trị giá và tỷ giá tính thuế tại tiêu thức 15 tờ khai HQ/2002-NK.
Tiêu thức 25	Người khai hải quan ghi rõ ngày, tháng, năm khai báo; ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị.

PHẦN DÀNH CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN

Tiêu đề của tờ khai trị giá	Công chức hải quan tiếp nhận, đăng ký tờ khai trị giá ghi số, ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK) của lô hàng đang được khai báo trị giá.
Tiêu thức 26	Công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá ghi chép các thông tin liên quan đến việc xác định trị giá vào bản lưu tại cơ quan hải quan để chuyển đến các khâu nghiệp vụ sau và ký, ghi rõ họ tên. Bản trả cho người khai hải quan, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá chỉ ký và ghi rõ họ tên. * Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này.
Tiêu thức 27	Công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế ghi chép ý kiến về nội dung xác định trị giá tính thuế của người khai hải quan và ký, ghi rõ họ tên vào bản lưu tại cơ quan Hải quan, không ghi vào bản trả cho người khai hải quan. - Chấp nhận kết quả xác định trị giá tính thuế. - Không chấp nhận trị giá khai báo, xác định lại trị giá tính thuế, ghi rõ

	<p>phương pháp được sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu tham vấn.- Yêu cầu kiểm tra sau thông quan, lý do.- Các nội dung phải tiếp tục kiểm tra.- Ghi chép nghiệp vụ khác. <p>* Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá, công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này.</p>
--	--

2.4 Những kết quả đạt được do công tác tham vấn giá tại Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh (Xem Biểu đồ trang sau)



(Số liệu chi tiết về tổng số thu và tỷ lệ % xem Phụ lục 6)

Các số liệu trên cho thấy kết quả tăng thu từ các Chi cục còn rất nhiều hạn chế, công tác kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu trong thời gian thông quan hàng hóa chưa hiệu quả.

Kết quả chủ đạo vẫn là của Phòng Trị Giá TT Cục còn kết quả của các Chi cục rất hạn chế (ít), số liệu tăng mỗi năm. Có sự chênh lệch kết quả giữa các Chi Cục với nhau, kết quả biến động tăng giảm thất thường không theo một qui luật nào.

Về số liệu tăng của Phòng Trị giá tính thuế, con số này thể hiện tăng thu được cho những tờ khai cụ thể do Chi cục chuyển mà Phòng Trị giá tính thuế đã bác bỏ trị giá khai báo và xác định lại trị giá tính thuế theo phương pháp khác (do qui định phân cấp tham vấn theo Quyết định 2417/TCHQ nói trên). Hiệu quả của việc phân cấp tham vấn này đó là Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh duy trì được mức giá đã điều chỉnh từ kết quả tham vấn của Phòng Trị giá. Từ khi bị bác bỏ trị giá khai báo nhiều lần, Doanh nghiệp có sự hiểu biết nhiều hơn về Nghị định 40/2007/CP và có ý thức khai báo giá tăng dần lên, tạo bình ổn giá trong cộng đồng Doanh nghiệp với sự quản lý chặt chẽ của Hải quan.

Các nguyên nhân của sự biến động số liệu theo biểu đồ là do các nguyên nhân sau : Có sự thay đổi về chính sách thuế hàng năm của Chính Phủ ; Có sự biến động nền kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu; Có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, phân công phân nhiệm lại của Cục Hải Quan Thành Phố Hồ Chí Minh ; Tính chất đặc thù riêng của mỗi Chi Cục; và cuối cùng không loại trừ khả năng thất thu thuế, trong đó yếu tố tổ chức thực hiện công tác xác định trị giá hải quan của Cục Hải Quan Thành Phố Hồ Chí Minh có nhiều bất cập, thiếu minh bạch.

2.5 Đánh giá chung về thực trạng công tác xác định giá tính thuế, kiểm tra giá tính thuế tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

2.5.1 Những mặt thuận lợi:

Kể từ ngày 29/12/2003 - thời điểm ngày Hải quan Việt Nam bắt đầu thực hiện việc xác định trị giá Hải quan theo Hiệp định Trị giá GATT của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) - cho đến nay, Hải quan Việt Nam đã triển khai áp dụng phương pháp

xác định trị giá hải quan theo GATT đối với hàng hóa đến từ 51 Quốc gia trên toàn cầu. Hải quan Việt Nam đã hòa nhập "sân chơi chung" bằng những bước đi vững chắc, ngày càng được đánh giá cao. Đồng thời, Hải quan Việt Nam đã có được sự quan tâm hỗ trợ của Tổ chức hải quan thế giới, mà cụ thể là Tổ chức hải quan Châu Á, Tổ chức JICA v.v... trong việc cố vấn, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm....

Với chính sách quản lý vĩ mô, Nhà nước đã quan tâm, tạo nhiều điều kiện để cơ quan hải quan hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực thuế. Hệ thống văn bản pháp quy ngày càng được hoàn thiện theo hướng công khai, minh bạch, cụ thể và tính khả thi cao.

Từ nhiều năm qua, lãnh đạo các cấp thuộc Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh luôn xác định vị trí quan trọng của công tác tham vấn xác định trị giá tính thuế và có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, cụ thể công tác này. Hàng tuần, lãnh đạo Cục đều kiểm tra giá của các mặt hàng trọng điểm, nhạy cảm, hàng có giá trị lớn để kịp thời phát hiện các trường hợp hàng hóa khai báo giá thấp để có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh thống nhất trong toàn Cục.

Về nhân lực, đội ngũ CBCC Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh hiện nay đạt những chuẩn mực nhất định, đại đa số đều qua quá trình đào tạo chính quy, kết hợp giữa kinh nghiệm, bản lĩnh và sức trẻ, năng động, tiếp thu nhanh và áp dụng vững chắc các kiến thức mới trong nghiệp vụ.

So với mặt bằng chung, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh có cơ sở hạ tầng tương đối thuận lợi để triển khai các ứng dụng hiện đại về kỹ thuật, công nghệ, phương pháp quản lý...

Từ các mặt thuận lợi đó, cùng với những nỗ lực nội tại, liên tục trong nhiều năm liền, ngành Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh luôn đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách được giao.

2.5.2 Những khó khăn, bất cập:

Nhìn chung, công tác giá tính thuế tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã đạt được một số thành quả, góp phần đáng kể vào việc chống gian lận thương mại qua giá, hoàn thành chỉ tiêu thu thuế năm 2004-2008 của đơn vị và của ngành Hải quan. Tuy nhiên, qua các năm thực hiện, công tác này cũng bộc lộ một số hạn chế cần phải khắc phục. Cụ thể là:

2.5.2.1 Cơ chế chính sách, luật pháp

Cơ bản đã chuyển hóa được đầy đủ các nội dung của Hiệp định trị giá WTO vào pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên vẫn còn những tồn tại, hạn chế :

- Khi ban hành hệ thống văn bản quy chính sách về giá tính thuế, chưa khảo sát thực tế tại địa phương nên chưa lường hết các tình huống xảy ra trong thực tế khi triển khai thực hiện.

- Chưa cụ thể hóa tại các văn bản pháp quy một số nội dung có tính kỹ thuật cao như: Nội dung kiểm tra trị giá khai báo; tham vấn và bác bỏ trị giá khai báo; trì hoãn xác định trị giá và nộp khoản bảo đảm; khoản giảm giá, chiết khấu.

- Các quyết định do Tổng cục Hải quan ban hành hướng dẫn công tác kiểm tra trị giá, tham vấn, thu thập, khai thác và sử dụng thông tin... thiếu cơ sở pháp lý do không phù hợp với chuẩn mực ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.5.2.2 Công tác xác định giá tính thuế, kiểm tra giá tính thuế

2.5.2.2.1 Thực trạng:

Theo Quy trình kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá tính thuế đang áp dụng theo Quyết định 1636/QĐ-TCHQ ngày 04/8/2008 của Tổng cục Hải quan thì công tác kiểm tra, tham vấn và xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu được phân cấp như sau:

- Cấp Chi cục: Đảm nhiệm, thực hiện toàn bộ việc kiểm tra trị giá khai báo, tham vấn và xác định trị giá tính thuế cho tất cả các loại hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu được phân theo 3 luồng xanh - vàng - đỏ theo phân luồng của quy trình thủ tục hải quan hiện hành. (Từ ngày 02/6/2006 thì đối với những mặt hàng trọng điểm bao gồm: ô tô; xe máy; rượu bia; ti vi; tủ lạnh; quạt điện; điều hòa nhiệt độ, hoa quả; bánh

kẹo; quần áo; đồng hồ; máy ảnh... sẽ do Phòng Trị giá tính thuế - Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá tính thuế)

- Cấp Cục: Phòng Trị giá tính thuế là đơn vị tham mưu giúp Cục trưởng trong việc tổ chức kiểm tra, chỉ đạo, cung cấp, hỗ trợ thông tin và hướng dẫn các Chi cục thực hiện công tác kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá.

2.5.2.2.2 Đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá

* Cấp Chi cục:

a) Kết quả:

- Khoảng 98% hàng nhập khẩu được xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch. Do vậy đã rút ngắn được thời gian thông quan hàng hóa, tạo thuận lợi cho hoạt động nhập khẩu, nâng cao trách nhiệm khai báo của doanh nghiệp trong việc khai báo trị giá hải quan.

b) Những tồn tại:

- Công tác kiểm tra hồ sơ ban đầu và cập nhật dữ liệu khai báo tại khâu tiếp nhận hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp còn sơ sài, mang tính hình thức, chiếu lệ. Ví dụ: Mặt hàng nhập khẩu là Xe ô tô hiệu Toyoya Camry được doanh nghiệp khai báo trên Tờ khai hải quan và cập nhật vào hệ thống thông tin của cơ quan Hải quan. Để đảm bảo việc xác định chính xác trị giá hàng nhập khẩu, doanh nghiệp cần khai báo đầy đủ xe ô tô model nào, dung tích xy-lanh bao nhiêu, số chỗ ngồi, được sản xuất năm nào, năm model là năm nào... và đặc biệt là dòng xe thuộc loại nào (LE, XLE). Các thông tin này không được khai báo đầy đủ và công chức tại khâu tiếp nhận hồ sơ đăng ký phải yêu cầu doanh nghiệp khai báo đầy đủ để làm cơ sở cho việc kiểm tra, xác định trị giá tính thuế.

- Công tác kiểm tra trị giá khai báo còn chưa được coi trọng, đa số chỉ dựa vào hồ sơ, chưa chú trọng đến sự bất hợp lý của mức giá khai báo. Ví dụ như mức giá khai báo của sản phẩm nhập khẩu thấp hơn giá thành của nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm.

- Công tác tham vấn tại Chi cục đạt hiệu quả thấp do bộ phận tham vấn là các công chức kiêm nhiệm nhiều công việc, không được đào tạo bài bản, chuyên sâu về công tác tham vấn, đa số chấp nhận trị giá khai báo sau khi tham vấn, tỷ lệ bác bỏ trị giá khai báo chỉ đạt từ 10% đến 12% trên tổng số các lô hàng tham vấn. Có Chi cục không tổ chức tham vấn tại Chi cục mà chuyển toàn bộ hồ sơ có nghi ngờ lên Phòng Trị giá tính thuế để Phòng tổ chức tham vấn.

- Xuất hiện tình trạng tham vấn tràn lan nhưng bác bỏ ít mặc dù nhiều trường hợp đã có đủ thông tin và cơ sở, gây thất thu ngân sách hoặc gây bức xúc trong cộng đồng doanh nghiệp đối với các trường hợp tham vấn chiếu lệ, không đủ thông tin và không loại trừ khả năng có tiêu cực trong công tác tham vấn.

- Tại Chi cục, khâu kiểm tra các thông tin giá của mặt hàng cần kiểm tra, tham vấn không được chuẩn bị kỹ lưỡng, không thu thập đủ các thông tin dẫn đến việc tổ chức tham vấn không hiệu quả.

- Đối với các lô hàng được phân vào luồng xanh, Chi cục không tổ chức kiểm tra trị giá khai báo mà chuyển toàn bộ sang khâu kiểm tra sau thông quan. Tuy nhiên, bộ phận kiểm tra sau thông quan thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan theo quy trình của kiểm tra sau thông quan và theo phương pháp quản lý rủi ro, chỉ tổ chức kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, do vậy một số lượng hàng hóa nhập khẩu được phân luồng xanh không được tổ chức kiểm tra về giá, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp lợi dụng để làm giảm giá một số mặt hàng. Có trường hợp doanh nghiệp khi đăng ký hồ sơ hải quan, nếu được phân loại vào luồng xanh thì tiến hành thông quan, trường hợp do máy tự phân luồng tự động vào luồng vàng hoặc đỏ thì không làm tiếp thủ tục theo quy trình hoặc không xuất trình hàng để kiểm tra mà chờ quá 15 ngày để hủy tờ khai, sau đó tiến hành đăng ký lại nhằm đăng ký lô hàng vào luồng xanh để không phải qua khâu kiểm tra trị giá và kiểm tra hàng hóa.

c) Nguyên nhân:

- Hiệp định trị giá GATT/WTO là khâu nghiệp vụ hết sức mới mẻ, phức tạp, có yếu tố kỹ thuật cao, các thao tác cơ bản chủ yếu dựa vào hệ thống tin học nhưng trình độ cán bộ công chức chưa tương xứng.

- Do lãnh đạo các Chi cục chưa quan tâm đến công tác giá, chưa nhận thức được đúng và đầy đủ rằng công tác giá phải được thực hiện xuyên suốt tại tất cả các khâu, các bước của quy trình nghiệp vụ, mà chỉ coi công tác giá đơn thuần là việc của bộ phận xác định trị giá .

- Áp lực công việc lớn, thời gian thông quan hàng hóa yêu cầu phải nhanh chóng, đúng quy định. Do vậy, một bộ phận cán bộ công chức làm giá còn có tư tưởng e dè, ngại doanh nghiệp phản ứng khi phải tham vấn và xác định lại trị giá tính thuế.

- Không đủ lực lượng cán bộ giá chuyên trách để thực hiện công tác kiểm tra trị giá khai báo và tham vấn đạt hiệu quả. Ngoài ra có một bộ phận cán bộ công chức chưa đủ trình độ, bản lĩnh nghề nghiệp nên đã có những biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu trong công tác tham vấn vì lợi ích cá nhân.

* Cấp cục (Phòng Trị giá tính thuế)

a) Kết quả

- Qua kết quả các năm từ 2004 – 2008 cho thấy công tác tham vấn đạt hiệu quả cao hơn so với cấp Chi cục, số thu của Phòng Trị giá tính thuế các năm chiếm tỷ lệ trên 60% đến 92% số tăng thu thuế do điều chỉnh giá.

(xem biểu đồ ở trang 45)

b) Tồn tại

- Đội ngũ cán bộ công chức của Phòng chưa được đào tạo chuyên sâu, chịu ảnh hưởng bởi các quy định về quản lý cán bộ, luân chuyển, bố trí cán bộ nên một số cán bộ được đào tạo phải chuyển công tác khác.

- Công tác kiểm tra, chấn chỉnh các Chi cục chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục nên hiệu quả không cao.

- Việc kiểm tra còn phụ thuộc vào sự chỉ đạo của Tổng cục, chưa chủ động phát hiện các sai phạm tại Chi cục để hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

- Chưa tổ chức thu thập, cập nhật các nguồn thông tin khác để hỗ trợ các Chi cục trong công tác kiểm tra trị giá khai báo, tham vấn và xác định trị giá.

c) Nguyên nhân

- Thiếu lực lượng cán bộ chuyên sâu về trị giá, am hiểu về trị giá GATT/WTO, có kinh nghiệm thực tế để kiểm tra, phát hiện các sai sót tại Chi cục.

- Việc thu thập thông tin, dữ liệu giá chưa được tổ chức thường xuyên, chủ yếu chỉ thu thập thông tin theo sự vụ, giải quyết vụ việc mà không xây dựng quy chế để tổ chức thu thập thông tin tổng thể cho nhiều loại mặt hàng, từ nhiều nguồn thông tin khác nhau trên thị trường nội địa cũng như thông tin trên thị trường thế giới

2.5.2.3 Công tác tổ chức, đào tạo

Với việc xác định vai trò quan trọng của công tác giá tính thuế, nên Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh luôn coi trọng công tác tổ chức bố trí cán bộ để thực hiện các nhiệm vụ và công tác huấn luyện đào tạo nghiệp vụ.

Kể từ thời điểm thực hiện Nghị định số 60/2002/NĐ-CP ngày 06/6/2002 của Chính phủ, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã cử một số chuyên gia giỏi nghiệp vụ, có kinh nghiệm để tập huấn, đào tạo, tuyên truyền về công tác xác định trị giá tính thuế theo GATT cho cán bộ công chức của đơn vị và cho hơn 3.000 doanh nghiệp đóng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Nhìn chung, công tác xác định trị giá tính thuế theo GATT là một khâu nghiệp vụ phức tạp, nhạy cảm và có độ rủi ro cao. Qua đánh giá, những lớp tập huấn ngắn hạn (từ 1 đến 7 ngày) vẫn chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Thực chất, học viên chỉ mới dừng lại ở những kiến thức cơ bản của trị giá GATT, về 6 phương pháp xác định trị giá tính thuế mà chưa thực sự hiểu sâu về các vấn đề cốt lõi của trị giá GATT/WTO như tham vấn, kiểm tra sau thông quan... thậm chí hiểu sai các quy định có liên quan đến việc thực hiện trị giá

GATT/WTO. Ví dụ, hiện nay một số công chức Hải quan và một số doanh nghiệp vẫn quen sử dụng danh mục giá kiểm tra như là một bảng giá tối thiểu để xác định giá khai báo cho hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp.

Về công tác huấn luyện đào tạo, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã mở 6 lớp bồi dưỡng công chức về Trị giá GATT, 7 lần tổ chức triển khai, hướng dẫn các văn bản của Bộ Tài chính, Tổng Cục Hải quan tại các đơn vị với hơn 500 cán bộ công chức tham gia. Ngoài ra, cũng tổ chức 9 lớp tập huấn cho khoảng gần 2.000 doanh nghiệp đóng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và các vùng lân cận về Hiệp định Trị giá GATT, Nghị định 60/2002/NĐ-CP và Nghị định 155/2005/NĐ-CP của Chính phủ, tổ chức tập huấn Nghị định 40/2007/NĐ/CP và thông tư 40/2008/TT-BTC cho 100% cán bộ, công chức công tác ở khâu xác định trị giá hải quan và tham vấn giá trong toàn Cục.

Về công tác tuyên truyền, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tham gia các buổi tọa đàm với doanh nghiệp để giới thiệu văn bản mới và giải đáp vướng mắc về thủ tục Hải quan, chính sách giá (Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh tổ chức theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh)

2.5.2.4 Công tác tham vấn

Việc quy định tham vấn đối với các mặt hàng nhập khẩu có giá thấp hơn bảng giá chuẩn (bảng giá kiểm tra) nhằm hạn chế tình trạng doanh nghiệp gian lận giá tính thuế khiến cho công việc không giảm bớt mà còn tăng lên rất nhiều. Việc tham vấn này cũng gây khó khăn, phiền phức cho doanh nghiệp vì phải tiến hành tham vấn nhiều lần mỗi khi nhập khẩu hàng hóa đồng thời cũng là một vấn đề nan giải của cơ quan Hải quan khi giải quyết công việc. Thực tế cho thấy, việc tham vấn là một việc vô cùng phức tạp và đòi hỏi rất nhiều kỹ năng. Nó là kết quả của một quá trình đào tạo, nghiên cứu lâu dài, kinh nghiệm và bản lĩnh của cán bộ tham vấn kết hợp với nguồn thông tin sẵn có hoặc thu thập được. Nếu vận dụng tốt thì công tác tham vấn mới đạt được hiệu quả. Hiện nay, do đây là một công việc khá mới mẻ, chưa được đào tạo bài bản, kinh nghiệm còn hạn chế, nguồn thông tin thiếu... cho nên việc tham vấn còn là một vấn đề cần phải cố gắng khắc phục. Ví dụ như việc sử dụng các câu hỏi

tham vấn, phương pháp tham vấn, nội dung tham vấn, thu thập thông tin tham vấn, cách lập biên bản tham vấn... trong phần lớn công chức giá là rất đơn điệu, chủ yếu dựa vào một số biên bản mẫu mà chưa có sự sáng tạo cần thiết, nên không đấu tranh được đối với doanh nghiệp, mặc dù giá khai báo thấp; một số biên bản tham vấn nội dung không đầy đủ, không đảm bảo cơ sở pháp lý...

2.5.2.5. Nguồn thông tin

Để có thể tiến hành tham vấn, xác định được giá tính thuế đúng, cơ sở quan trọng để xem xét là nguồn thông tin. Hiện nay, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh có các nguồn thông tin chủ yếu là:

- Thông tin dữ liệu giá từ chương trình quản lý giá tính thuế GTT22
- Thông tin giá theo bảng giá chuẩn (bảng giá kiểm tra)
- Thông tin giá trên thị trường nội địa (thị trường TP. Hồ Chí Minh)
- Thông tin giá trên internet
- Thông tin giá do doanh nghiệp cung cấp

Qua thực tế áp dụng, nhận thấy từng loại nguồn thông tin trên cũng có những hạn chế. Cụ thể:

* Chương trình quản lý giá tính thuế GTT22:

Đây là chương trình quản lý giá tính thuế được Tổng cục Hải quan và Công ty FPT phối hợp xây dựng trang bị cho các Cục Hải quan địa phương. Chương trình này được xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị, trước khi ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể nhằm triển khai áp dụng việc xác định giá tính thuế tại Việt Nam.

Những chức năng của chương trình thường phát sinh rất nhiều lỗi, chỉ thay thế một phần công việc thủ công của công chức chứ không thể xử lý hiệu quả công việc theo nghĩa là một chương trình quản lý, chương trình được xây dựng nhưng không tích hợp được với các chương trình khác đang thực hiện như Chương trình số liệu xuất, nhập khẩu; Chương trình theo dõi nợ thuế, Chương trình tra cứu Doanh nghiệp vi phạm, Chương trình đa chức năng v.v... nên khi sử dụng Chương trình này, công chức

tại cửa khẩu cùng một lúc phải mở nhiều chương trình song song với chương trình quản lý giá tính thuế, ảnh hưởng đến thao tác cũng như tốc độ xử lý của máy tính trong khi số lượng hàng hóa qua các cửa khẩu là rất lớn.

Vấn đề của chương trình GTT22 không chỉ vướng mắc từ Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh như đã nêu trên mà còn là vấn đề vướng mắc chung của toàn ngành Hải quan. Trong công tác xác định giá tính thuế của ngành hiện nay, Hệ thống GTT22 được coi là một “bảo bối” rất quan trọng. Hệ thống dữ liệu này cho phép các đơn vị hải quan cơ sở truy cập và tham khảo giá tính thuế của các địa phương khác với một loại hoặc một nhóm mặt hàng. Trong trường hợp các đơn vị hải quan tiếp nhận tờ khai hàng hóa mà rất thiếu cơ sở để xác định giá tính thuế thì GTT22 được coi là chỗ dựa rất quan trọng. Tuy nhiên, thời điểm hiện nay, GTT22 được ngành Hải quan thừa nhận là còn thiếu thông tin về giá hàng hóa cũng như tính cập nhật của thông tin trên hệ thống. Nhiều công chức hải quan than thở rằng, họ biết chắc chắn đơn vị bạn đã từng làm thủ tục hải quan cho loại hàng hóa họ đang cần tham khảo giá, nhưng khi muốn tìm dữ liệu về giá trên Hệ thống GTT22 thì không thấy. Lý do đơn giản là, đơn vị bạn không cập nhật thông tin lên mạng theo yêu cầu của Tổng cục Hải quan. Nhiều đơn vị đã được Tổng cục Hải quan nhắc nhở trực tiếp về vấn đề này, nhưng cho đến thời điểm hiện tại, tình trạng thiếu dữ liệu về giá vẫn đang khiến không ít công chức lúng túng khi xác định giá tính thuế.

* Thông tin giá theo bảng giá chuẩn (hay bảng giá kiểm tra):

Nhằm tránh các doanh nghiệp lợi dụng việc áp dụng giá tính thuế theo GATT để gian lận giá, Tổng cục Hải quan đã ban hành Bảng giá kiểm tra để cho Hải quan các tỉnh, thành phố căn cứ vào đó thực hiện việc tham vấn. Bảng giá này được xây dựng trên cơ sở những bảng giá tối thiểu đã có từ trước nên những thông tin về giá trên bảng giá là không phù hợp với thực tế. Nhiều mặt hàng quy định giá quá cao, nhiều mặt hàng lại quy định giá quá thấp. Cho nên, trong thời gian áp dụng, các Chi cục và Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh gặp rất nhiều khó khăn trong việc tham vấn, xác định giá tính thuế. Bên cạnh đó, một số cán bộ hải quan và doanh nghiệp vẫn đồng nhất hóa Danh mục giá kiểm tra với bảng giá tối thiểu và vẫn sử dụng danh mục giá kiểm tra để tính toán tỷ lệ % khi khai báo với cơ quan Hải quan, xác định giá tính thuế. Ngoài ra,

cũng có một số trường hợp khi tham vấn, cơ quan Hải quan đấu tranh bác bỏ được trị giá giao dịch, giá tính thuế được xác định cao hơn danh mục giá kiểm tra thì doanh nghiệp phản ứng.

* Thông tin giá trên thị trường nội địa (chủ yếu là thị trường TP. Hồ Chí Minh)

Việc nắm bắt thông tin giá trên thị trường nội địa là việc làm rất khó khăn và phức tạp. Trước đây, trong việc xây dựng giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu, việc CBCC hải quan đi khảo sát giá thị trường để xây dựng giá là việc làm bị các doanh nghiệp phản ứng rất nhiều, do là giá không thống nhất ở các nơi (do người đi khảo sát, do người bán, do cung cầu hàng hóa trên thị trường, địa điểm khảo sát, giá ảo quá cao hoặc quá thấp...).

Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cũng đã tổ chức xác minh hóa đơn do doanh nghiệp xuất trình, tuy nhiên qua công tác xác minh với cơ quan thuế nội địa chỉ xác nhận được hóa đơn do chính cơ quan Thuế ban hành nhưng không thể xác minh mức giá ghi trên hóa đơn mua bán thể hiện đúng giá trị thật mua bán vì nhiều lý do: người mua e ngại khi cung cấp thông tin, người mua và người bán thông đồng ghi giảm giá thực tế mua bán trên hóa đơn nhằm trốn tránh một phần thuế nội địa.

Hơn nữa, chính sách khuyến khích của Nhà nước ta hiện không thể hạn chế về mức lợi nhuận của doanh nghiệp, cho nên mức giá này chỉ là một trong những căn cứ để doanh nghiệp xuất trình và cơ quan Hải quan tham khảo để kiểm tra mức giá mà không sử dụng để xác định trị giá tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

* Thông tin giá trên internet:

Cũng giống như giá trên thị trường nội địa, nguồn thông tin giá này rất đa dạng và rất khó kiểm chứng tính xác thực.

Ví dụ 1: Mặt hàng xe ô tô hiệu Toyota Camry model LE dung tích 2.4L, giá chào bán trên mạng internet là 19.700 USD/chiếc với loại xe tiêu chuẩn, trong khi giá thực tế các doanh nghiệp khai báo chỉ trong khoảng từ 15.00USD/chiếc đến 16.200USD/chiếc, và giá do Hải quan xác định là 16.700 USD/chiếc, được xác định từ giá internet khấu trừ một khoản thuế, lệ phí và khoản chi phí đàm phán khoảng 15%

và được ban hành danh mục dữ liệu giá kiểm tra của cơ quan Hải quan. Cuộc tranh cãi giữa hải quan và các doanh nghiệp nhập khẩu xe ô tô cũ trở thành tâm điểm chú ý của mọi người. Thời điểm đó, doanh nghiệp khai giá nhập khẩu một chiếc ô tô cũ thấp đến mức đáng kinh ngạc. Sau nhiều lần tham vấn và điều chỉnh, giá của những chiếc xe này có khi được tăng lên tới hàng chục lần. Sở dĩ có chuyện chênh lệch lớn như vậy là do các doanh nghiệp luôn tìm cách khai báo giá nhập khẩu hàng hóa thấp nhằm gian lận thuế nhập khẩu. Biết được thủ đoạn này của một số doanh nghiệp, cơ quan hải quan cũng đã đề cao cảnh giác, đặc biệt với những mặt hàng có thuế suất cao.

Trong những chỉ đạo của ngành hải quan liên quan đến công tác giá tính thuế thì những mặt hàng có thuế suất cao luôn được “chú ý” đặc biệt. Chính điều này lại ít nhiều gây khó cho doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp than thở rằng, ngành hải quan quá cứng nhắc khi tính lại giá tính thuế của doanh nghiệp, mặc dù họ đã xuất trình đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp để chứng minh giá hàng hóa. Thực tế cho thấy, nhiều khi cùng một mặt hàng, nhưng do kỹ năng đàm phán cũng như tìm được thời điểm mua thích hợp, nên giá nhập khẩu có thể khác nhau. Nhưng, khi thấy hàng có giá thấp hơn, ngay lập tức cơ quan hải quan nghi ngờ và mời doanh nghiệp “chạy lên, chạy xuống” để tham vấn giá, cho dù các doanh nghiệp đã trình đủ các loại chứng từ cần thiết. Và cuộc tranh luận kéo dài này bắt nguồn từ việc cơ quan hải quan dù nghi ngờ doanh nghiệp gian lận, nhưng thiếu căn cứ để bác bỏ giá nhập khẩu đã khai báo. Trên thực tế các mức giá chào bán trên mạng internet là mức giá hầu hết chưa qua thương lượng, ký kết hợp đồng. Để xác định các mức giá thực tế mua bán là việc làm không dễ, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Việc lấy giá trên internet để xây dựng giá tính thuế như trước đây đã phát sinh rất nhiều khiếu nại của doanh nghiệp. Vì vậy, đây cũng là một nguồn thông tin chỉ có tính chất tham khảo, đòi hỏi phải có một bước điều tra của bộ phận điều tra, kiểm soát Hải quan hay sự phối hợp giữa Hải quan của các nước là thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO).

* Thông tin giá do doanh nghiệp cung cấp:

Cơ quan Hải quan chủ yếu dựa vào nguồn thông tin này khi không có thông tin trong cơ sở dữ liệu giá. Tuy nhiên, trong thực tế nguồn thông tin này không đủ cơ sở

đề tin cậy. Bởi lẽ, hầu như các doanh nghiệp đều có hai hệ thống kế toán và tất nhiên, đề phù hợp cho việc khai báo thuế cho các cơ quan thuế, những chứng từ, hóa đơn phải phù hợp với hồ sơ khai báo thuế. Luật pháp hiện nay không cho phép cơ quan Hải quan có quyền can thiệp kiểm tra việc thanh toán của doanh nghiệp qua hệ thống ngân hàng và việc buôn lũng đầu ra của cơ quan thuế nội địa cũng đã gây nhiều khó khăn cho cơ quan Hải quan trong việc quản lý giá tính thuế

2.5.2.6 Về phương tiện máy móc thiết bị phục vụ cho công tác quản lý xác định trị giá tính thuế

Trong quá trình triển khai việc thực hiện việc xác định giá tính thuế theo GATT (cụ thể là chương trình quản lý giá tính thuế GTT22), do không tiên lượng được khối lượng công việc, nên việc chuẩn bị các phương tiện máy móc thiết bị phục vụ cho công việc không đáp ứng những nhu cầu đặt ra. Hiện tại, phần lớn các máy vi tính tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đều đã quá lạc hậu, cấu hình thấp, không đồng bộ, không đủ trang bị. Hệ thống mạng, đường truyền phần lớn do xây dựng đã lâu, thiết kế làm nhiều lần, chắp vá, tốc độ thấp nên cũng không đáp ứng được yêu cầu công việc. Nhiều đơn vị chưa có máy tính và hệ thống mạng xuyên suốt các bộ phận công tác. Những đơn vị có nhiều bộ phận nằm rải rác như Chi cục Hải quan Bưu điện, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực IV chưa xây dựng một hệ thống mạng cục bộ để quản lý mà vẫn còn thực hiện bằng thủ công các công đoạn báo cáo, tập hợp số liệu. Do tình trạng máy móc thiết bị như vậy, cho nên việc nhập các dữ liệu, tra cứu dữ liệu trong chương trình rất khó khăn, phải chờ đợi máy xử lý rất lâu, nhiều lúc không xử lý dữ liệu được. Việc truyền nhận dữ liệu từ các Chi cục và Phòng Trị giá tính thuế nhiều lúc cũng không thực hiện được, nhất là các giờ cao điểm (cuối giờ chiều và đầu giờ sáng). Những hạn chế này tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến thời gian thông quan hàng hóa và chất lượng công việc .

2.5.3 Những khó khăn từ bên ngoài

Trong quá trình tham gia các hoạt động thương mại quốc tế, bị thúc đẩy bởi mục tiêu lợi nhuận, các nhà kinh doanh luôn tìm cách giảm thấp các chi phí để gia tăng lợi nhuận của mình. Bên cạnh một số doanh nghiệp cố gắng cắt giảm được chi phí

thông qua các hoạt động nỗ lực cắt giảm chi phí quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng tính cạnh tranh của sản phẩm nhằm nâng cao lợi nhuận thì vẫn còn khá nhiều doanh nghiệp lại tranh thủ tìm cách hạ thấp các khoản thuế phải nộp, hưởng lợi từ chính sách ưu đãi, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu đang chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong ngân sách của Chính phủ, số thuế mà doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa phải nộp thường khá lớn. Điều này càng thúc đẩy doanh nghiệp tìm cách gian lận thương mại để trốn thuế, đặc biệt là gian lận thương mại qua giá được xem là một điểm yếu của hệ thống quản lý hải quan ở nước các nước đang phát triển nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Tình trạng doanh nghiệp gian lận qua giá cho thấy có nhiều mặt hàng doanh nghiệp khai báo giá chỉ bằng 1/2 hoặc 1/3 thậm chí 1/10 giá thực tế.

Khi áp dụng qui trình xác định trị giá tính thuế theo Nghị định 40/2007/CP, doanh nghiệp chỉ chú trọng đến quyền tự khai báo giá của mình, mà chưa có sự tìm hiểu và thực hiện đúng nghĩa vụ tuân theo các điều kiện, nguyên tắc qui định để được hưởng những quyền lợi đó, dẫn đến việc chủ quan, khai báo tùy tiện gây khó khăn cho cả cơ quan hải quan lẫn doanh nghiệp trong việc xác định trị giá tính thuế theo qui định.

Công tác tham vấn dù đạt được một số kết quả nhưng vẫn không ngăn chặn một cách hiệu quả tình trạng này, mặc dù đã tổ chức tham vấn, bác bỏ trị giá khai báo và xác định lại trị giá tính thuế, truy thu thuế rất nhiều nhưng do doanh nghiệp được ân hạn nộp thuế 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai (Luật quản lý thuế, Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý thuế) nên nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng sự ưu đãi của Nhà nước để sau khi nhập khẩu là bỏ trốn, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh dẫn đến số thuế truy thu trở thành phần nợ khó đòi. Còn rất nhiều trường hợp dù biết doanh nghiệp có gian lận nhưng cơ quan Hải quan không có bằng chứng để bác bỏ vì các chứng từ do doanh nghiệp xuất trình đều hợp pháp hợp lệ. Việc duy trì hai hệ thống kế toán của doanh nghiệp, việc cơ quan Hải quan không thể kiểm tra việc thanh toán qua ngân hàng của doanh nghiệp, việc hạn chế ràng buộc của các

văn bản pháp lý trong vấn đề kiểm tra sau thông quan khiến cho tình trạng này vẫn cứ tiếp diễn.

Ví dụ : Doanh nghiệp Y làm thủ tục nhập khẩu lô hàng gồm 520 chiếc ghế ngồi khung nhôm có đệm và 70 chiếc ghế nằm khung nhôm có đệm dùng để sửa chữa xe ô tô xuất xứ Trung Quốc qua cửa khẩu Chi Cục Hải quan Cảng Sài Gòn khu vực I , giá nhập khẩu mỗi chiếc ghế nêu trên theo khai báo của doanh nghiệp là 2 USD/cái, theo đó số thuế phải nộp chỉ khoảng 9,2 triệu đồng Việt Nam. Nghi ngờ về giá khai báo quá rẻ của doanh nghiệp, Chi Cục Hải quan Cảng Sài Gòn khu vực I đã mời doanh nghiệp lên tham vấn để xác định giá tính thuế. Kết quả, ghế ngồi dùng để sửa chữa xe ô tô được xác định là 138 USD/chiếc (tăng 69 lần so với khai báo) và ghế nằm dùng để sửa chữa xe ô tô giá 124 USD/chiếc. Thuế suất nhập khẩu của mặt hàng này là 33% và thuế giá trị gia tăng 10%, số thuế truy thu sau tham vấn của lô hàng này là một con số đáng kể - 600 triệu đồng Việt nam. *(Nguồn Tạp chí Doanh Nhân thuộc VCCI – trang kinh tế tài chính ngày 6/6/09).*

Tuy nhiên cũng có một số ý kiến của doanh nghiệp nêu những bức xúc xác đáng như: kết quả tham vấn của hải quan đôi khi thiếu thuyết phục, mang tính áp đặt; trình độ một số cán bộ công chức hải quan còn hạn chế, không đáp ứng được công tác đặc thù xác định trị giá tính thuế; qui trình tham vấn xác định trị giá của cơ quan hải quan còn phức tạp, cứng nhắc; thái độ làm việc của một bộ phận công chức hải quan chưa đúng mực... Đó cũng là một số nguyên nhân dẫn đến việc chưa đạt được sự thống nhất cao giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp trong việc xác định trị giá tính thuế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong quá trình triển khai thực hiện công tác xác định trị giá tính thuế, Tổng cục Hải quan đã có nhiều văn bản nghiệp vụ tạo điều kiện cho các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện tốt nhiệm vụ xác định trị giá hải quan và thu thuế XNK. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại nhiều hạn chế, vướng mắc cần khắc phục. Những tồn tại này phát sinh từ nhiều nguyên nhân: quy định, cơ chế; việc thực hiện tác nghiệp của cơ quan hải quan và cả việc tuân thủ, chấp hành của doanh nghiệp.

Tại Hội nghị về công tác trị giá tính thuế tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh năm 2007, lãnh đạo Tổng cục Hải quan, đại diện lãnh đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và cán bộ hải quan chuyên trách về công tác trị giá đều đánh giá, nhìn nhận những khó khăn có liên quan như: việc thu thập, khai thác thông tin; hệ thống tổ chức, bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác xác định trị giá còn chưa hợp lý; hệ thống cơ sở dữ liệu hỗ trợ kiểm tra xác định trị giá chưa đáp ứng yêu cầu thực tế... Chính vì vậy, hiệu quả công tác xác định trị giá của toàn ngành còn thấp. Theo các báo cáo tổng hợp của Tổng cục Hải quan thì tỷ lệ hồ sơ các lô hàng bác bỏ trị giá khai báo chỉ chiếm khoảng 27% trên tổng số tờ khai tham vấn. Thêm vào đó, Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 có hiệu lực từ ngày 01/7/2007 và Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20/4/2009 của Bộ Tài chính ban hành mới đây cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với ngành Hải quan trong công tác quản lý và thu thuế XNK nói chung và xác định trị giá hải quan nói riêng.

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

Cục Hải Quan TP. Hồ Chí Minh đang có những nỗ lực nhằm triển khai có hiệu quả Hiệp định trị giá GATT/WTO, đảm bảo kiểm soát được trị giá khai báo, hạn chế tình trạng gian lận thương mại qua giá, chuẩn hóa quy trình kiểm tra trị giá, quy trình tham vấn và xác định trị giá, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về giá và các công cụ hỗ trợ khác để kiểm tra trị giá khai báo, đưa công tác quản lý giá tính thuế đi vào chiều sâu, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng cho cộng đồng các doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại.

Sau khi phân tích toán cảnh hệ thống tổ chức và tác nghiệp xác định trị giá hải quan tại Cục Hải quan thành phố trong thời gian qua, bản thân tôi xin được đề xuất một số giải pháp sau đây:

3.1 Xây dựng quy trình tham vấn trị giá hải quan theo hướng hiện đại :

Công tác tham vấn doanh nghiệp được xem là khâu then chốt, quyết định nhất trong việc xác định tính trung thực của giá nhập khẩu và tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cộng đồng các doanh nghiệp. Thực tế cho thấy tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, dù đã được các cấp Lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo sâu sát nhưng tính trên tổng thể số lượng hàng hóa làm thủ tục nhập khẩu thì số lượng hàng hóa được tham vấn về giá chỉ chiếm con số khá khiêm tốn. Việc tham vấn ít không phải giá nhập khẩu của doanh nghiệp khai báo chuẩn xác mà do không đủ lực lượng để làm cũng như thiếu thông tin để tham vấn. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác tham vấn trong thời gian tới, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh phải tiến hành chấn chỉnh và thực hiện các công việc sau:

3.1.1 Xây dựng chuyên đề về tham vấn

Như trên đã đề cập, mặc dù việc tham vấn đã có hướng dẫn chi tiết của Tổng cục Hải quan, nhưng đây là một công việc mới, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ cao và mang tính đặc thù, cho nên cần phải nghiên cứu và xây dựng một chuyên đề về tham vấn. Để làm được điều này, cần tập trung các chuyên gia giỏi, có kinh nghiệm thực tế

từ các Chi cục, nếu cần thiết có thể trao đổi, học tập kinh nghiệm của cơ quan Công an về hoạt động điều tra, thẩm vấn. Nội dung của chuyên đề cần tập trung vào các vấn đề như: Câu hỏi tham vấn, phương pháp tham vấn, nội dung tham vấn, thu thập thông tin tham vấn, cách lập biên bản tham vấn.

Chuyên đề sau khi xây dựng có thể áp dụng trong toàn Cục như là một "Cẩm nang tham vấn" nhằm hỗ trợ cho công chức hải quan khi thực hiện nhiệm vụ về giá có thể tham khảo theo từng tình huống cụ thể. "Cẩm nang tham vấn" cần được thường xuyên bổ sung, điều chỉnh, cập nhật các tình huống cụ thể phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3.1.2 Tổ chức tốt công tác tham vấn tập trung

Do cơ chế đặc thù của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, với khối lượng công việc nhiều, tình hình biên chế hạn chế, số lượng các Chi cục lớn nên ít nhiều việc giải quyết hồ sơ (chấp nhận hoặc bác bỏ giá giao dịch) cũng phát sinh nhiều vấn đề bất cập, ví dụ như tình trạng không thống nhất giữa Chi cục này với Chi cục khác. Do đó Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh nên áp dụng theo nguyên tắc tập trung. Trên cơ sở các văn bản quy định và "Cẩm nang tham vấn", tổ chức tốt việc tham vấn tập trung trong toàn Cục.

Với thực trạng hiện nay, để việc tham vấn đạt hiệu quả cao, trước mắt cần phải chú ý một số vấn đề sau:

- Thực hiện việc tổ chức kiểm tra, xác định nghi vấn được thực hiện hoàn toàn tại Chi cục. Điều này đảm bảo việc Chi cục kiểm tra toàn bộ các mặt hàng được nhập khẩu tại các Chi cục đồng thời đảm bảo được thời gian thông quan hàng hóa tại cửa khẩu, tránh ùn tắc hàng ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa trong mua bán quốc tế.

- Phòng Trị giá tính thuế - Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh tổ chức tham vấn và xác định trị giá tính thuế đối với những lô hàng Chi cục có nghi ngờ về mức giá do doanh nghiệp khai báo. Tổ chức tham vấn theo phương pháp quản lý rủi ro, tức là chỉ tổ chức tham vấn đối với các trường hợp mặt hàng nhập khẩu có khả năng gian lận giá và có giá khai báo thực sự thấp hơn thông tin dữ liệu có sẵn của cơ quan Hải quan.

Việc áp dụng phương pháp này có thể đạt tỷ lệ bác bỏ trị giá thấp, nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý giá, đồng thời cũng khắc phục được tình trạng tham vấn tràn lan, không trọng tâm, vừa mất thời gian, công sức, vừa không hiệu quả.

Tuy nhiên, việc tổ chức tham vấn theo mô hình này đối với các lô hàng nhập khẩu thuộc luồng xanh chưa được kiểm tra trị giá trong thông quan và các lô hàng đã kiểm tra trị giá tại khâu trong thông quan nhưng không tổ chức tham vấn sẽ tạo ra những rủi ro tiềm tàng trong công tác quản lý giá tính thuế, nhất là trong điều kiện hệ thống pháp luật về hóa đơn, chứng từ, hạch toán sổ sách kế toán còn chưa đồng bộ, việc kiểm soát thanh toán còn hạn chế, giao dịch tiền mặt vẫn còn phổ biến. Do vậy, cần phải xây dựng các giải pháp kiểm tra trị giá tại quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý giá, nhằm mục tiêu phải kiểm soát được trị giá khai báo của tất cả các lô hàng nhập khẩu, ngăn chặn các hiện tượng gian lận thương mại qua giá nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đúng các cam kết của Hiệp định trị giá GATT/WTO.

- Công chức hải quan được phân công nhiệm vụ chuyên trách thực hiện công tác tham vấn tại Phòng Trị giá tính thuế phải đáp ứng về trình độ nghiệp vụ tham vấn, am hiểu về ngành hàng, cần phải chuẩn bị trước các thông tin, tài liệu có liên quan đến lô hàng tham vấn và xác định trị giá tính thuế (các thông tin dữ liệu giá mặt hàng giống hệt, tương tự tại chương trình quản lý giá tính thuế GTT22, các thông tin về giá trên mạng internet...) làm cơ sở đối chiếu với giá do doanh nghiệp khai báo, khảo sát giá thị trường để nắm rõ về mức giá khi doanh nghiệp xuất trình hóa đơn bán hàng trong nước và dùng phương pháp khấu trừ để so sánh với giá nhập khẩu.

- Mỗi một lô hàng khác nhau đều có những điểm khác nhau, vì vậy công chức tham vấn cần chuẩn bị tốt các câu hỏi tham vấn có liên quan trực tiếp đến các vấn đề cần tham vấn; đề ra các phương pháp tham vấn, nội dung cần tham vấn; sử dụng các thủ pháp chuyên môn để thuyết phục doanh nghiệp, chỉ ra cho doanh nghiệp biết việc khai báo không thỏa mãn những điều kiện nào để được chấp nhận trị giá giao dịch đồng thời chứng minh cho doanh nghiệp thừa nhận giá khai báo không phải là giá thực tế đã hay sẽ phải thanh toán cho đối tác nước ngoài.

- Tiến hành đào tạo chuyên sâu cho cán bộ, công chức tham vấn giá nghiệp vụ về tham vấn, thẩm tra điều tra xét hỏi để tổ chức thực hiện việc tham vấn có hiệu quả hơn và có trọng tâm, trọng điểm hơn. Phần đầu mỗi Chi cục có đội ngũ công chức am hiểu sâu về giá tính thuế, riêng Phòng Trị giá tính thuế cần đảm bảo 100% cán bộ công chức đều qua đào tạo nâng cao để trở thành những công chức chuyên nghiệp về nghiệp vụ kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá tính thuế.

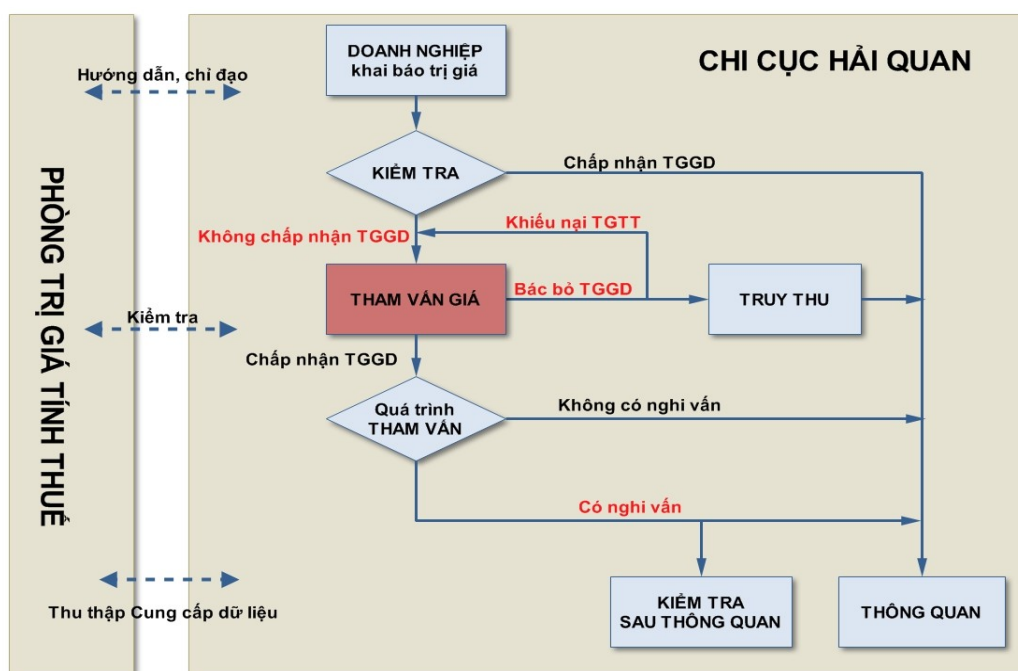
Tuy nhiên, về cơ bản và lâu dài, một giải pháp đề xuất mang tính căn bản, quyết định và khả thi cao. Đó là việc tổ chức bộ máy nghiệp vụ xác định trị giá tính thuế chuyên trách tại chi cục hải quan cửa khẩu.

Về cơ bản, mô hình được tổ chức như sau:

- Tại chi cục: Hoàn thiện, tổ chức bộ máy thực hiện chuyên trách công tác tham vấn giá tại Chi cục hải quan, trên cơ sở Bộ phận tham vấn giá (kiêm nhiệm) thuộc Đội Thủ tục hàng hóa nhập khẩu hiện nay, và Bộ phận này đảm nhiệm toàn bộ công tác kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá.

- Tại Phòng Trị giá tính thuế: Không thực hiện chức năng trực tiếp tham vấn xác định trị giá, chỉ đảm nhiệm vai trò là đầu mối nghiệp vụ, định hướng, hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ tham vấn xác định trị giá và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu giá cấp Cục.

(Sơ đồ Mô hình trang sau)



Sơ đồ mô hình hệ thống tổ chức xác định trị giá tính thuế đề xuất

So với mô hình hệ thống tổ chức xác định trị giá tính thuế đang áp dụng hiện nay, mô hình đề xuất có những điểm sau:

+ Ưu điểm:

- Hệ thống được tổ chức đơn giản, chặt chẽ do được tập trung vào một đầu mối tại chi cục.

- Việc xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu giá có nhiều thuận lợi do được tổ chức, cập nhật thống nhất, chính xác.

- Việc kiểm tra trị giá tính thuế toàn bộ các mặt hàng nhập khẩu được tổ chức ngay tại chi cục sẽ giảm bớt được việc đi lại, rút ngắn thời gian thủ tục hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, góp phần tránh ùn tắc hàng hóa ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa trong mua bán quốc tế.

- Do công tác được tổ chức chuyên trách, tính chuyên môn tại từng khâu nghiệp vụ được nâng cao.

+ Hạn chế:

- Do việc tập trung công tác xác định trị giá tại chi cục, nên không tránh khỏi áp lực công việc tại các chi cục tăng trong thời gian đầu thực hiện.

+ *Thuận lợi:*

- Mô hình tổ chức theo đúng chủ trương và phù hợp với quá trình cải cách hành chính, hiện đại hóa của ngành Hải quan.

- Vai trò, tầm quan trọng của công tác xác định trị giá trong nghiệp vụ hải quan đã và ngày càng được khẳng định, nên sẽ nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ nhiều cấp, nhiều phía.

+ *Khó khăn:*

- Trình độ một số cán bộ công chức về công tác kiểm tra, xác định trị giá tính thuế tại các chi cục chưa đồng đều.

- Cơ sở vật chất còn một số hạn chế về máy - mạng vi tính; độ tin cậy, khả năng đáp ứng về cơ sở dữ liệu, phần mềm chưa cao.

- Nhiều điểm trong hệ thống văn bản đã chưa phù hợp đối với mô hình hiện nay, nên yêu cầu rà soát, điều chỉnh bổ sung để phù hợp theo mô hình đề xuất sẽ cần thiết, bức bách hơn.

3.2 Tổ chức công tác Kiểm soát, Điều tra chống buôn lậu :

Đây là mối quan hệ phối hợp khép kín trong toàn bộ quy trình quản lý giá tính thuế từ khâu trong thông quan đến khâu sau thông quan nhằm mục tiêu kiểm soát được trị giá khai báo, ngăn chặn các hiện tượng gian lận thương mại. Do vậy, cần phải xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các Chi cục Hải quan cửa khẩu, Phòng Trị giá tính thuế, Chi cục Kiểm tra sau thông quan và Đội Kiểm soát hải quan (bộ phận điều tra chống buôn lậu) thực hiện kiểm tra sau thông quan về trị giá đối với những trường hợp phức tạp, có tính hệ thống, nổi cộm, có dấu hiệu làm giả hồ sơ, chứng từ do bộ phận kiểm tra sau thông quan đề nghị xác minh hoặc do bộ phận chống buôn lậu tự thu thập thông tin và quyết định kiểm tra.

Đẩy mạnh công tác điều tra, kiểm soát các thông tin về giá tính thuế từ cấp Tổng cục Hải quan nhằm xác minh các mức giá từ các cơ quan Hải quan nước ngoài hoặc từ Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) nhằm xác định được khoản thuế được hoàn đối với hàng xuất khẩu tại nước xuất khẩu hàng nhập khẩu vào Việt Nam, qua đó có thể xác minh được các chi phí về nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm được sản xuất tại nước xuất khẩu hàng nhập khẩu vào Việt Nam.

Đội Kiểm soát hải quan thuộc Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đẩy mạnh hơn nữa công tác thu thập thông tin liên quan các lô hàng nhập khẩu của doanh nghiệp như các thông tin về chủng loại hàng hóa, mức giá của hàng hóa tại nước xuất khẩu, các thông tin về người xuất khẩu, hàng được xuất khẩu từ những khu vực hoặc từ đối tác có mối quan hệ đặc biệt với nhà nhập khẩu... để cung cấp trước cho bộ phận thông quan cũng như Phòng Trị giá tính thuế, làm cơ sở cho việc tác nghiệp.

Phòng Trị giá tính thuế và các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ trong việc thu thập, xử lý, trao đổi, cung cấp thông tin về doanh nghiệp vi phạm để đưa vào danh sách doanh nghiệp trọng điểm thường xuyên có gian lận trong việc khai báo hàng hóa cũng như gian lận thương mại qua giá đồng thời đưa thông tin đó lên mạng của cơ quan Hải quan nhằm áp dụng chính sách thống nhất đối với doanh nghiệp đó trên phạm vi cả nước, tránh được tình trạng có nơi quản lý chặt chẽ, có nơi thì quản lý lỏng lẻo dẫn đến tình trạng doanh nghiệp trốn tránh để gian lận.

Tiến hành xác minh các thông tin về giá phục vụ cho công tác kiểm tra, xác định trị giá tính thuế như: thông tin từ nhà sản xuất, đối tác nước ngoài, thông tin về các mức thuế và khoản phí được hoàn đối với các lô hàng được chào bán trên mạng internet và được bán để xuất khẩu... nhằm cung cấp cho bộ phận xác định trị giá khâu thông quan, Phòng Trị giá tính thuế để làm cơ sở kiểm tra và xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu được thương lượng mua bán thông qua mạng internet, là hình thức mua bán thông dụng hiện nay của các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng có tính kỹ thuật cao như hàng linh kiện, máy móc, thiết bị vi tính, máy vi tính xách tay, mặt hàng xe ô tô chào bán từ nhà sản xuất v.v...

Các thông tin do Đội Kiểm soát thuộc Cục khi thu thập được cần đưa vào hệ thống thông tin về doanh nghiệp để tất cả các bộ phận thuộc khâu trong thông quan có thể tra cứu và tham khảo làm cơ sở đấu tranh, tham vấn với doanh nghiệp.

3.3 Công tác tổ chức nhân sự

Nhằm tạo những chuyển biến căn bản về tác phong và lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả công tác của từng cán bộ công chức, xây dựng đội ngũ công chức thừa hành thạo việc, từng bước chuyên môn hóa, hình thành đội ngũ chuyên sâu về công tác quản lý trị giá tính thuế, nâng cao việc thực hiện quy chế kiểm soát nội bộ, xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, từ công chức đến cán bộ lãnh đạo, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cần tập trung bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ công chức, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của tiến trình hiện đại hóa.

Hiện nay, để có thể giải quyết công việc một cách hiệu quả, nhất thiết phải thành lập Tổ chuyên trách thẩm định giá hàng nhập khẩu, bao gồm các chuyên viên được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực thẩm định giá. Tổ này có trách nhiệm rà soát, thẩm định, đánh giá, so sánh giữa giá khai báo và giá được tham khảo từ các thông tin có sẵn để đưa ra quyết định tham vấn.

Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cần xây dựng quy chế bố trí, luân chuyển đối với cán bộ chuyên trách về giá từ cấp Cục (Phòng Trị giá tính thuế) đến cấp Chi cục dựa trên các nguyên tắc về tổ chức cán bộ như sau:

- Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao năng lực, trách nhiệm của lực lượng làm công tác quản lý trị giá hải quan từ Chi cục đến Phòng Trị giá tính thuế.

- CBCC được bố trí vào các công việc có liên quan đến công tác giá phải được đào tạo về nghiệp vụ về giá từ cơ bản đến chuyên sâu: công tác xác định trị giá, thẩm định giá, nghiệp vụ điều tra tham vấn giá...

- Việc luân chuyển, bố trí cán bộ làm công tác giá tại Chi cục phải đảm bảo yêu cầu trình độ chuyên môn, về yêu cầu đào tạo nghiệp vụ về trị giá, đồng thời đảm bảo tính kế thừa, không làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng đến công việc chuyên môn. Trường

hợp bất khả kháng phải luân chuyển, thì công chức tiếp nhận phải được đào tạo tại chỗ đảm bảo phù hợp với công tác giá.

- Đảm bảo nguyên tắc chuyên sâu: chỉ luân chuyển, thay đổi vị trí công tác giữa Phòng Trị giá tính thuế và Chi cục và ngược lại để thực hiện công tác chuyên trách về giá, không luân chuyển, bố trí công việc chuyên môn khác đối với các cán bộ chuyên trách về giá đã được đào tạo chuyên sâu.

- Đặc biệt, xem xét các tiêu chuẩn về đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp trong việc bố trí cán bộ công chức làm công tác tham vấn giá, không bố trí làm công tác này đối với các cán bộ công chức có những biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu, vụ lợi cá nhân.

3.4 Tổ chức kiểm tra sau thông quan tại Chi cục Kiểm tra sau thông quan

Kiểm tra trị giá sau khi đã thông quan hàng hóa là nội dung cơ bản của công tác kiểm tra sau thông quan. Việc kiểm tra trị giá ở đây được thực hiện theo 2 bước : Kiểm tra tại cơ quan Hải quan và kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp :

- Kiểm tra tại cơ quan hải quan cần phải được tiến hành định kỳ đối với tất cả các loại hàng hóa trong khoảng thời gian nhất định, kiểm tra trọng tâm đối với những hàng hóa được đánh giá là có độ rủi ro cao trong từng thời kỳ hoặc tổ chức kiểm tra đột xuất khi có thông tin hoặc dấu hiệu nghi vấn về mặt hàng nhập khẩu, hay doanh nghiệp nhập khẩu có dấu hiệu nhưng chưa có cơ sở kết luận chính xác việc gian lận.

- Kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp là một phần nghiệp vụ cơ bản của công tác kiểm tra sau thông quan, được tiến hành căn cứ Quyết định của Cục trưởng Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh. Nghiệp vụ này giúp công chức hải quan nắm được toàn bộ tình hình quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, về lô hàng, mặt hàng cần kiểm tra (từ khâu thương lượng mua bán, ký kết hợp đồng đến việc nhập khẩu, thanh toán hợp đồng, tiến hành bán hàng sau khi nhập khẩu). Công chức Hải quan có thể tìm hiểu được về giá thành sản xuất, giá thành xuất khẩu... làm cơ sở so sánh với trị giá khai báo theo phương pháp tính toán.

Mục tiêu nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan cũng thể hiện rõ nét của phương pháp quản lý rủi ro: đảm bảo vừa tạo thuận lợi cho

hoạt động xuất nhập khẩu, vừa kiểm soát chặt chẽ tính tuân thủ của doanh nghiệp và chống thất thu thuế. Về nguyên tắc, tất cả các hàng hóa chưa được kiểm tra tại khâu trong thông quan có thể sẽ được kiểm tra tại khâu sau thông quan. Tuy nhiên, để việc kiểm tra tại khâu sau thông quan đạt hiệu quả cao, không trùng lặp với khâu kiểm tra trong thông quan, cần phân loại, đánh giá mức độ rủi ro theo từng nhóm hàng, đối tượng nhập khẩu, loại hình nhập khẩu để bố trí lực lượng và áp dụng phương pháp kiểm tra sau thông quan thích hợp.

Đối với các lô hàng đã kiểm tra tại các Chi cục, có nghi ngờ về hồ sơ chứng từ hoặc về mức giá khai báo - nhưng không thuộc đối tượng phải tham vấn trong thông quan tại Phòng Trị giá tính thuế - và những lô hàng qua kiểm tra tại Chi cục Kiểm tra sau thông quan phát hiện dấu hiệu nghi ngờ về hồ sơ chứng từ hoặc mức giá khai báo, thì tập hợp hồ sơ, đánh giá mức độ rủi ro theo mặt hàng, ngành hàng, theo doanh nghiệp nhập khẩu và tổ chức kiểm tra sau thông quan tại cơ quan Hải quan hoặc trụ sở của doanh nghiệp (ra Quyết định kiểm tra sau thông quan) để làm rõ các nghi ngờ về hồ sơ, về mức giá khai báo hoặc các chứng từ cung cấp cho cơ quan Hải quan để có kết luận đối với từng trường hợp cụ thể.

Các trường hợp nghi vấn được bộ phận thông quan hoặc do Phòng Trị giá tính thuế cung cấp, chuyển giao thông tin hoặc đề nghị kiểm tra sau thông quan, Chi cục Kiểm tra sau thông quan cần tiến hành kiểm tra sau thông quan ngay vì thông thường, các lô hàng này đều có những yếu tố có ảnh hưởng đến giá nhưng khó có thể xác định tại khâu thông quan (nghi vấn về mối quan hệ đặc biệt giữa các bên ảnh hưởng đến giá giao dịch (vi phạm điều kiện 4 trong 4 điều kiện để được chấp nhận trị giá giao dịch); nghi vấn về các khoản tiền lãi phát sinh sau khi bán hàng trong nội địa mà người nhập khẩu có khai báo (khoản tiền lãi sau khi bán hàng trong nước phải thanh toán bổ sung cho người bán, theo điều kiện 2 trong 4 điều kiện chấp nhận trị giá giao dịch); nghi vấn về các khoản tiền bản quyền, lệ phí giấy phép do người mua thanh toán cho người bán nhưng căn cứ vào doanh thu sau khi bán hàng hóa (khoản điều chỉnh cộng vào trị giá giao dịch để xác định trị giá tính thuế...))

Đối với các trường hợp qua kiểm tra sau thông quan phát hiện doanh nghiệp có gian lận, phải truy thu thuế thì tiến hành rà soát toàn bộ hồ sơ đã nhập khẩu của doanh nghiệp đó trong thời hạn theo quy định của Pháp luật, để tiến hành truy thu và có hình thức xử phạt thích đáng, mang tính răn đe, ngăn ngừa, đồng thời cập nhật thông tin vi phạm vào hệ thống cơ sở dữ liệu và áp dụng các biện pháp đối với doanh nghiệp trọng điểm cần kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình làm thủ tục Hải quan.

3.5 Công tác đào tạo, tuyên truyền

- Trước mắt, cần khảo sát, nắm tình hình về nhân sự công chức thực hiện công tác giá tại Chi cục hải quan cửa khẩu, Phòng Trị giá tính thuế, Chi cục kiểm tra sau thông quan để xây dựng kế hoạch và thường xuyên tiến hành đào tạo và đào tạo lại nghiệp vụ xác định giá: nguyên tắc, trình tự các phương pháp xác định trị giá, các phương pháp kiểm tra trị giá khai báo, các kỹ năng cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu...

- Mở rộng các chuyên đề đào tạo bao gồm các kỹ năng chuyên sâu về nội dung xác định trị giá, kiểm tra trị giá, tham vấn, khai thác cơ sở dữ liệu và được chia ra theo các nội dung cụ thể:

+ Nội dung về các hình thức gian lận thương mại phổ biến qua giá trong giai đoạn hiện nay, dấu hiệu nhận biết các hình thức này.

+ Nội dung về kiểm tra trị giá khai báo của doanh nghiệp và các biện pháp phát hiện gian lận trị giá (bao gồm : Kiểm tra hồ sơ, tài liệu khai báo và kiểm tra trị giá khai báo).

+ Nội dung về tham vấn (Chuẩn bị tham vấn; cách thức tham vấn; nội dung tham vấn; hình thức tham vấn; biên bản tham vấn; kết luận sau tham vấn).

+ Nội dung về các phương pháp xác định trị giá sau tham vấn (Trình tự áp dụng các phương pháp; nguồn thông tin sử dụng để xác định lại giá, cách thức xác định lại giá).

+ Nội dung về hệ thống thông tin dữ liệu (Thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin dữ liệu giá tính thuế).

+ Nội dung về các nguyên tắc kế toán và kiểm toán.

- Tăng cường công tác giáo dục về ý thức, trách nhiệm của Lãnh đạo và cán bộ công chức trực tiếp làm công tác giá, phải coi công tác giá là một nhiệm vụ trọng tâm của Ngành trong giai đoạn hiện nay và đặc biệt về việc chống gây phiền hà, sách nhiễu, tham nhũng, tiêu cực.

- Tiếp tục tuyên truyền, tập huấn công tác thi hành các Nghị định, Thông tư, Quyết định hướng dẫn thực hiện xác định trị giá hải quan theo Hiệp định trị giá GATT/WTO đến cộng đồng các doanh nghiệp thông qua các Trung tâm Xúc tiến thương mại, Trung tâm Hỗ trợ và đầu tư phát triển, Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ hải quan v.v... để cộng đồng doanh nghiệp hiểu và hợp tác với cơ quan Hải quan trong công tác đấu tranh chống các hiện tượng gian lận thương mại qua giá, nâng cao ý thức tự giác, chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức biên soạn và giới thiệu sổ tay trị giá.

3.6 Các giải pháp khác :

3.6.1. Về hệ thống máy móc thiết bị

Rà soát, đánh giá lại toàn bộ hiện trạng hệ thống thông tin, tiến hành nâng cấp hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin, đảm bảo vận hành tốt các chương trình quản lý, trang bị toàn bộ hệ thống máy vi tính, hệ thống mạng, đường truyền theo hướng hiện đại, đồng bộ và đáp ứng yêu cầu đặt ra, đảm bảo tất cả các Chi cục có đường truyền kết nối mạng nội bộ để phục vụ yêu cầu công tác chuyên môn.

Cần thành lập Trung tâm xử lý dữ liệu tập trung, duy trì hoạt động liên tục, đảm bảo hoạt động thông suốt với mức độ bảo mật, an ninh, an toàn cao. Đồng thời có kế hoạch dự phòng nhằm khắc phục các sự cố đường truyền (nghẽn mạch, gián đoạn hệ thống mạng).

Thay đổi cơ chế quản lý giữa Cục công nghệ thông tin và các Hải quan địa phương, nên giao quyền chủ động cho các Cục Hải quan địa phương trong việc đấu thầu, mua sắm, chuyển giao, lắp đặt thiết bị..., vừa đảm bảo yêu cầu quản lý vừa giúp tiết kiệm chi phí vận chuyển, bảo đảm tiến độ thời gian, yêu cầu công việc.

3.6.2. Tăng cường tuyên truyền, cảnh báo... nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp trong khai báo trị giá

- Cải thiện môi quan hệ đối tác giữa cơ quan Hải quan, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan chức năng có liên quan, đẩy mạnh hợp tác và trao đổi thông tin giữa Hải quan và doanh nghiệp để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau phục vụ cho mục tiêu tạo thuận lợi cho thương mại và đảm bảo tuân thủ pháp luật.

- Cải tiến nội dung và hình thức tham vấn và đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác tuyên truyền, tiếp tục duy trì hoạt động hướng dẫn thủ tục, trả lời qua mạng chính quyền cũng như trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, đáp ứng như cầu thông tin của cán bộ, công chức hải quan và cộng đồng doanh nghiệp được chính xác, đầy đủ kịp thời .

- Tăng cường sự phối hợp giữa Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đóng trên địa bàn.

- Công khai thông tin về giá một số mặt hàng thường xảy ra gian lận thương mại (giá chào bán, giá thị trường, các thông tin giá tham khảo...); công khai các doanh nghiệp có hành vi gian lận thương mại qua giá đã bị cơ quan Hải quan phát hiện trên trên hệ thống thông tin chính thức của Hải quan (Báo Hải quan, các trang điện tử của Hải quan) với tác dụng tuyên truyền và cảnh báo các doanh nghiệp trong việc khai báo trị giá, từng bước đưa trị giá khai báo về trị giá thực, chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, hạn chế tình trạng khai báo giá tính thuế một cách tùy tiện người khai hải quan trong việc khai báo trị giá hải quan.

- Xây dựng chiến lược tuân thủ tự nguyện chấp hành pháp luật cho đối tượng nộp thuế, phân loại doanh nghiệp về việc chấp hành pháp luật về thuế để có biện pháp quản lý thích hợp và xây dựng cơ chế để đối tượng nộp thuế phối hợp cung cấp thông tin về đối tượng gian lận trị giá để cơ quan Hải quan chủ động tích cực và có biện pháp phòng ngừa.

3.6.3 Xây dựng cơ chế mua tin

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế mua tin của các tổ chức thẩm định giá nước ngoài... để xác minh tính trung thực, chính xác của các giao dịch nghi ngờ giả mạo (lựa chọn đối tượng mua tin, nguồn kinh phí mua tin, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý sử dụng).

- Chủ động xác minh các nguồn thông tin có liên quan đến trị giá, ngăn chặn gian lận thương mại từ xa, rút ngắn thời gian kiểm tra, kiểm soát hàng hóa khi hàng nhập khẩu đến cửa khẩu.

- Trước mắt, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cần đề xuất xây dựng cơ chế mua tin của các tổ chức thẩm định giá cho những lô hàng có nghi ngờ gian lận trị giá, số thuế gian lận cao đồng thời tổ chức sử dụng thông tin mua được nhằm để đấu tranh, tham vấn, bác bỏ và xác định trị giá tính thuế.

- Báo cáo Tổng cục Hải quan xây dựng cơ sở của Hải quan tại nước ngoài nhằm thu thập các thông tin từ người xuất khẩu, thông tin về chi phí nguyên liệu sản xuất sản phẩm thành phẩm để xác định theo phương pháp trị giá tính toán.

3.6.4 Chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật:

Song song với việc tuyên truyền, giáo dục, cần xây dựng và thực hiện nghiêm túc chế độ khen thưởng, kỷ luật thỏa đáng, kịp thời nhằm tạo động lực phấn đấu và ngăn ngừa tiêu cực trong công tác tham vấn giá:

- Có chế độ đãi ngộ tương xứng thông qua chế độ tiền lương, phụ cấp, tiền dưỡng liêm... đảm bảo về cơ bản nhu cầu tối thiểu về đời sống của cán bộ công chức.

- Đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý giá, cần có hình thức khen thưởng, động viên kịp thời như phân loại A,B,C hàng tháng, nâng lương trước thời hạn, đề xuất khen thưởng đột xuất cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong từng vụ việc có số truy thu thuế lớn...

- Đối với tập thể, cá nhân thiếu ý thực nghề nghiệp, không hoàn thành nhiệm vụ, không chấp hành các chỉ đạo của cấp trên, để xảy ra tình trạng gian lận qua giá, có biểu hiện tư lợi trong công tác... cần có hình thức kỷ luật thích đáng, cụ thể, đủ tính

trừng phạt và tính ngăn ngừa, răn đe như: không đề bạt bổ nhiệm, không xếp loại thi đua, khen thưởng...

3.7 Kiến nghị với Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan

3.7.1 Minh bạch hóa các văn bản pháp quy về xác định trị giá hải quan

Hiện nay, để có thể phát huy hết vai trò quản lý nhà nước về lĩnh vực Hải quan đồng thời tạo mọi thuận lợi cho hoạt động thương mại, Nhà nước cần phải sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách quản lý đối với ngành Hải quan. Cụ thể là:

- Sửa đổi cơ chế chính sách quản lý về hàng hóa xuất nhập khẩu của các Bộ ngành. Hiện tại, trong một số lĩnh vực, cơ quan Hải quan được xem như “công cụ”, là cơ quan “làm thay” cho các Bộ - Ngành trong việc quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Các Bộ - Ngành nên nắm sát tình hình hoạt động, các thuận lợi, khó khăn của ngành Hải quan để đưa ra các phương hướng, nội dung công việc... qua các văn bản hướng dẫn, quy định... sát với tình hình thực tế và đảm bảo tính khả thi. Về lâu dài, nên thay đổi phương pháp quản lý hiện tại bằng cách giao toàn bộ trách nhiệm cho các Bộ - Ngành và doanh nghiệp trong việc quản lý. Các Bộ - Ngành đề ra các mục tiêu quản lý, ban hành văn bản phù hợp và chịu trách nhiệm kiểm tra doanh nghiệp, còn doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không chấp hành đúng các văn bản luật pháp quy định.

- Cần bổ sung, thay đổi một số nội dung của Luật Hải quan, Luật Ngân hàng... theo hướng mở rộng quyền hạn của Hải quan trong việc phối hợp với các cơ quan địa phương: Thuế, Ngân hàng, Công an, Quản lý thị trường... trong việc kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán, việc thanh toán qua ngân hàng, hoạt động của doanh nghiệp để xác định tính trung thực của các mức giá khai báo của doanh nghiệp. Thực tế cho thấy trong thời gian qua, việc phối hợp với các cơ quan này rất khó khăn vì những rào cản của luật pháp và các quy chế riêng của các ban ngành trên cùng địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

- Bộ Tài chính cần rà soát lại hệ thống các văn bản liên quan Luật kế toán, nghiên cứu biện pháp quản lý hóa đơn chứng từ làm cho cơ quan tài chính có đủ khả

năng kiểm soát được hóa đơn chứng từ thanh toán. Cần kiện toàn hoàn thiện hệ thống kế toán công và kế toán doanh nhân để thực sự trở thành công cụ quản lý kiểm soát hoạt động kinh tế. Tránh tình trạng hiện nay, các doanh nghiệp thường sử dụng hai hệ thống kế toán, các hóa đơn chứng từ đều là thực nhưng các mức giá đều không đúng với thực tế giao dịch. Các doanh nghiệp thường khai giá thấp hơn giá bán thực tế để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ quan Thuế địa phương không kiểm soát được. Chính vì vậy, tình trạng gian lận thương mại qua giá nhập khẩu của các doanh nghiệp vẫn tồn tại và rất khó khăn cho cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, xử lý. Nếu việc quản lý và kiểm tra của cơ quan thuế nội địa ở đầu ra (giá bán ra) chặt chẽ thì tình trạng gian lận thương mại qua giá (khai giá thấp) như trên sẽ chấm dứt.

- Cần xây dựng cơ sở thông tin dữ liệu giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cấp quốc gia để cung cấp cho các cơ quan, doanh nghiệp tham khảo. Hiện tại, nước ta có Ủy ban Vật giá nhà nước, Sở Tài chính, các Trung tâm Giá tại các khu vực. Tuy nhiên, các cơ quan này chỉ thực hiện chức năng quản lý là chính, các thông tin về giá cả của quốc gia đều không được thu thập vào cơ sở dữ liệu để nghiên cứu, nếu có cũng không đầy đủ và thiếu độ tin cậy. Chính vì vậy, Nhà nước cần phải đầu tư để xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu giá quốc gia để làm cơ sở cho việc quản lý và hoạch định các chính sách vĩ mô.

- Cần nghiên cứu sửa đổi các chính sách, Luật pháp quốc gia để phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về hệ thống xác định giá tính thuế theo GATT. Trong thời gian tới, với việc đổi mới mô hình quản lý, triển khai việc thông quan điện tử đối với hàng hóa nhập khẩu, nếu không thống nhất điều này sẽ phát sinh nhiều vấn đề phức tạp hơn.

- Thực hiện công tác hiện đại hóa ngành Hải quan, áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá tính thuế để hạn chế tình trạng tổ chức tham vấn tràn lan, không hiệu quả. Trước mắt cần tập trung kiểm tra, tổ chức tham vấn, xác định trị giá tính thuế đối những mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn, có thuế suất cao, có khả năng gian lận về trị giá và có nghi ngờ về mức giá khai báo. Còn những mặt hàng không thuộc diện nêu trên thì tiến hành tổ chức kiểm tra sau thông quan nhằm đảm bảo thời gian thông quan hàng hóa, tạo thông thoáng trong lưu

thông hàng hóa qua biên giới cảng biển, cảng hàng không đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp có nhiều thời gian tập trung vào việc chuẩn bị các chứng từ hồ sơ khi cần giải trình với cơ quan kiểm tra sau thông quan.

- Tổng cục Hải quan cần tham mưu cho Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các khoản bảo đảm để doanh nghiệp và cơ quan Hải quan thực hiện nhằm xác định mức thuế đủ để bảo đảm rằng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp thuộc diện nghi ngờ, cần phải kiểm tra, tổ chức tham vấn và xác định trị giá tính thuế, cơ quan Hải quan cho thông quan hàng hóa ngay nhưng doanh nghiệp phải nộp khoản đảm bảo, kết quả tham vấn sẽ xác định chính xác số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp, khi đó sẽ giảm bớt áp lực cho cơ quan hải quan trong việc thông quan hàng hóa tại cửa khẩu, giúp hàng hóa được lưu thông nhanh hơn đồng thời hạn chế tình trạng nợ khó đòi do doanh nghiệp biến mất khỏi địa chỉ kinh doanh.

- Xây dựng, triển khai quy chế phối hợp cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan Hải quan theo đó cơ quan Hải quan tại các địa phương sẽ chuyển cho cơ quan thuế nội địa cùng cấp những trường hợp nghi ngờ trị giá khai báo nhưng cơ quan Hải quan chưa đủ thông tin làm rõ để cơ quan thuế tiếp tục theo dõi việc hạch toán, quyết toán thuế tại khâu nội địa, qua đó phát hiện các trường hợp khai báo không trung thực tại khâu nhập khẩu và thông báo để cơ quan Hải quan xử lý theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Việc minh bạch hóa các quy định, quy trình tham vấn giá cũng là một biện pháp nhằm tránh việc một bộ phận cán bộ công chức hải quan lợi dụng sự thiếu minh bạch, rõ ràng, cụ thể của các quy định để có những hành vi nhũng nhiễu, vụ lợi cá nhân.

3.7.2 Xây dựng Danh mục trị giá chuẩn

Cần tiến hành xây dựng danh mục trị giá chuẩn thay thế cho Danh mục giá kiểm tra của Tổng cục Hải quan. Danh mục này phải được xây dựng trên cơ sở nguồn thông tin bao gồm :

- Giá khai báo của doanh nghiệp theo trị giá giao dịch được cập nhật vào chương trình GTT22;

- Mức giá chào bán trên internet, giá chào bán công khai của người xuất khẩu được cơ quan Hải quan thu thập;

- Mức giá chào bán trên thị trường nội địa tính theo phương pháp khấu trừ... đủ độ tin cậy và đã được cơ quan Hải quan kiểm tra tính xác thực của mức giá.

- Mức giá từ các nguồn thông tin khác như: Thông tin từ Cơ quan thuế nội địa, từ Cục Điều tra chống buôn lậu, từ các cơ quan tham tán thương mại tại nước ngoài, từ các Trung tâm thẩm định giá,...

Lý do cần thiết phải ban hành danh mục trị giá chuẩn này là:

- Việc khai thác trên chương trình GTT22 không mang lại hiệu quả do lỗi chương trình, sự quá tải của hệ thống thiết bị máy móc và thông tin dữ liệu giá GTT22 không đầy đủ do môi trường kinh tế hiện nay có nhiều sản phẩm mới được phát minh và sáng chế liên tục để thay thế sản phẩm đã lỗi thời, lạc hậu.

- Danh mục giá kiểm tra của Tổng cục Hải quan hiện nay chưa phù hợp do các mức giá ban hành trong danh mục đã lỗi thời, chưa cập nhật.

- Do thiếu thông tin dữ liệu nên dẫn đến tình trạng mỗi Chi cục Hải quan cửa khẩu, mỗi Hải quan địa phương xác định theo mức giá khác nhau.

3.7.3 Chương trình quản lý thông tin giá tính thuế GTT22

Phải đánh giá đúng thực trạng hiện nay của chương trình quản lý thông tin giá tính thuế GTT22 để tìm biện pháp khắc phục, bổ sung, hoàn thiện. Chương trình GTT22 mới phải là một chương trình quản lý đúng nghĩa, đơn giản, dễ sử dụng và hiệu quả, trước mắt cần phải tích hợp các chương trình ứng dụng thành một chương trình ứng dụng duy nhất, tập trung hóa các dữ liệu hiện có để tăng khả năng khai thác và đảm bảo đầy đủ, nhất quán thông tin trên toàn hệ thống đồng thời nâng cao tốc độ xử lý thông tin của các ứng dụng, tăng tốc độ truyền nhận và trao đổi thông tin giữa các cấp quản lý.

Việc nâng cấp, tích hợp các ứng dụng, dữ liệu như trên không chỉ phục vụ công tác nghiệp vụ hải quan tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, mà còn ở các cục hải quan tỉnh, thành phố trên cả nước sau này, đặc biệt là khi Dự án Hiện đại hóa hải quan được nguồn vốn vay tài trợ của Ngân hàng Thế giới triển khai rộng rãi.

Nhanh chóng hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu trên cơ sở bổ sung các nguồn thông tin khác hỗ trợ nguồn thông tin do doanh nghiệp khai báo khi kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá.

Phòng Trị giá tính thuế - Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cần tổ chức bộ phận thu thập thông tin từ các nguồn thông tin khác như thông tin từ mạng internet, thông tin từ giá chào bán trên thị trường nội địa, thông tin từ các cơ quan Thuế, Quản lý thị trường, Công an kinh tế, thông tin của Thanh tra thuế và các thông tin từ kết quả giải quyết khiếu nại, kết quả của các Đoàn kiểm tra thanh tra về giá thuế để cập nhật vào hệ thống dữ liệu thông tin GTT22 làm cơ sở thông tin dữ liệu có sẵn nhằm hỗ trợ cho Chi cục và công chức của Phòng Trị giá tính thuế trong công tác kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá tính thuế. Về lâu dài, xây dựng cơ chế pháp lý cho việc thu thập, cập nhật, phân tích, đánh giá các thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức trung lập có chức năng thẩm định giá. Xây dựng cơ chế hợp tác, hỗ trợ cung cấp thông tin giữa Hải quan các nước làm cơ sở để so sánh, đối chiếu với trị giá khai báo.

KẾT LUẬN

Với những nội dung được đề cập, Luận văn đã chỉ ra được: “Việc thực hiện xác định giá tính thuế theo GATT tại Việt Nam, cụ thể là tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh là việc làm đúng đắn và phù hợp trong giai đoạn hiện nay”

Luận văn đã giới thiệu khái quát các phương pháp xác định trị giá tính nhập khẩu hiện hành, trên cơ sở những thành quả đạt được, phân tích những mặt tích cực cũng như tồn tại trong công tác quản lý trị giá tính thuế nhập khẩu tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, qua đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm khắc phục những tồn tại để hoàn thiện hơn công tác quản lý trị giá tính thuế nhập khẩu trong thời gian tới.

Để có thể nâng cao hiệu quả công tác xác định giá tính thuế theo GATT tại Việt Nam nói chung cũng như Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh nói riêng, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, các cấp, các ban ngành, từ trung ương đến địa phương trong việc tháo gỡ các vướng mắc, tìm ra các giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy tiến trình thực hiện trị giá GATT/WTO. Với quyết tâm cao, bản thân tôi tin rằng Ngành Hải quan, trong đó có Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh sẽ thực hiện thành công quá trình cải cách, hiện đại hóa ngành Hải quan với phương châm “Thuận lợi - Tận tụy - Chính xác” để mãi xứng đáng với danh hiệu “Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới” mà Chủ tịch nước đã khen tặng.

Mặc dù được sự quan tâm, tạo điều kiện của Lãnh đạo Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và sự hỗ trợ, giúp đỡ của quý Thầy Cô Khoa sau đại học - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tuy nhiên do trình độ còn hạn chế nên bài Luận văn này chắc chắn vẫn còn những điểm bất cập và chưa hoàn thiện. Chúng tôi mong Hội đồng Khoa học Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và độc giả đóng góp ý kiến cho bài Luận văn, góp một phần hoàn thiện tổ chức và quản trị tác nghiệp xác định trị giá hải quan được đưa vào áp dụng, đem lại những kết quả tích cực cho quá trình đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa ngành Hải quan.

PHỤ LỤC 1:**Các nguyên tắc xác định trị giá và các phương pháp xác định trị giá theo Điều 7 Hiệp định trị giá GATT/WTO****1- Các nguyên tắc tại Điều 7 Hiệp định GATT được quy định như sau:*****Nguyên tắc 1:***

- Trị giá theo mục đích hải quan của hàng nhập khẩu phải được căn cứ vào trị giá thực của hàng nhập khẩu. Trị giá thực là giá thực tế mà người nhập khẩu đã hoặc sẽ thanh toán cho người xuất khẩu để nhận số hàng nhập khẩu tương ứng. Ngoài ra tại phần chú giải cho điều 7 GATT đã giải thích thêm về “trị giá thực” là trị giá ghi trong hóa đơn thương mại cộng thêm các khoản chi phí hợp lý, hợp pháp chưa được tính vào trị giá, những khoản chi phí này là các bộ phận cấu thành của trị giá thực.

Nguyên tắc 2:

- Trị giá thực phải là giá cả được luật pháp của nước nhập khẩu xác định tại một thời điểm và một địa điểm nhất định đối với hàng hóa đó, hoặc hàng tương tự được bán hoặc được chào bán trong tiến trình kinh doanh bình thường với các điều kiện cạnh tranh không hạn chế. Trị giá này không được căn cứ vào trị giá hàng hóa sản xuất trong nước hoặc trị giá hư cấu, áp đặt. Trong chừng mực giá cả của hàng hóa đang được định giá hoặc hàng hóa tương tự bị khống chế về số lượng trong một vụ việc mua bán cá biệt thì giá cả phải được xét đoán trong mối quan hệ với hoặc là:

+ Số lượng có thể so sánh được.

+ Số lượng không kém thuận lợi cho người nhập khẩu so với số lượng mà theo đó một khối lượng hàng hóa lớn hơn được bán trong quan hệ thương mại giữa nước xuất khẩu và nước nhập khẩu.

Nguyên tắc 3:

- Hàng hóa phải được xuất khẩu từ một giao dịch bán hàng thông thường, tính cạnh tranh không hạn chế.

II

2- Các phương pháp xác định trị giá theo Hiệp định trị giá GATT/WTO:

a) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu (**transaction value method**) - Phương pháp 1

Trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu phải là trị giá giao dịch, đó là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán cho hàng hóa khi hàng hóa được bán để xuất khẩu đến nước nhập khẩu, được điều chỉnh theo các quy định của Điều 8:

$$\begin{array}{ccccccc} & & & & \text{Giá thực tế} & & \\ & & & & \text{đã thanh toán hoặc/ và} & & \text{Các khoản} \\ \text{Trị giá} & = & \text{Trị giá} & = & \text{sẽ phải thanh toán} & \text{+/-} & \text{điều chỉnh} \\ \text{hải quan} & & \text{giao dịch} & & & & \end{array}$$

* Các điều kiện áp dụng phương pháp

Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch đối với hàng hóa nhập khẩu chỉ được áp dụng nếu thoả mãn các điều kiện:

- Người mua không bị hạn chế về chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hóa, ngoại trừ các hạn chế sau:

- (i) Do luật pháp hay các cơ quan có thẩm quyền tại nước nhập khẩu áp đặt, hoặc yêu cầu;
- (ii) Giới hạn về khu vực địa lý tại đó hàng hóa được bán nhượng lại; hoặc
- (iii) Không ảnh hưởng đáng kể đến trị giá của hàng hóa;

- Hoạt động bán hàng, hay giá cả, không phụ thuộc vào một số điều kiện mà từ đó người ta không thể xác định được trị giá của những hàng hóa cần được xác định trị giá;

- Sau khi tiếp tục bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng nhập khẩu, người nhập khẩu không phải chuyển bất cứ một khoản tiền nào từ doanh thu mà họ đạt được, dù là trực tiếp hay gián tiếp, cho người bán, trừ phi khoản đó thuộc khoản điều chỉnh phù hợp với các quy định của Điều 8; và

III

- Người mua và người bán không có quan hệ đặc biệt với nhau, hoặc trong trường hợp người mua và người bán có quan hệ đặc biệt thì trị giá giao dịch được chấp nhận là trị giá hải quan theo các quy định tại Khoản 2 Điều này.

Với các quy định trên đây, trị giá giao dịch đề cập đến nhiều thuật ngữ cần được hiểu và vận dụng một cách thống nhất và chính xác, ví dụ để quyết định sử dụng trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu là trị giá tính thuế thì cần phải như thế nào là giao dịch bán hàng để xuất khẩu sang nước nhập khẩu, như thế nào là giá thực tế đã hay sẽ phải thanh toán, những điều kiện làm ảnh hưởng quyền định đoạt hay sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu, như thế nào thì được xem là có mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán, trong trường hợp có mối quan hệ đặc biệt thì việc chứng minh mối quan hệ đó có ảnh hưởng đến giá giao dịch như thế nào...

Bên cạnh đó, để tạo sự công bằng, khách quan trong việc sử dụng trị giá giao dịch, Hiệp định trị giá GATT/WTO cho phép người nhập khẩu quyền được giải thích và xuất trình các chứng từ chứng minh trị giá kê khai phản ánh đúng trị giá thực tế đã hay sẽ phải thanh toán và mối quan hệ đặc biệt (nếu có) không làm ảnh hưởng đến giá cả giao dịch. Mặc dù việc xác định trị giá tính thuế là trị giá giao dịch đòi hỏi đáp ứng nhiều điều kiện ràng buộc nhưng thực tế việc sử dụng trị giá giao dịch vẫn chiếm xấp xỉ 90% thương vụ nhập khẩu ở các nước áp dụng hệ thống xác định trị giá tính thuế theo GATT. Điều này phần nào phản ánh được tính phổ biến và tương đối phù hợp với tính hình thương mại quốc tế ngày nay của phương pháp trị giá giao dịch.

* Các khoản điều chỉnh theo Điều 8 Hiệp định trị giá GATT/WTO

- Trong xác định trị giá hải quan theo phương pháp trị giá giao dịch phải cộng vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán của hàng hóa nhập khẩu:

- Những chi phí dưới đây, với mức mà người mua phải gánh chịu nhưng chưa được tính vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán cho hàng hóa:

- + Chi phí hoa hồng và môi giới, trừ hoa hồng mua hàng;
- + Chi phí về thùng chứa hàng được coi là đồng nhất với hàng hóa đang được xác định trị giá, nhằm phục vụ các hoạt động của hải quan;

IV

+ Chi phí đóng gói, kể cả chi phí vật liệu và chi phí nhân công;

- Trị giá, được phân bổ thích hợp, của những hàng hóa và dịch vụ dưới đây, do người mua cung cấp trực tiếp hay gián tiếp, miễn phí hoặc giảm giá, để sử dụng trong sản xuất và bán để xuất khẩu hàng nhập khẩu, trong phạm vi trị giá này chưa được tính vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán:

+ Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành hàng hóa, các phụ tùng và các hàng hóa tương tự hợp thành trong hàng hóa nhập khẩu;

+ Các công cụ, khuôn đúc, khuôn rập và các hàng hóa tương tự được sử dụng trong sản xuất hàng nhập khẩu;

+ Nguyên nhiên liệu tiêu hao trong hoạt động sản xuất hàng nhập khẩu;

+ Thiết kế kỹ thuật, thiết kế triển khai, thiết kế mỹ thuật, bản vẽ thiết kế và các sơ đồ và phác đồ được lập ra ở bất cứ nơi nào ngoài nước nhập khẩu và cần thiết cho hoạt động sản xuất hàng nhập khẩu;

- Tiền bản quyền và phí giấy phép liên quan đến hàng hóa đang được xác định trị giá; những chi phí này do người mua phải trả, trực tiếp hay gián tiếp, như điều kiện cho giao dịch bán hàng hóa đang được xác định trị giá, trong phạm vi các chi phí này chưa được tính vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán;

- Giá trị của bất cứ phần lãi nào, phát sinh sau khi hàng nhập khẩu được bán lại, được chuyển nhượng hoặc được sử dụng, được chuyển trực tiếp hay gián tiếp cho người bán.

- Khi xây dựng luật pháp quốc gia, mỗi nước thành viên nên quy định cộng vào hay khấu trừ ra từ trị giá hải quan một phần hay toàn bộ các khoản sau:

- Chi phí vận tải hàng nhập khẩu tới cảng hoặc địa điểm nhập khẩu;

- Chi phí bốc hàng lên phương tiện vận tải, dỡ hàng khỏi phương tiện vận tải, và các chi phí làm hàng liên quan đến vận chuyển hàng nhập khẩu tới cảng hoặc địa điểm nhập khẩu; và

- Chi phí bảo hiểm.

Các khoản bổ sung thêm vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ được thanh toán thực hiện theo các quy định tại Điều khoản này chỉ dựa trên cơ sở các số liệu khách quan có thể định lượng được.

Khi xác định trị giá hải quan, không bổ sung vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ được thanh toán bất cứ khoản nào ngoại trừ các khoản điều chỉnh cộng hoặc trừ như được quy định tại Điều 8 Hiệp định xác định trị giá.

b) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt (**identical goods method**) - Phương pháp 2

Nguyên tắc của phương pháp này là khi không thể xác định trị giá giao dịch thực tế của hàng hóa nhập khẩu, trị giá hải quan được xác định trên cơ sở trị giá giao dịch đã được xác định trước đó của một loại hàng hóa nhập khẩu giống hệt hàng hóa nhập khẩu đang được định giá.

c) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự (**similar goods method**) - Phương pháp 3

Nếu không thể xác định được trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch (Phương pháp 1) hay phương pháp trị giá giao dịch của hàng giống hệt (Phương pháp 2), thì trị giá hải quan nhằm mục đích tính thuế của hàng hóa nhập khẩu phải là trị giá giao dịch của hàng tương tự bán để xuất khẩu đến Việt Nam vào cùng thời điểm hay cùng kỳ với lô hàng đang được xác định trị giá.

Về cơ bản Phương pháp 2 và Phương pháp 3 giống nhau trong cách tiếp cận để xác định trị giá Hải quan, điểm khác biệt chủ yếu của hai phương pháp là :

- Chỉ áp dụng Phương pháp 3 khi không đủ điều kiện áp dụng Phương pháp 2;
- Khác nhau về "định nghĩa" hàng giống hệt và hàng tương tự.

Trong đó :

(i) "Hàng hóa giống hệt" là những hàng hóa giống nhau về mọi khía cạnh, kể cả các đặc tính vật lý, chất lượng và danh tiếng uy tín. Những khác biệt nhỏ bên

ngoài không ảnh hưởng đến đánh giá hàng hóa là hàng hóa giống hệt, trừ khi chúng thoả mãn theo định nghĩa hàng hóa giống hệt.

(ii) "Hàng hóa tương tự" là những hàng hóa, dù không giống nhau về mọi khía cạnh, nhưng có các đặc trưng giống nhau, và được làm từ các nguyên vật liệu cấu thành giống nhau, như thế làm cho những hàng hóa này thực hiện được các chức năng tương tự và có thể hoán đổi cho nhau trong giao dịch thương mại. Chất lượng của hàng hóa, danh tiếng uy tín hàng hóa và sự hiện diện của nhãn hiệu thương mại là những yếu tố nên được xem xét trong quá trình đánh giá hàng hóa đó có phải là mặt hàng tương tự hay không.

(iii) Các thuật ngữ "hàng hóa giống hệt" và "hàng hóa tương tự", theo từng trường hợp cụ thể, không bao gồm những hàng hóa có chứa đựng hoặc có thể hiện thiết kế kỹ thuật, thiết kế phát triển, tác phẩm mỹ thuật, bản vẽ thiết kế, sơ đồ, phác đồ, chưa được điều chỉnh theo quy định của khoản 8.1(b)(iv) vì các yếu tố này được hoàn thành ở nước nhập khẩu.

d) Phương pháp trị giá khấu trừ (**deductive value method**) - Phương pháp 4

Nếu không thể xác định được trị giá hải quan cho hàng hóa nhập khẩu theo phương pháp trị giá giao dịch, trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt, trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự, thì trị giá hải quan được xác định theo phương pháp trị giá khấu trừ hoặc, trừ trường hợp, theo yêu cầu của người nhập khẩu, thứ tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp dự phòng được hoán đổi (Điều 4 – Hiệp định trị giá GATT 1994).

Nếu hàng nhập khẩu, hàng nhập khẩu giống hệt hay hàng nhập khẩu tương tự được bán tại nước nhập khẩu ở điều kiện như khi hàng hóa được nhập khẩu, thì theo các quy định tại Điều này, trị giá hải quan của hàng nhập khẩu được xác định trên cơ sở đơn giá, mà tại mức giá đó, hàng nhập khẩu, hàng nhập khẩu giống hệt hay hàng nhập khẩu tương tự được bán cho người mua không có quan hệ đặc biệt với người bán hàng hóa đó, với số lượng tổng cộng lớn nhất, vào cùng thời điểm hay cùng kỳ nhập khẩu hàng hóa đang được xác định trị giá, sau khi đã được khấu trừ đi các khoản sau:

VII

- (i) Các khoản hoa hồng thường trả hoặc thoả thuận sẽ trả hay các khoản bổ sung thường trả để bù đắp khoản lợi nhuận và các chi phí chung liên quan đến các giao dịch bán hàng tại nước nhập khẩu hàng hóa cùng phẩm cấp hay cùng chủng loại;
- (ii) Các chi phí thông thường về vận tải và bảo hiểm và các chi phí có liên quan phát sinh trong phạm vi của nước nhập khẩu;
- (iii) Các chi phí nêu tại Khoản 2 Điều 8, tùy trường hợp cụ thể; và
- (iv) Thuế hải quan và các loại thuế nội địa khác phải nộp ở nước nhập khẩu về hoạt động nhập khẩu hay bán hàng hóa đó.

Phương pháp trị giá khấu trừ được xác định trên cơ sở đơn giá bán trên thị trường nội địa của hàng nhập khẩu đang được xác định giá hoặc của hàng nhập khẩu giống hệt hay tương tự sau khi trừ mọi khoản chi phí chung và lợi nhuận, thuế nhập khẩu, thuế khác, phí vận tải và bảo hiểm trong nội địa, chi phí lắp ráp hoặc xử lý gia công thêm và các chi phí phát sinh khác trong lãnh thổ nước nhập khẩu.

e) Phương pháp trị giá tính toán (**computed value method**) - Phương pháp 5

Trị giá hải quan của hàng nhập khẩu theo quy định của Điều khoản này được xác định căn cứ vào trị giá tính toán. Trị giá tính toán bao gồm tổng các khoản sau:

- (i) Giá thành hay trị giá của nguyên vật liệu, giá thành của quá trình sản xuất hoặc của các quá trình gia công khác được sử dụng vào sản xuất hàng nhập khẩu;
- (ii) Khoản lợi nhuận và các chi phí chung tương đương với hai khoản này thường phát sinh trong giao dịch bán hàng cùng phẩm cấp hay cùng chủng loại với hàng hóa đang được xác định trị giá; những hàng hóa đó cùng được sản xuất ở nước xuất khẩu để xuất khẩu tới nước nhập khẩu;
- (iii) Giá thành hoặc giá trị của các khoản điều chỉnh không bắt buộc, theo quy định tại Khoản 2 Điều 8, do Nước thành viên lựa chọn.

f) Phương pháp dự phòng (**Fallback method**) - Phương pháp 6

VIII

Nếu không thể xác định được trị giá hải quan của hàng nhập khẩu theo các quy định tại những Điều từ 1 đến 6, trị giá hải quan nên được xác định sử dụng các phương pháp hợp lý nhất quán với các nguyên tắc và quy định chung của Hiệp định này và của Điều VII Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại 1994 (GATT 1994) và trên cơ sở các dữ liệu hiện có của nước nhập khẩu.

Không xác định trị giá hải quan theo các quy định tại Điều này trên cơ sở:

- (i) Giá bán của hàng hóa, được sản xuất ở nước nhập khẩu, được giao dịch bán tại thị trường nội địa nước đó;
- (ii) Hệ thống xác định trị giá cho phép chấp nhận sử dụng trị giá cao hơn, trong trường hợp có từ hai trị giá trở lên để lựa chọn, làm trị giá hải quan;
- (iii) Giá hàng hóa trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu;
- (iv) Chi phí sản xuất, ngoại trừ trị giá tính toán của hàng hóa được xác định đối với hàng hóa giống hệt hay tương tự phù hợp với các quy định tại Điều 6;
- (v) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu sang một nước khác với nước nhập khẩu;
- (vi) Trị giá hải quan tối thiểu; hoặc
- (vii) Trị giá áp đặt hoặc giả định.

Nếu người nhập khẩu yêu cầu, người nhập khẩu sẽ được thông báo bằng văn bản về trị giá hải quan được xác định theo các quy định và về phương pháp được sử dụng để xác định trị giá..

PHỤ LỤC 2

Một số kinh nghiệm của Tổ chức Hải quan ASEAN với việc thực hiện trị giá GATT/WTO

Để phục vụ công tác đào tạo, hướng dẫn và trao đổi kinh nghiệm giữa các nước ASEAN trong việc thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO, chương trình hành động và thực hiện chính sách hải quan (PIWP) đã soạn thảo tài liệu hướng dẫn trị giá hải quan ASEAN (ACVG – ASEAN Customs Value Guidance) và đưa ra một số khuyến nghị đối với các nước ASEAN để thực hiện trị giá GATT/WTO, cụ thể:

1- Xây dựng hệ thống tự tính thuế:

Hệ thống tự tính thuế về nguyên tắc là một hình thức tạo thuận lợi cho thương mại. Khi người nhập khẩu/ doanh nghiệp được giao tự tính thuế cho hàng nhập khẩu của mình. Điều này cho phép người nhập khẩu dự đoán trước được số thuế phải nộp.

Để cộng đồng doanh nghiệp có được lợi ích đầy đủ khi áp dụng Hiệp định trị giá, hệ thống tự tính giá đưa ra 2 khả năng cho người nhập khẩu:

- (a) Người nhập khẩu tự đánh giá, tính toán và khai báo trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu, nộp các khoản thuế cho hải quan và thuế khác trước khi nộp chứng từ nhập khẩu; hoặc
- (b) Người nhập khẩu thực hiện mọi yêu cầu trên, nhưng việc thanh toán các khoản thuế được thực hiện sau khi hải quan đã xác nhận, thẩm định trị giá tính thuế khai báo cũng như phân loại chính xác hàng nhập và các yêu cầu thương mại khác có liên quan đến nhập khẩu.

Theo khả năng (a), Hải quan giao cho người nhập khẩu trách nhiệm tuân thủ các quy tắc, quyết định và tự nguyện thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế trước khi xuất trình chứng từ nhập khẩu. Trường hợp này, các khoản thuế sẽ được thu trước khi hải quan ra quyết định. Người nhập khẩu có trách nhiệm tính toán chính xác tiền thuế phải nộp. Để làm được điều này, người nhập khẩu phải biết về mọi yêu cầu được nhập khẩu, các quy định xác định trị giá hải quan. Để hiệu quả, Hải quan phải đảm bảo tất cả các quy định liên quan đến nhập khẩu phải được công bố rộng rãi, dễ tìm, dễ tra cứu

và có kênh hướng dẫn trực tiếp cho cộng đồng doanh nghiệp. Khi đó vai trò của Hải quan là kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của người nhập khẩu trong khai báo.

Theo khả năng (b) việc thanh toán các khoản thuế được thực hiện sau khi Hải quan ra quyết định thông báo thuế phải nộp. Mức độ chính xác của tiền thuế phải thu chắc chắn hơn.

Điểm mấu chốt để thực hiện thành công hệ thống tự tính thuế là Hải quan dựa vào sự trung thực và thẳng thắn của người nhập khẩu để khai báo chính xác trị giá hải quan trên cơ sở có kiến thức đầy đủ về các quy định xác định giá hải quan và căn cứ vào các dữ liệu khách quan có thể định lượng được; ngoài ra giữa Hải quan và doanh nghiệp cần có sự tin tưởng, hiểu biết lẫn nhau và có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ .

2- Sử dụng tờ khai trị giá:

Mặc dù không muốn làm tăng thêm gánh nặng giấy tờ cho người nhập khẩu nhưng việc sử dụng tờ khai trị giá riêng phục vụ mục đích xác định trị giá hải quan vẫn nên được áp dụng. Thậm chí cả những cơ quan hải quan có khả năng cập nhật thông tin tờ khai trên hệ thống điện tử vẫn nên áp dụng mẫu Tờ khai trị giá như là một cơ chế để kiểm tra. Tờ khai trị giá cần được xuất trình cho Hải quan như là một phần của yêu cầu xử lý tờ khai nhập khẩu. Mọi dữ liệu có liên quan đến giao dịch cần được đưa vào tờ khai trị giá. Không thật cần thiết yêu cầu người nhập khẩu phải xuất trình toàn bộ chứng từ bổ sung khi nộp tờ khai trị giá. Những thông tin và chứng từ bổ sung này chỉ cần cung cấp khi có yêu cầu của Hải quan. Lợi ích chủ yếu khi yêu cầu một Tờ khai trị giá là tờ khai này như một danh mục kiểm tra đối với cả Hải quan và người nhập khẩu để xác định xem tất cả những dữ liệu xung quanh giao dịch nhập khẩu đã được cung cấp đầy đủ hay chưa. Ngoài ra như một biện pháp tuân thủ và kiểm tra, người nhập khẩu phải ký vào Tờ khai trị giá để chứng thực tính chính xác trong khai báo và tuân thủ quy định trị giá hải quan. Nếu có trường hợp nào vi phạm bị phát hiện thì Tờ khai trị giá có thể là một bằng chứng quan trọng để áp dụng hình phạt. Mẫu tờ khai trị giá được khuyến nghị chuẩn bị theo 2 dạng: một dạng cho từng giao dịch nhập khẩu, một dạng cho các giao dịch lặp lại nhiều lần (tờ khai trị giá định kỳ). Tờ khai trị giá định kỳ có thể dành cho những hàng hóa được một người mua nhập khẩu nhiều lần từ một người bán cho cùng một loại hàng hóa và được bán theo những điều kiện và điều

III

khoản không thay đổi. Về hình thức, Tờ khai trị giá nên ở dạng hỏi và đáp để thuận tiện cho việc trả lời và kiểm tra. Tờ khai trị giá cũng cần giải thích những từ, ngữ đặc biệt và trách nhiệm pháp lý của người nhập khẩu khi ký trên tờ khai.

3- *Ban hành sách Giải thích chính sách kỹ thuật của Hiệp định và nội luật hóa các hướng dẫn, giải thích, tư vấn của Ủy ban kỹ thuật về trị giá hải quan (WCO):*

Để thống nhất cách hiểu và thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO, các thành viên nên phát hành sách hướng dẫn giải thích các thuật ngữ trong Hiệp định và sử dụng các công cụ mà Ủy ban kỹ thuật về trị giá hải quan đưa ra bao gồm: các ý kiến tư vấn, khuyến nghị, giải thích và bài tập tình huống, và nội luật hóa các hướng dẫn này trong quy định luật pháp quốc gia mình.

4- *Tư vấn về trị giá (Valuation Advice):*

Cần có cơ chế tư vấn về trị giá cho người nhập khẩu. Hoạt động tư vấn bao gồm những hướng dẫn và chỉ dẫn xung quanh nội dung liên quan đến việc xác định trị giá hải quan. Tư vấn về trị giá được thực hiện theo yêu cầu của người nhập khẩu hay đại lý của họ nhằm trang bị kiến thức có liên quan đến giao dịch nhập khẩu sắp tới hay những vấn đề mà người nhập khẩu yêu cầu. Tuy nhiên nên đề nghị được tư vấn khi hợp đồng giao dịch kinh doanh được lập hay hàng hóa nhập khẩu đã đến nước nhập khẩu bởi vì Hải quan chỉ có thể đưa ra lời tư vấn trên cơ sở các thông tin và dữ liệu được xuất trình, không căn cứ vào các dữ liệu giả định. Việc tư vấn sẽ không có hiệu lực ràng buộc đối với người nhập khẩu và hải quan bởi vì Hải quan không tiến hành bất cứ hoạt động kiểm tra nào đối với thông tin do người nhập khẩu gửi tới đề nghị tư vấn về giá. Người nhập khẩu có thể đưa ý kiến tư vấn vào bộ hồ sơ hải quan, ý kiến tư vấn này có thể được sử dụng cho mục đích thông tin khi Hải quan cần kiểm tra tờ khai hải quan. Như vậy, hoạt động tư vấn xác định trị giá được xem như một dịch vụ được cung cấp cho người nhập khẩu, là một trong những giải pháp tạo thuận lợi cho thương mại.

5- *Quyết định hướng dẫn về trị giá:*

Quyết định hướng dẫn về trị giá là một bước cao hơn của tư vấn trị giá và thường được xây dựng sau khi thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với một lô hàng đã nhập khẩu cụ thể, trong đó nêu rõ phương pháp xác định trị giá của lô hàng, hướng

dẫn người nhập khẩu các yêu cầu cần thiết để hoàn thành thủ tục khai báo. Quyết định này có thể thông báo cho người nhập khẩu để áp dụng cho các lô hàng tiếp theo nếu người nhập khẩu vẫn tiếp tục nhập cùng một mặt hàng từ cùng một nhà cung cấp trong cùng điều kiện giao dịch với lô hàng nhập khẩu trước đó được sử dụng để xây dựng Quyết định hướng dẫn trị giá. Thông thường khi áp dụng Quyết định hướng dẫn về trị giá thì lô hàng được thông quan theo chế độ thuận lợi hơn (Ví dụ như cửa xanh – “fast-track” process hoặc green channel).

5- Thẩm định sau và kiểm toán sau thông quan:

Thẩm định là việc thẩm tra các dữ liệu trên tờ khai, kiểm tra lại các thông tin trên tờ khai nhập khẩu sau khi đã hoàn thành thủ tục để đánh giá sự chính xác, đầy đủ của tờ khai làm cơ sở xác định giá tính thuế. Nếu có nghi vấn thì trong công tác thẩm định có thể yêu cầu người nhập khẩu cung cấp thêm thông tin để xác định rõ mọi dữ liệu về giao dịch. Kết quả cuối cùng của công tác thẩm định có thể là xác định lại giá tính thuế để truy thu hoặc truy hoàn, có thể là đưa ra khuyến nghị để chuyển sang kiểm tra sau thông quan, hoặc nghiêm trọng hơn có thể chuyển sang các bộ phận điều tra chống buôn lậu để điều tra, xác minh. Trong giai đoạn thẩm định sau, cán bộ Hải quan không có trách nhiệm liên hệ với bất cứ người nào ngoài người nhập khẩu để có được các thông tin cần thiết.

Đối với thẩm định sau, không phải thực hiện đối với tất cả các tờ khai nhập khẩu mà cần lựa chọn các tờ khai có độ rủi ro cao để tiến hành thẩm định. Vì vậy trong công tác này cần vận dụng được các tiêu chí trong quản lý rủi ro về giá. Các tiêu chí trong quản lý rủi ro có thể là: tiêu chí về hồ sơ (những tờ khai đã có ý kiến là cần kiểm tra tiếp); tiêu chí về thuế suất; trị giá lô hàng; loại hàng; phương pháp xác định trị giá do người nhập khẩu khai báo; các vấn đề đặc biệt về xác định trị giá liên quan; xuất xứ hàng hóa; lịch sử người xuất khẩu, người nhập khẩu; hoặc lựa chọn theo xác suất.

PHỤ LỤC 3:**Số liệu chi tiết kết quả hoạt động của Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh**

Số thuế thu hàng năm của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh chiếm khoảng 40-50% số thu của ngành Hải quan. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh chiếm khoảng 45% kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước.

* Về làm thủ tục cho hàng hóa xuất nhập khẩu:

Năm 1986: kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 944 triệu USD.

Năm 1990: kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 2 tỷ 068 triệu USD.

Năm 1995: kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 6 tỷ 703 triệu USD.

Năm 2000: kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 13 tỷ 382 triệu USD.

Năm 2005: kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 29 tỷ 189 triệu USD.

Năm 2006: kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 32 tỷ USD.

Năm 2007: kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 41 tỷ USD.

Năm 2008: kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 46 tỷ USD.

❖ Về làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất nhập cảnh

Năm 1986: 1390 lượt tàu biển 1257 lượt máy bay.

Năm 1990: 2150 lượt tàu biển 4449 lượt máy bay.

Năm 1995: 4491 lượt tàu biển 13448 lượt máy bay.

Năm 2000: 6129 lượt tàu biển 18552 lượt máy bay.

Năm 2005: 9144 lượt tàu biển 32086 lượt máy bay.

Năm 2006: 9360 lượt tàu biển 36631 lượt máy bay.

Năm 2007: 9921 lượt tàu biển 37631 lượt máy bay.

Năm 2008: 8406 lượt tàu biển 39989 lượt máy bay

II

❖ Về số thuế thu được

Năm 1986: 5 tỷ VND .

Năm 1990: 307 tỷ VND.

Năm 1995: 7.030 tỷ VND.

Năm 2000: 11.100 tỷ VND.

Năm 2005: 21.710 tỷ VND.

Năm 2006: 25.000 tỷ VND.

Năm 2007: 31.636 tỷ VND.

Năm 2008: trên 40.000 tỷ VND.

❖ Về số vụ vi phạm đã được xử lý

Năm 1986: 3083 vụ (trong đó có 2 vụ hình sự)

Năm 1990: 1442 vụ.

Năm 1995: 3648 vụ (7 vụ hình sự)

Năm 2000: 2264 vụ (4 vụ hình sự)

Năm 2005: Cục ra 314 Quyết định xử phạt, Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra 34 Quyết định xử phạt. Có 05 vụ do Cục khởi tố.

Năm 2006: Cục ra 272 Quyết định xử phạt, Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra 02 Quyết định xử phạt.

Năm 2007: Cục ra 230 Quyết định xử phạt, Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra 01 Quyết định xử phạt, có 01 vụ do Cục ra Quyết định khởi tố.

Năm 2008: Cục ra 213 Quyết định xử phạt. Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra 03 Quyết định xử phạt. Có 07 vụ do Cục ra Quyết định khởi tố.

PHỤ LỤC 4:

BẢNG KÊ HỆ THỐNG VĂN BẢN
Quy định việc xác định trị giá tính thuế

Luật Quốc hội	Nghị định Chính phủ	Thông tư, Quyết định Bộ Tài chính	Quyết định, Công văn Tổng cục Hải quan
<p>Luật Hải quan (Số 29/2001/QH10, ngày 29/6/2001): Việc xác định trị giá tính thuế được quy định tại Điều 7</p>	<p>- 60/2002/NĐ-CP, 06/6/2002: Quy định việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu theo nguyên tắc thực hiện Điều 7 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (Hiệu lực từ 01/7/2002) - 96/2002/NĐ-CP 19/11/2002: Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan</p>	<p>118/2003/TT-BTC 08/12/2003: Hướng dẫn Nghị định 60/2002/NĐ-CP Hiệu lực thi hành: 29/12/2003</p>	<p>- 1723/TCHQ/QĐ-KTTT, 22/12/2003: Ban hành Tờ khai trị giá và hướng dẫn doanh nghiệp khai báo; - 1774/TCHQ/QĐ-KTTT, 29/12/2003: Ban hành quy định kiểm tra, xác định trị giá tính thuế theo 6 phương pháp - 1795/TCHQ/QĐ-KTTT, 31/12/2003: Ban hành quy chế thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin dữ liệu giá tính thuế</p>
<p>- Luật Hải quan (Số 29/2001/QH10, ngày 29/6/2001); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan (Số 42/2005/QH11, ngày 14/6/2005)</p>	<p>- 155/2005/NĐ-CP, 15/12/2005: Quy định về xác định trị giá tính thuế hàng xuất khẩu, nhập khẩu (Hiệu lực thi hành: 01/01/2006)</p>	<p>- 113/2005/TT-BTC, 15/12/2005: Hướng dẫn thực hiện Nghị định 155/2005/NĐ-CP (Hiệu lực thi hành từ 01/01/2006)</p>	<p>- 640/QĐ-TCHQ, 03/4/2006: Ban hành quy trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu - 2417/TCHQ-KTTT, 02/6/2006: Phân cấp tham vấn một số nhóm mặt hàng trọng điểm cho Phòng Trị giá tính thuế thuộc Cục Hải quan TP.HCM - 874/QĐ-TCHQ, 15/5/2006: Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu</p>

II

			thương mại
<p>Luật Quản lý thuế (Số 78/2006/QH11, 29/11/2006)</p>	<p>- 40/2007/NĐ-CP, 16/3/2007: Quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>- 85/2007/NĐ-CP, 25/5/2007: Quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế</p>	<p>- 59/TT-BTC, 14/6/2007: Hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>- 30/2008/QĐ-BTC, 21/5/2008: Ban hành tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và hướng dẫn khai báo</p> <p>- 40/2008/TT-BTC, 21/5/2008: Hướng dẫn Nghị định 40/2007/NĐ-CP</p> <p>- 1102/QĐ/BTC, 21/5/2008: Xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu giá</p> <p>- 79/2009/TT-BTC, 20/4/2009: Hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</p>	<p>- 1636/QĐ/TCHQ, 04/8/2008: Quy trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (thay QĐ 60/QĐ-TCHQ và CV 2417/TCHQ-KTTT)</p> <p>- 1171/QĐ/TCHQ, 15/6/2009: Ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại (thay thế QĐ 874/QĐ-TCHQ)</p>

PHỤ LỤC 5

DANH SÁCH CÁC NƯỚC VÀ VÙNG LÃNH THỔ ĐÃ CÓ THỎA THUẬN ĐỐI XỬ TỐI HUỆ QUỐC TRONG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA VỚI VIỆT NAM

I. Những nước và vùng lãnh thổ là thành viên của WTO

STT	Tên nước/ Vùng lãnh thổ
1.	Cộng hòa Albania
2.	Cộng hòa nhân dân Angola
3.	Antigua và Barbuda
4.	Cộng hòa Argentina
5.	Cộng hòa Armenia
6.	Liên bang Australia
7.	Vương quốc Bahrain
8.	Cộng hòa nhân dân Bangladesh
9.	Barbados
10.	Belize
11.	Bénin
12.	Cộng hòa Bolivia
13.	Cộng hòa Botswana
14.	Cộng hòa liên bang Brasil
15.	Darussalam Brunei
16.	Burkina Faso
17.	Cộng hòa Burundi

IV

18.	Vương quốc Campuchia
19.	Cộng hòa Cameroon
20.	Cộng hòa Canada
21.	Cộng hòa Trung Phi
22.	Cộng hòa Tchad
23.	Cộng hòa Chile
24.	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
25.	Cộng hòa Colombia
26.	Cộng hòa Congo
27.	Cộng hòa Costa Rica
28.	Cộng hòa Bờ Biển Ngà
29.	Cộng hòa Croatia
30.	Cộng hòa Cuba
31.	Cộng hòa Dân chủ Congo
32.	Cộng hòa Djibouti
33.	Dominica (đảo quốc)
34.	Cộng hòa Dominicana
35.	Cộng hòa Ecuador
36.	Cộng hòa Ả rập Ai Cập
37.	Cộng hòa El Salvador
38.	Cộng đồng châu Âu (27 quốc gia)

39.	Cộng hòa các đảo Fiji
40.	Cộng hòa Macedonia
41.	Cộng hòa Gabon
42.	Cộng hòa Gambia
43.	Gruzia
44.	Cộng hòa Ghana
45.	Grenada
46.	Cộng hòa Guatemala
47.	Cộng hòa Guinée
48.	Cộng hòa Guiné
49.	Cộng hòa Guyana
50.	Cộng hòa Haiti
51.	Cộng hòa Honduras
52.	Đặc khu kinh tế Hồng Kông
53.	Cộng hòa Iceland
54.	Cộng hòa Ấn Độ
55.	Cộng hòa Indonesia
56.	Israel
57.	Jamaica
58.	Nhật Bản
59.	Vương quốc Jordan

VI

60.	Cộng hòa Kenya
61.	Đại Hàn Dân Quốc
62.	Kuwait
63.	Cộng hòa Kyrgyzstan
64.	Vương quốc Lesotho
65.	Công quốc Liechtenstein
66.	Đặc khu hành chính Macau
67.	Cộng hòa Madagascar
68.	Cộng hòa Malawi
69.	Malaysia
70.	Cộng hòa Maldives
71.	Cộng hòa Mali
72.	Cộng hòa Hồi giáo Mauritania
73.	Cộng hòa Mauritius
74.	Mexico
75.	Cộng hòa Moldova
76.	Cộng hòa nhân dân Mông Cổ
77.	Vương quốc Maroc
78.	Cộng hòa Mozambique
79.	Liên bang Myanma
80.	Cộng hòa Namibia

VII

81.	Nepal
82.	New Zealand
83.	Cộng hòa Nicaragua
84.	Cộng hòa Niger
85.	Cộng hòa liên bang Nigeria
86.	Vương quốc Na Uy
87.	Vương quốc Oman
88.	Cộng hòa Hồi giáo Pakistan
89.	Cộng hòa Panama
90.	Papua New Guinea
91.	Cộng hòa Paraguay
92.	Cộng hòa Peru
93.	Cộng hòa Philippines
94.	Qatar
95.	Cộng hòa Rwanda
96.	Liên bang Saint Kitts và Nevis
97.	Saint Lucia
98.	Saint Vincent và Grenadines
99.	Vương quốc Ả Rập Saudi
100.	Cộng hòa Sénégal
101.	Cộng hòa Sierra Leone

VIII

102.	Cộng hòa Singapore
103.	Quần đảo Solomon
104.	Cộng hoà Nam Phi
105.	Cộng hòa dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka
106.	Cộng hòa Suriname
107.	Vương quốc Swaziland
108.	Liên bang Thụy Sĩ
109.	Trung Hoa Đài Bắc
110.	Cộng hòa thống nhất Tanzania
111.	Vương quốc Thái Lan
112.	Cộng hòa Togo
113.	Cộng hòa Trinidad và Tobago
114.	Cộng hòa Tunisia

IX

115.	Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ
116.	Cộng hòa Uganda
117.	Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất
118.	Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
119.	Cộng hòa Uruguay
120.	Cộng hòa Venezuela
121.	Cộng hòa Zambia
122.	Cộng hòa Zimbabwe

II. Liên minh Châu Âu gồm

STT	Liên minh Châu Âu
123.	Cộng hòa Ailen
124.	Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen
125.	Cộng hòa Áo
126.	Cộng hòa Ba Lan
127.	Vương quốc Bỉ

128.	Cộng hòa Bồ Đào Nha
129.	Vương quốc Đan Mạch
130.	Cộng hòa liên bang Đức
131.	Cộng hòa Estonia
132.	Hà Lan
133.	Cộng hòa Hungary
134.	Cộng hòa Hy Lạp
135.	Cộng hòa Italia
136.	Cộng hòa Latvia
137.	Cộng hòa Litva
138.	Đại công quốc Lúc xăm bua
139.	Cộng hòa Manta
140.	Cộng hòa Pháp
141.	Cộng hòa Phần Lan
142.	Cộng hòa Séc
143.	Cộng hòa Síp

144.	Cộng hòa Slovakia
145.	Cộng hòa Slovenia
146.	Vương quốc Tây Ban Nha
147.	Vương quốc Thụy Điển
148.	Cộng hòa Hungary
149.	Cộng hòa Rumani

III. Những nước và vùng lãnh thổ chưa là thành viên WTO

STT	Tên nước/ Vùng lãnh thổ
150.	Cộng hòa Angiêri
151.	Cộng hòa Belarus
152.	Cộng hòa Cadacxtan
153.	Cộng hòa Hồi giáo I ran
154.	Cộng hòa I rắc
155.	Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào
156.	Cộng hòa Li băng
157.	Liên bang Nga
158.	Palestin
159.	Cộng hòa Tadgikistan
160.	Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên
161.	Ucraina
162.	Cộng hòa Uzbêkistan
163.	Cộng hòa Yêmen
164.	Cộng hòa A rập Xyri

PHỤ LỤC 6:**Kết quả tham vấn giá tại Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh**

* Năm 2004

Trong năm 2004, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã làm thủ tục cho khoảng 150.000 tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu các loại. Trong đó, số lượng tờ khai trị giá là 70.300 tờ khai.

* Tại Phòng Trị giá tính thuế:

Công tác tham vấn: tiếp nhận 3.373 tờ khai do Chi cục chuyển về tham vấn do nghi ngờ giá thấp.

Đã mời doanh nghiệp tham vấn: 937 trường hợp.

Bác bỏ giá giao dịch để xác định theo phương pháp khác: 417 trường hợp

Thuế tăng do điều chỉnh giá: 8.9 tỷ đồng.

* Tại Chi cục HQ các cửa khẩu:

Đã mời doanh nghiệp tham vấn: 1.352 trường hợp.

Sau khi tham vấn, chấp nhận trị giá giao dịch theo phương pháp trị giá giao dịch: 983 trường hợp.

Bác bỏ giá giao dịch để xác định theo phương pháp khác: 262 trường hợp.

Thuế tăng do điều chỉnh giá : 4.96 tỷ đồng. Cụ thể :

Chi cục HQ Cảng Sài Gòn KV1 : 1.399.355.212 đồng (28,1%)

Chi cục HQ Cảng Sài Gòn KV2 : 104.565.054 đồng (2,11%)

Chi cục HQ Cảng Sài Gòn KV3 : 565.666.536 đồng (11,4%)

Chi cục HQ Cảng Sài Gòn KV4 : 460.397.125 đồng (9,28%)

Chi cục HQ Sân bay TSN : 1.077.307.262 đồng (21,72%)

Chi cục HQ quản lý hàng đầu tư : 1.349.406.088 đồng (27,21%)

II

* Năm 2005

TT	Đơn vị	Tờ khai tham vấn	TK bác bỏ giá giao dịch	Thuế tăng theo PP khác	Tỷ lệ %
01	Phòng Trị giá tính thuế	8.018	1.684	64.193.016.220	78,43
02	Chi cục HQ Cảng SGKV1	1.102	48	1.081.672.662	1,32
03	Chi cục HQ Cảng SGKV2	173	120	3.888.683.305	4,75
04	Chi cục HQ Cảng SGKV3	952	77	1.738.629.944	2,12
05	Chi cục HQ Cảng SGKV4	269	230	4.483.532.437	5,48
06	Chi cục HQ SBTSN	557	175	3.396.193.597	4,15
07	Chi cục HQ Đầu tư	241	87	2.454.020.475	3,0
08	Chi cục HQ Gia công	0	0	0	0
09	Chi cục HQ Bưu điện	03	03	11.055.780	0,01
10	Chi cục HQ Tân Thuận	0	0	0	0
11	Chi cục HQ Linh Trung	05	04	597.840.814	0,73
	Tổng cộng			81.844.645.234	

(Đơn vị tính : đồng)

* Năm 2006

TT	Đơn vị	Tờ khai tham vấn	TK bác bỏ giá giao dịch	Thuế tăng theo PP khác	Tỷ lệ %
01	Phòng Trị giá tính thuế	4.190	956	52.218.309.012	69,46
02	Chi cục HQ Cảng SGKV1	1.122	148	2.068.454.831	2,75
03	Chi cục HQ Cảng SGKV2	108	72	2.135.055.861	2,84
04	Chi cục HQ Cảng SGKV3	648	84	1.860.455.498	2,47
05	Chi cục HQ Cảng SGKV4	961	454	8.195.250.688	10,9
06	Chi cục HQ SBTSN	636	265	7.789.233.930	10,36
07	Chi cục HQ Đầu tư	47	11	214.539.016	0,29
08	Chi cục HQ Gia công	0	0	0	0
09	Chi cục HQ Bưu điện	58	36	292.066.063	0,39
10	Chi cục HQ Tân Thuận	39	23	348.571.514	0,46
11	Chi cục HQ Linh Trung	04	02	54.141.409	0,07
	Tổng cộng			75.176.077.822	

(Đơn vị tính : đồng)

* Năm 2007

TT	Đơn vị	Tờ khai tham	TK bác bỏ giá	Thuế tăng theo PP khác	Tỷ lệ %
----	--------	--------------	---------------	------------------------	---------

III

		vấn	giao dịch		
01	Phòng Trị giá tính thuế	6.656	2.531	130.967.554.140	91,51
02	Chi cục HQCSG KV.1	858	147	1.542.658.784	1,08
03	Chi cục HQCSG KV.2	31	18	183.801.443	0,13
04	Chi cục HQCSG KV.3	290	49	1.036.496.392	0,72
05	Chi cục HQCSG KV.4	368	108	3.787.457.313	2,65
06	Chi cục HQ SB.TSN	608	266	4.785.574.775	3,34
07	Chi cục HQ QL Đầu tư	0	0	0	0
08	Chi Cục HQ Điện tử	105	87	566.862.801	0,4
09	Chi cục HQ Bru điện	15	07	230.675.623	0,16
10	Chi cục HQ Tân thuận	05	03	17.997.248	0,01
11	Chi cục HQ Linh Trung	02	02	6.189.144	0,004
	Tổng cộng			143.125.267.663	

(Đơn vị tính : đồng)

*Trong đó, Đối với xe ô tô dưới 16 chỗ đã sử dụng tại Phòng Trị giá tính thuế :

Đã xác định lại trị giá tính thuế cho: 445 chiếc / 521 chiếc;

Thuế tăng so với giá khai báo: 47.888.093.000 đồng /130.967.554.140 đồng

* Năm 2008

TT	Đơn vị	Tờ khai tham vấn	TK bác bỏ giá giao dịch	Thuế tăng theo PP khác	Tỷ lệ %
01	Phòng Trị giá tính thuế	14.443	5.700	276.441.637.487	92,13
02	Chi cục HQCSG KV.1	962	200	1.959.711.058	0,65
03	Chi cục HQCSG KV.2	57	36	404.702.362	0,13
04	Chi cục HQCSG KV.3	133	34	834.493.165	0,28
05	Chi cục HQCSG KV.4	683	370	8.859.914.705	2,95
06	Chi cục HQ SB.TSN	1.242	992	7.432.259.082	2,48
07	Chi cục HQ QL Đầu tư	170	57	1.214.179.543	0,4
08	Chi Cục HQ Điện tử	145	40	664.205.333	0,22
09	Chi cục HQ Bru điện	30	20	248.411.636	0,08
10	Chi cục HQ Tân thuận	31	44	1.996.548.107	0,67
11	Chi cục HQ Linh Trung	8	28	0	0
	Tổng cộng			300.056.062.478	

(Đơn vị tính: đồng)

*Trong đó, Đối với xe ô tô dưới 16 chỗ đã sử dụng tại Phòng Trị giá tính thuế:

Đã xác định lại trị giá tính thuế cho: 445 chiếc / 521 chiếc;

IV

Thuế tăng so với giá khai báo: 47.888.093.000 đồng /130.967.554.140 đồng

(Nguồn : Phòng Trị giá tính thuế - Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh)